

# MỜI THẦU

## THÔNG BÁO MỜI THẦU

Liên Doanh Việt - Nga Vietsovpetro - Xí Nghiệp Vận Tải Biển và Công Tác Lặn (XN VTB&CTL) có kế hoạch tổ chức đấu thầu gói thầu “Kim loại đen, Kim loại màu, Kim loại không rỉ và Ống thép cho XN VTB&CTL năm 2026”, đơn hàng số VT-933/26-VTB-TTH theo hình thức Đấu thầu rộng rãi trong nước sử dụng nguồn vốn nằm trong kế hoạch mua sắm VTTB LDVN Vietsovpetro năm 2026 của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, áp dụng theo “Quy chế về thể thức mua sắm hàng hóa và thuê dịch vụ để đảm bảo tính liên tục cho sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên của Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro số VSP-000-TM-238, phiên bản 02”.

XN VTB&CTL mời tất cả các nhà thầu có đủ năng lực, kinh nghiệm và có điều kiện tới tham gia đấu thầu gói thầu nêu trên.

Nhà thầu có nguyện vọng tham gia đấu thầu có thể tìm hiểu thông tin chi tiết tại Phòng Dịch Vụ-Thương Mại-Vật Tư của XN VTB&CTL tại địa chỉ số 71A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh (điện thoại: 0254.3 838662 ext 3850/ 3848, email: [phuongdtm.mt@vietsov.com.vn](mailto:phuongdtm.mt@vietsov.com.vn)) và sẽ được mua một bộ hồ sơ mời thầu hoàn chỉnh với giá là 300.000 VND (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng chẵn).

Hình thức thanh toán: nộp/chuyển khoản vào tài khoản của LDVN Vietsovpetro.

Tên tài khoản: Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro, STK: 008.100.000001.1. tại ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam Vietcombank chi nhánh Vũng Tàu.

Nội dung: *[Tên nhà thầu]*, nộp tiền mua HSDT gói thầu VT-933/26/VTB-TTH

Thời gian bán hồ sơ mời thầu từ thời điểm đăng tải Thông báo mời thầu, ngày 06 tháng 04 năm 2026 đến trước 10 giờ 00 phút, ngày 20 tháng 04 năm 2026 (trong giờ làm việc hành chính).

Hồ sơ dự thầu phải kèm theo Bảo đảm dự thầu với giá trị:

- + Giá trị bảo đảm dự thầu cho nhóm I: 9.000.000 VND
- + Giá trị bảo đảm dự thầu cho nhóm II: 5.000.000 VND
- + Giá trị bảo đảm dự thầu cho nhóm III: 1.500.000 VND
- + Giá trị bảo đảm dự thầu cho nhóm IV: 6.500.000 VND
- + Giá trị bảo đảm dự thầu cho cả **4 nhóm**: 22.000.000 VND

bảo lãnh qua ngân hàng/ bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro.

Hồ sơ dự thầu sẽ được mở công khai vào lúc 11 giờ 00 ngày 20 tháng 04 năm 2026, tại phòng DV-TM-VT, XN VTB&CTL.



XN VTB&CTL kính mời đại diện của các nhà thầu nộp Hồ sơ dự thầu tới tham dự mở thầu vào thời gian và địa điểm nêu trên.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2026

**Giám đốc XN VTB&CTL**

**Dương Bình Minh**

**Để biết thêm thông tin xin vui lòng liên hệ:**

*Phòng DV-TM-VT của XN VTB&CTL*

*Địa chỉ: Số 71A đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP.HCM.*



# HỒ SƠ MỜI THẦU

**Số hiệu gói thầu:**

VT-933/26-VTB-TTH

**Tên gói thầu:**

Kim loại đen, Kim loại màu, Kim loại không rỉ và Ống thép cho XN VTB&CTL năm 2026

**Dự án:**

Kế hoạch mua sắm VTTB LDVN Vietsovpetro năm 2026. Lô 09-1

**Phát hành ngày:**

**Tháng 04/2026**

**Ban hành kèm theo Quyết định:**

Kế hoạch lựa chọn nhà thầu số 26/26/KHLCNT



# MỤC LỤC

## Mô tả tóm tắt

### Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương IV. Biểu mẫu dự thầu

### Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

### Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

### Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Phụ lục 1: Danh mục hàng hóa (03 trang)

Phụ lục 2: Yêu cầu kỹ thuật và Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật (09 trang)



# MÔ TẢ TÓM TẮT

## Phần 1. THỦ TỤC ĐẤU THẦU

### Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu

Chương này cung cấp thông tin nhằm giúp nhà thầu chuẩn bị HSDT. Thông tin bao gồm các quy định về việc chuẩn bị, nộp HSDT, mở thầu, đánh giá HSDT và trao hợp đồng. Chỉ được sử dụng mà không được sửa đổi các quy định tại Chương này.

### Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu

Chương này quy định cụ thể các nội dung của Chương I khi áp dụng đối với từng gói thầu.

### Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT

Chương này bao gồm các tiêu chí để đánh giá HSDT.

### Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu

Chương này bao gồm các biểu mẫu mà nhà thầu sẽ phải hoàn chỉnh để thành một phần nội dung của HSDT.

## Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

### Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật

Chương này nêu các yêu cầu về kỹ thuật và bản vẽ để mô tả các đặc tính kỹ thuật của hàng hóa và dịch vụ liên quan; các nội dung về kiểm tra và thử nghiệm hàng hoá (nếu có).

## Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Phần này gồm các biểu mẫu mà sau khi được hoàn chỉnh sẽ trở thành một bộ phận cấu thành của hợp đồng.

## Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

- Danh mục/Phạm vi cung cấp
- Yêu cầu kỹ thuật
- Tiêu chí đánh giá kỹ thuật
- Các tài liệu kỹ thuật khác, link để tham chiếu (nếu có).



# Phần 1. THỦ TỤC ĐẦU THẦU

## Chương I. CHỈ DẪN NHÀ THẦU

|                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>1. Phạm vi gói thầu</b>                 | <p>1.1. Chủ đầu tư quy định tại <b>BDL</b> phát hành bộ HSMT này để lựa chọn nhà thầu thực hiện gói thầu mua sắm hàng hoá theo phương thức một giai đoạn một túi hồ sơ.</p> <p>1.2. Tên gói thầu, dự án/dự toán mua sắm; số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu (trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập) được quy định tại <b>BDL</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>2. Giải thích từ ngữ trong đấu thầu</b> | <p>2.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm hết hạn nhận HSDT và được quy định trong HSMT.</p> <p>2.2. Ngày là ngày theo dương lịch, bao gồm cả ngày nghỉ cuối tuần, nghỉ lễ, nghỉ Tết theo quy định của pháp luật về lao động.</p> <p>2.3. Thời gian và ngày tháng nêu trong HSMT được tính theo mốc GMT+7.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>3. Nguồn vốn</b>                        | <p>Nguồn vốn (hoặc phương thức thu xếp vốn) để sử dụng cho gói thầu được quy định tại <b>BDL</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| <b>4. Hành vi bị cấm</b>                   | <p>4.1. Đưa, nhận, môi giới hối lộ;</p> <p>4.2. Lợi dụng chức vụ quyền hạn để can thiệp bất hợp pháp vào công tác lựa chọn nhà thầu;</p> <p>4.3. Thông thầu bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Dàn xếp, thỏa thuận, ép buộc để một hoặc các bên chuẩn bị Hồ sơ dự thầu hoặc rút Hồ sơ dự thầu để một bên trúng thầu;</p> <p>b) Dàn xếp, thỏa thuận để từ chối cung cấp hàng hóa, dịch vụ, không ký Hợp đồng thầu phụ hoặc thực hiện các hình thức thỏa thuận khác nhằm hạn chế cạnh tranh để một bên trúng thầu;</p> <p>c) Nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm đã tham dự thầu và đáp ứng yêu cầu của Hồ sơ mời thầu nhưng cố ý không cung cấp tài liệu để chứng minh năng lực, kinh nghiệm khi được Bên mời thầu yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu hoặc khi được yêu cầu đối chiếu tài liệu nhằm tạo điều kiện để một bên trúng thầu.</p> <p>4.4. Gian lận bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Làm giả hoặc làm sai lệch thông tin, hồ sơ, tài liệu trong đấu thầu;</p> <p>b) Cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực, không khách quan trong Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>4.5. Cản trở bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Hủy hoại, lừa dối, thay đổi, che giấu chứng cứ hoặc báo cáo sai sự thật; đe dọa, hoặc gợi ý đối với bất kỳ bên nào nhằm ngăn chặn việc làm rõ hành vi đưa, nhận, môi giới hối lộ, gian lận hoặc thông đồng đối với cơ quan có chức năng, thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán;</p> <p>b) Cản trở Người có thẩm quyền, chủ đầu tư, Bên mời thầu, nhà thầu trong lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Cản trở cơ quan có thẩm quyền về giám sát, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán đối với hoạt động đấu thầu;</p> <p>d) Cố tình khiếu nại, tố cáo, kiến nghị sai sự thật để cản trở hoạt động đấu</p> |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>thầu;</p> <p>đ) Có hành vi vi phạm pháp luật về an toàn, an ninh mạng nhằm can thiệp, cản trở việc đấu thầu qua mạng.</p> <p>4.6. Không bảo đảm công bằng, minh bạch bao gồm các hành vi sau đây:</p> <p>a) Tham dự thầu với tư cách là nhà thầu đối với gói thầu do mình làm Bên mời thầu, chủ đầu tư hoặc thực hiện nhiệm vụ của Bên mời thầu, chủ đầu tư không đúng quy định của Mục 5 CDNT;</p> <p>b) Tham gia lập, đồng thời tham gia thẩm định Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>c) Tham gia đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất đồng thời tham gia thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu đối với cùng một gói thầu, dự án;</p> <p>d) Cá nhân thuộc Bên mời thầu, chủ đầu tư trực tiếp tham gia quá trình lựa chọn nhà thầu hoặc tham gia Tổ chuyên gia, tổ thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc là Người có thẩm quyền, người đứng đầu chủ đầu tư, Bên mời thầu đối với các gói thầu do người có quan hệ gia đình theo quy định của Luật Doanh nghiệp đứng tên dự thầu hoặc là người đại diện hợp pháp của nhà thầu;</p> <p>đ) Nhà thầu tham dự thầu gói thầu mua sắm hàng hóa, phi tư vấn do nhà thầu đó cung cấp dịch vụ tư vấn: lập, thẩm tra, thẩm định dự toán, thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, thiết kế kỹ thuật tổng thể (thiết kế FEED); lập, thẩm định Hồ sơ mời thầu; đánh giá Hồ sơ dự thầu; kiểm định hàng hóa; thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; giám sát thực hiện Hợp đồng;</p> <p>e) Đứng tên tham dự thầu gói thầu thuộc dự án do chủ đầu tư, Bên mời thầu là cơ quan, tổ chức nơi mình đã công tác và giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong thời gian 12 tháng kể từ ngày không còn làm việc tại cơ quan, tổ chức đó;</p> <p>g) Nhà thầu tư vấn giám sát đồng thời thực hiện tư vấn kiểm định đối với gói thầu do nhà thầu đó giám sát;</p> <p>4.7. Tiết lộ những tài liệu, thông tin sau đây về quá trình lựa chọn nhà thầu:</p> <p>a) Nội dung Hồ sơ mời thầu/Hồ sơ yêu cầu trước thời điểm phát hành theo quy định;</p> <p>b) Nội dung Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất, sổ tay ghi chép, biên bản cuộc họp xét thầu, các ý kiến nhận xét, đánh giá đối với từng Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>c) Nội dung yêu cầu làm rõ Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất của Bên mời thầu và trả lời của nhà thầu trong quá trình đánh giá Hồ sơ dự thầu/Hồ sơ đề xuất trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>d) Báo cáo của Bên mời thầu, báo cáo của Tổ chuyên gia, báo cáo thẩm định, báo cáo của nhà thầu tư vấn, báo cáo của cơ quan chuyên môn có liên quan trong quá trình lựa chọn nhà thầu trước khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu;</p> <p>e) Kết quả lựa chọn nhà thầu trước khi được công khai theo quy định;</p> <p>f) Các tài liệu khác trong quá trình lựa chọn nhà thầu được đóng dấu mật theo quy định của Quy chế số VSP-000-TM-238.</p> <p>4.8. Chuyển nhượng thầu:</p> <p>Nhà thầu chuyển nhượng cho nhà thầu khác phần công việc thuộc gói thầu có giá trị từ 10% trở lên hoặc dưới 10% nhưng trên 02 triệu USD (sau khi</p> |
|--|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                       | trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ đã được kê khai trong Hợp đồng) tính trên giá Hợp đồng đã ký kết.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>5. Tư cách hợp lệ của nhà thầu</b> | <p>5.1. Nhà thầu là tổ chức, hộ kinh doanh đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà thầu đang hoạt động cấp;</p> <p>b) Hạch toán tài chính độc lập;</p> <p>c) Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.</p> <p>d) Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>đ) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của Luật Đấu thầu và Vietsovpetro.</p> <p>e) Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.</p> <p>f) Có tên trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia <b>trước khi phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu</b></p> <p>g) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự.</p> <p>5.2 Nhà thầu là cá nhân có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ theo quy định pháp luật của nước mà cá nhân đó là công dân;</p> <p>b) Có chứng chỉ chuyên môn phù hợp theo quy định của pháp luật;</p> <p>c) Đăng ký hoạt động hợp pháp theo quy định của pháp luật;</p> <p>d) Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;</p> <p>e) Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu.</p> |
| <b>6. Nội dung của HSMT</b>           | <p>6.1. HSMT bao gồm Phần 1, Phần 2, Phần 3, Phần 4 cùng với tài liệu sửa đổi, làm rõ HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT (nếu có), trong đó bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p><b>Phần 1. Thủ tục đấu thầu:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương I. Chỉ dẫn nhà thầu;</li> <li>- Chương II. Bảng dữ liệu đấu thầu;</li> <li>- Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá HSDT;</li> <li>- Chương IV. Biểu mẫu mời thầu và dự thầu.</li> </ul> <p><b>Phần 2. Yêu cầu về kỹ thuật:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật.</li> </ul> <p><b>Phần 3A. Điều kiện hợp đồng và Biểu mẫu hợp đồng:</b></p> <p>Phần này bao gồm các điều khoản, điều kiện, dữ liệu và các biểu mẫu cấu thành bộ hợp đồng hoàn chỉnh.</p> <p><b>Phần 4. Các phụ lục</b></p> <p>6.2. Chủ đầu tư sẽ không chịu trách nhiệm về tính chính xác, hoàn chỉnh của HSMT, tài liệu giải thích làm rõ HSMT hay các tài liệu sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7 CDNT nếu các tài liệu này không được cung cấp</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |

|                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|--------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                | <p>bởi Chủ đầu tư. HSMT do Chủ đầu tư phát hành sẽ là cơ sở để xem xét, đánh giá.</p> <p>6.3. Nhà thầu phải nghiên cứu mọi thông tin của HSMT và các nội dung sửa đổi, làm rõ HSMT, biên bản hội nghị tiền đấu thầu (nếu có) để chuẩn bị HSDT theo yêu cầu của HSMT cho phù hợp.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>7. Sửa đổi, làm rõ HSMT</b> | <p>7.1. Trường hợp sửa đổi HSMT thì Bên mời thầu phát hành văn bản sửa đổi và thông báo bằng văn bản tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu theo các hình thức được quy định tại <b>BDL</b>. Việc sửa đổi HSMT được thực hiện trong thời gian tối thiểu theo quy định tại <b>BDL</b> trước ngày có thời điểm đóng thầu và bảo đảm đủ thời gian để nhà thầu hoàn chỉnh HSDT; trường hợp không bảo đảm đủ thời gian như nêu trên thì phải gia hạn thời điểm đóng thầu.</p> <p>7.2. Trường hợp cần làm rõ HSMT, nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ đến Bên mời thầu bằng văn bản trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại <b>BDL</b> trước ngày có thời điểm đóng thầu để Bên mời thầu xem xét, xử lý. Bên mời thầu tiếp nhận nội dung làm rõ để xem xét, làm rõ theo đề nghị của nhà thầu và thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu theo quy định tại <b>BDL</b> trước ngày có thời điểm đóng thầu, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà thầu đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi HSMT thì Chủ đầu tư tiến hành sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT.</p> <p>7.3. Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư tổ chức hội nghị tiền đấu thầu để trao đổi về những nội dung trong HSMT mà các nhà thầu chưa rõ theo quy định tại <b>BDL</b>. Bên mời thầu gửi giấy mời tham dự hội nghị tiền đấu thầu tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu và đăng tải trên Hệ thống. Nội dung trao đổi giữa Chủ đầu tư và nhà thầu phải được ghi lại thành biên bản và lập thành văn bản làm rõ HSMT gửi tới tất cả các nhà thầu đã nhận Hồ sơ mời thầu.</p> <p>7.4. Trường hợp HSMT cần phải được sửa đổi sau khi tổ chức hội nghị tiền đấu thầu, Chủ đầu tư thực hiện việc sửa đổi HSMT theo quy định tại Mục 7.1 CDNT. Biên bản hội nghị tiền đấu thầu không phải là văn bản sửa đổi HSMT.</p> <p>7.5. Việc nhà thầu không tham dự hội nghị tiền đấu thầu hoặc không có giấy xác nhận đã tham dự hội nghị tiền đấu thầu không phải là lý do để loại bỏ HSDT của nhà thầu.</p> |
| <b>8. Chi phí dự thầu</b>      | Nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự thầu. Trong mọi trường hợp, Chủ đầu tư không chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan đến việc tham dự thầu của nhà thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>9. Ngôn ngữ của HSDT</b>    | HSDT cũng như tất cả văn bản và tài liệu liên quan đến HSDT được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu bổ trợ trong HSDT (catalô...) có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu gửi bổ sung (nếu cần thiết).                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>10. Thành phần của HSDT</b> | <p>HSDT phải bao gồm các thành phần sau:</p> <p>10.1. Đơn dự thầu được theo quy định tại Mục 11 CDNT;</p> <p>10.2. Thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương IV (đối với nhà thầu liên danh);</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                           | <p>10.3. Bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18 CDNT;</p> <p>10.4. Tài liệu chứng minh tính hợp lệ của nhà thầu theo quy định tại mục 5 CDNT;</p> <p>10.5. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký HSDT phù hợp theo quy định tại mục 20.3 CDNT.</p> <p>10.6. Bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu theo Mục 16 CDNT;</p> <p>10.7. Đề xuất về kỹ thuật và các tài liệu theo quy định tại Mục 15 CDNT;</p> <p>10.8. Đề xuất về tài chính và các bảng biểu được ghi đầy đủ thông tin theo quy định tại Mục 11 và Mục 13 CDNT;</p> <p>10.9. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT (nếu có);</p> <p>10.10. Các nội dung khác theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>11. Đơn dự thầu và các bảng biểu</b>                   | <p>Nhà thầu điền đầy đủ thông tin vào các Mẫu ở Chương IV. Nhà thầu kiểm tra thông tin trong đơn dự thầu và các bảng biểu để hoàn thành HSDT.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>12. Đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT</b> | <p>12.1. Trường hợp HSMT có quy định tại <b>BDL</b> về việc nhà thầu có thể đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì phương án kỹ thuật thay thế đó mới được xem xét.</p> <p>12.2. Phương án kỹ thuật thay thế chỉ được xem xét khi phương án chính được đánh giá là đáp ứng yêu cầu và nhà thầu được xếp hạng thứ nhất. Trong trường hợp này, nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin cần thiết để Bên mời thầu có thể đánh giá phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm: thuyết minh, bản vẽ, thông số kỹ thuật, tiến độ cung cấp, chi phí và các thông tin liên quan khác. Việc đánh giá đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT thực hiện theo quy định tại Mục 5 Chương III.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>13. Giá dự thầu và giảm giá</b>                        | <p>13.1. Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu và trong các bảng giá cùng với các khoản giảm giá phải đáp ứng các quy định trong Mục này:</p> <p>a) Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (chưa tính giảm giá).</p> <p>b) Tất cả các phần (đối với gói thầu chia thành nhiều phần) và các hạng mục phải được chào giá riêng trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>c) Đối với gói thầu không chia phần, trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu. Giá trị giảm giá này được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục trong các bảng giá dự thầu;</p> <p>d) Nhà thầu phải nộp HSDT cho toàn bộ công việc yêu cầu trong HSMT và ghi đơn giá dự thầu cho tất cả các công việc nêu trong các cột “Danh mục hàng hoá”, “Mô tả dịch vụ” theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV.</p> <p>13.2. Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập và cho phép dự thầu theo từng phần thì nhà thầu có thể dự thầu một hoặc nhiều phần của gói thầu. Nhà thầu phải dự thầu đầy đủ các hạng mục trong phần mà mình tham dự. Trường hợp nhà thầu có đề xuất giảm giá thì thực hiện theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Cách thứ nhất: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá vào đơn dự thầu (trong trường</p> |

|                                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                           | <p>hợp này được coi là nhà thầu giảm giá đều theo tỷ lệ cho tất cả phần mà nhà thầu tham dự).</p> <p>b) Cách thứ hai: ghi tỷ lệ phần trăm giảm giá cho từng phần.</p> <p>13.3. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về giá dự thầu để thực hiện, hoàn thành các công việc theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT. Trường hợp nhà thầu có đơn giá thấp khác thường, ảnh hưởng đến chất lượng gói thầu thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ về tính khả thi của đơn giá thấp khác thường đó.</p> <p>13.4. Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.</p> <p>13.5. Nhà thầu chào giá dự thầu theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>14. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán</b>                      | Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán là VNĐ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>15. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa, dịch vụ liên quan</b> | <p>15.1. Để chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan so với yêu cầu của HSMT, nhà thầu phải cung cấp các tài liệu để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu về kỹ thuật quy định tại Chương V. Các tài liệu này là một phần của HSDT.</p> <p>15.2. Thuật ngữ “hàng hóa” được hiểu bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng và trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế.</p> <p>15.3. Thuật ngữ “xuất xứ” được hiểu là quốc gia hoặc vùng lãnh thổ nơi hàng hóa được khai thác, chăn nuôi, trồng trọt, sản xuất, chế tạo hoặc chế biến tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ đó, thông qua quá trình chế tạo, chế biến hoặc lắp ráp để tạo thành một sản phẩm được công nhận về mặt thương mại và có sự khác biệt đáng kể về các đặc điểm căn bản so với các yếu tố cấu thành ban đầu.</p> <p>15.4. Thuật ngữ “dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như bảo hiểm<sup>1</sup>, lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ....</p> <p>15.6. Tài liệu chứng minh sự phù hợp của hàng hóa và dịch vụ liên quan có thể là hồ sơ, giấy tờ, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng cơ bản của hàng hóa và dịch vụ liên quan, qua đó chứng minh sự đáp ứng cơ bản của hàng hóa, dịch vụ so với các yêu cầu của HSMT và một bảng kê những điểm sai khác và ngoại lệ (nếu có) so với quy định tại Chương V.</p> <p>15.7. Nhà thầu phải cung cấp đầy đủ danh mục, giá cả, nhà cung cấp vật tư, phụ tùng thay thế, dụng cụ chuyên dùng, vật tư tiêu hao... (sau đây gọi là vật tư, phụ tùng thay thế) cần thiết để bảo đảm sự vận hành đúng quy cách và liên tục của hàng hóa trong thời hạn quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>15.8. Tiêu chuẩn về chế tạo, quy trình sản xuất các vật tư và thiết bị cũng như các tham chiếu đến nhãn hiệu hàng hóa hoặc số catalô do Chủ đầu tư quy định tại Chương V chỉ nhằm mục đích mô tả và không nhằm mục đích hạn chế nhà thầu. Nhà thầu có thể đưa ra các tiêu chuẩn chất lượng, nhãn</p> |

<sup>1</sup> Bảo hiểm cho các hạng mục dịch vụ liên quan, ví dụ: bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa...



|                                                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                                     | hiệu hàng hóa, catalô khác miễn là nhà thầu chứng minh cho Bên mời thầu thấy rằng những thay thế đó vẫn bảo đảm sự tương đương cơ bản hoặc cao hơn so với yêu cầu quy định tại Chương V.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>16. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu</b> | <p>16.1. Nhà thầu kê khai các thông tin cần thiết vào các Mẫu trong Chương IV để cung cấp thông tin về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu tại Chương III. Trường hợp nhà thầu được mời vào đối chiếu tài liệu, nhà thầu phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu để đối chiếu với thông tin nhà thầu kê khai trong HSDT và để Chủ đầu tư lưu trữ.</p> <p>16.2. Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu nếu được trúng thầu thực hiện theo <b>BDL</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>17. Thời hạn có hiệu lực của HSDT</b>                            | <p>17.1. HSDT có hiệu lực không ngắn hơn thời hạn nêu tại <b>BDL</b>.</p> <p>17.2. Trong trường hợp cần thiết, trước khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, Bên mời thầu có thể đề nghị các nhà thầu gia hạn hiệu lực của HSDT, đồng thời yêu cầu nhà thầu gia hạn tương ứng thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu (bằng thời gian hiệu lực HSDT sau khi gia hạn cộng thêm 30 ngày). Nếu nhà thầu không chấp nhận việc gia hạn hiệu lực của HSDT thì HSDT của nhà thầu sẽ không được xem xét tiếp, trong trường hợp này, nhà thầu được nhận lại bảo lãnh dự thầu. Nhà thầu chấp nhận đề nghị gia hạn HSDT không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSDT, trừ việc gia hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu. Việc đề nghị gia hạn và chấp thuận hoặc không chấp thuận gia hạn được thực hiện bằng văn bản.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>18. Bảo đảm dự thầu</b>                                          | <p>18.1. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu trước thời điểm đóng thầu theo một hoặc các hình thức thư bảo lãnh do đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam phát hành hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro. Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy hoặc đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro, nhà thầu đính kèm khi nộp HSDT. Trường hợp HSDT được gia hạn hiệu lực theo quy định tại Mục 17.2 CDNT thì hiệu lực của bảo đảm dự thầu cũng phải được gia hạn tương ứng. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.</p> <p>Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau:</p> <p>a) Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm dự thầu nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT; nếu bảo đảm dự thầu của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDT của liên danh đó sẽ không được xem xét, đánh giá tiếp. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả;</p> <p>b) Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho thành viên liên danh đó và cho thành viên khác trong liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm dự thầu có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm dự thầu cho các thành viên trong liên</p> |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>danh nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại điểm b Mục 18.5 CDNT thì giá trị bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.</p> <p>18.2. Giá trị, đồng tiền và thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu được quy định cụ thể tại <b>BDL</b>.</p> <p>18.3. Bảo đảm dự thầu được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, thời gian có hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không có bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, có kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B, Mẫu số 04C Chương IV). Trường hợp áp dụng thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh thì thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam, doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp áp dụng Thư bảo lãnh (<i>đặt cọc/chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i>) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.</p> <p>18.4. Nhà thầu không được lựa chọn sẽ được hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu theo thời hạn quy định <b>BDL</b>. Đối với nhà thầu được lựa chọn, bảo đảm dự thầu được hoàn trả hoặc giải tỏa khi hợp đồng có hiệu lực.</p> <p>18.5. Các trường hợp không hoàn trả bản gốc thư bảo lãnh dự thầu, giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh (đối với trường hợp sử dụng bảo lãnh dự thầu bằng văn bản giấy) Nhà thầu vi phạm quy định của pháp luật về đấu thầu dẫn đến không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;</li> <li>b) Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định Mục 4 CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Mục 32 CDNT;</li> <li>c) Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 CDNT;</li> <li>d) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời đến thương thảo Hợp đồng. Trong thời hạn năm (07) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo Hợp đồng của Bên mời thầu nhưng nhà thầu không đến thương thảo hoặc từ chối thương thảo Hợp đồng hoặc đưa ra những điều kiện khác với các nội dung trong Hồ sơ dự thầu hoặc rút lại các cam kết trong Hồ sơ dự thầu dẫn đến thương thảo Hợp đồng không thành công thì nhà thầu sẽ không được nhận lại Bảo đảm dự thầu.</li> <li>e) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của Bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>f) Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn mười ngày (10) ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất</li> </ul> |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                     | <p>khả kháng.</p> <p>18.6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập, nhà thầu có thể lựa chọn nộp bảo đảm dự thầu theo một trong hai cách sau đây:</p> <p>a) Bảo đảm dự thầu chung cho tất cả các phần mà mình tham dự thầu (giá trị bảo đảm dự thầu sẽ bằng tổng giá trị của các phần nhà thầu tham dự). Trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu do nhà thầu nộp nhỏ hơn tổng giá trị cộng gộp thì Bên mời thầu được quyền quyết định lựa chọn bảo đảm dự thầu đó được sử dụng cho phần nào trong số các phần mà nhà thầu tham dự;</p> <p>b) Bảo đảm dự thầu riêng cho từng phần mà nhà thầu tham dự.</p> <p>Trường hợp nhà thầu vi phạm dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT thì việc không hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu được tính trên phần mà nhà thầu vi phạm.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>19. Thời điểm đóng thầu</b>      | <p>19.1. Thời điểm đóng thầu là thời điểm quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>19.2. Chủ đầu tư có thể gia hạn thời điểm đóng thầu bằng cách sửa đổi HSMT. Khi gia hạn thời điểm đóng thầu, mọi trách nhiệm của Chủ đầu tư và nhà thầu theo thời điểm đóng thầu trước đó sẽ được thay đổi theo thời điểm đóng thầu mới được gia hạn.</p> <p>19.3 Nhà thầu nộp trực tiếp hoặc gửi HSDT đến địa chỉ của Bên mời thầu nhưng phải bảo đảm Bên mời thầu nhận được trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu tiếp nhận HSDT của tất cả các nhà thầu nộp HSDT trước thời điểm đóng thầu, kể cả trường hợp nhà thầu tham dự thầu chưa mua hoặc chưa nhận HSMT từ Bên mời thầu. Trường hợp chưa mua HSMT thì nhà thầu phải trả cho Bên mời thầu một khoản tiền bằng giá bán HSMT trước khi HSDT được tiếp nhận nhưng phải đảm bảo trước thời điểm đóng thầu.</p> <p>19.4. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ Hồ sơ dự thầu nào được gửi đến sau thời hạn nộp hồ sơ dự thầu. Mọi Hồ sơ dự thầu mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là nộp muộn, bị loại và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p>                                                                                |
| <b>20. Nộp, rút và sửa đổi HSDT</b> | <p>20.1. Nhà thầu phải chuẩn bị HSDT bao gồm: 1 bản gốc HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT và một số bản chụp HSDT theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT”, “BẢN CHỤP HSDT”.</p> <p>Trường hợp có sửa đổi, thay thế HSDT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN CHỤP HSDT SỬA ĐỔI”, “BẢN GỐC HSDT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP HSDT THAY THẾ”.</p> <p>Trường hợp có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế trong HSDT theo quy định tại Mục 12 CDNT thì nhà thầu phải chuẩn bị 1 bản gốc và một số bản chụp hồ sơ theo số lượng quy định tại <b>BDL</b>. Trên trang bìa của các hồ sơ phải ghi rõ “BẢN GỐC ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”, “BẢN CHỤP ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.</p> <p>20.2. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh</p> |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p>giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà thầu thì HSDT của nhà thầu bị loại.</p> <p>20.3. Bản gốc của HSDT phải được đánh máy hoặc viết bằng mực không phai, đánh số trang theo thứ tự liên tục. Đơn dự thầu, thư giảm giá (nếu có), các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT, Bảng giá và các biểu mẫu khác tại Chương IV – Biểu mẫu dự thầu phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu hoặc người được ủy quyền hợp pháp ký tên và đóng dấu (nếu có), trường hợp ủy quyền phải có giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương IV - Biểu mẫu dự thầu hoặc bản chụp Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh được chứng thực hoặc các tài liệu khác chứng minh thẩm quyền của người được ủy quyền và được nộp cùng với HSDT.</p> <p>20.4. Trường hợp là nhà thầu liên danh thì HSDT phải có chữ ký của đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh hoặc thành viên đại diện nhà thầu liên danh theo thỏa thuận liên danh. Để bảo đảm tất cả các thành viên của liên danh đều bị ràng buộc về pháp lý, văn bản thỏa thuận liên danh phải có chữ ký của các đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên trong liên danh.</p> <p>20.5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn dự thầu.</p> <p>20.6. Túi đựng HSDT bao gồm bản gốc và các bản chụp HSDT, bên ngoài phải ghi rõ "HỒ SƠ DỰ THẦU".</p> <p>Trường hợp nhà thầu có sửa đổi, thay thế HSDT thì hồ sơ sửa đổi, thay thế (bao gồm bản gốc và các bản chụp) phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “HỒ SƠ DỰ THẦU SỬA ĐỔI”, “HỒ SƠ DỰ THẦU THAY THẾ”.</p> <p>Trường hợp nhà thầu có đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì toàn bộ phương án kỹ thuật thay thế, bao gồm cả đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về giá phải được đựng trong các túi riêng biệt với túi đựng HSDT, bên ngoài phải ghi rõ “ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN KỸ THUẬT THAY THẾ”.</p> <p>Các túi đựng: HSDT; HSDT sửa đổi, HSDT thay thế (nếu có); đề xuất phương án kỹ thuật thay thế (nếu có) phải được niêm phong. Cách niêm phong theo quy định riêng của nhà thầu.</p> <p>20.7. Trên các túi đựng hồ sơ phải:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Ghi tên và địa chỉ của nhà thầu;</li> <li>Ghi tên người nhận là tên Bên mời thầu theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>;</li> <li>Ghi tên gói thầu theo quy định tại Mục 1.2 CDNT;</li> <li>Ghi dòng chữ cảnh báo “không được mở trước thời điểm mở thầu”.</li> </ol> <p>20.8. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định của HSMT này như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDT trong quá trình chuyển đến Bên mời thầu, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDT theo hướng dẫn quy định tại Mục 20.6 và Mục 20.7 CDNT. Bên mời thầu sẽ không chịu trách nhiệm về tính bảo mật</p> |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                    | <p>thông tin của HSDT nếu nhà thầu không thực hiện đúng quy định nêu trên.</p> <p>20.9. Bên mời thầu sẽ không xem xét bất kỳ HSDT nào được nộp sau thời điểm đóng thầu. Bất kỳ HSDT nào mà Bên mời thầu nhận được sau thời điểm đóng thầu sẽ bị tuyên bố là HSDT nộp muộn, bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.10. Sau khi nộp HSDT, nhà thầu có thể sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà thầu, trường hợp ủy quyền thì phải gửi kèm giấy ủy quyền theo quy định tại Mục 20.3 CDNT. Hồ sơ sửa đổi hoặc thay thế HSDT phải được gửi kèm với văn bản thông báo việc sửa đổi, thay thế tương ứng và phải bảo đảm các điều kiện sau:</p> <p>a) Được nhà thầu chuẩn bị và nộp cho Bên mời thầu theo quy định tại Mục 20 CDNT, trên túi đựng văn bản thông báo phải ghi rõ “SỬA ĐỔI HSDT” hoặc “THAY THẾ HSDT” hoặc “RÚT HSDT”;</p> <p>b) Được Bên mời thầu tiếp nhận trước thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19 CDNT.</p> <p>20.11. HSDT mà nhà thầu yêu cầu rút lại theo quy định tại Mục 20.10 CDNT sẽ được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu.</p> <p>20.12. Nhà thầu không được sửa đổi, thay thế hoặc rút HSDT sau thời điểm đóng thầu cho đến khi hết hạn hiệu lực của HSDT mà nhà thầu đã ghi trong đơn dự thầu hoặc đến khi hết hạn hiệu lực đã gia hạn của HSDT.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>21. Mở thầu</b> | <p>21.1. Ngoại trừ các trường hợp quy định tại Mục 20 CDNT, Bên mời thầu phải mở công khai và đọc to, rõ các thông tin quy định tại Mục 21.3 CDNT của tất cả HSDT đã nhận được trước thời điểm đóng thầu. Việc mở thầu phải được tiến hành công khai theo thời gian và địa điểm quy định tại <b>BDL</b> trước sự chứng kiến của đại diện của các nhà thầu tham dự lễ mở thầu và đại diện của các cơ quan, tổ chức có liên quan. Việc mở thầu không phụ thuộc vào sự có mặt hay vắng mặt của đại diện nhà thầu tham dự thầu.</p> <p>21.2. Trường hợp nhà thầu có đề nghị rút hoặc thay thế HSDT thì trước tiên Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ các thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “RÚT HSDT”, túi đựng HSDT của nhà thầu có đề nghị rút HSDT sẽ được giữ nguyên niêm phong và trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu rút HSDT và vẫn mở HSDT tương ứng nếu văn bản thông báo “RÚT HSDT” không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>Tiếp theo, Bên mời thầu sẽ mở và đọc to, rõ thông tin trong túi đựng văn bản thông báo bên ngoài có ghi chữ “THAY THẾ HSDT” và HSDT thay thế này sẽ được thay cho HSDT bị thay thế. HSDT bị thay thế sẽ không được mở và được trả lại nguyên trạng cho nhà thầu. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu thay thế HSDT nếu văn bản thông báo thay thế HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu và phải được công khai trong lễ mở thầu.</p> <p>Đối với các túi đựng văn bản thông báo “SỬA ĐỔI HSDT” thì văn bản</p> |

|                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
|------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                        | <p>thông báo gửi kèm sẽ được mở và đọc to, rõ cùng với các HSDT sửa đổi tương ứng. Bên mời thầu sẽ không chấp nhận cho nhà thầu sửa đổi HSDT nếu văn bản thông báo sửa đổi HSDT không kèm theo tài liệu chứng minh người ký văn bản đó là đại diện hợp pháp của nhà thầu. Chỉ có các HSDT được mở và đọc tại buổi mở HSDT mới được tiếp tục xem xét và đánh giá.</p> <p>21.3. Việc mở thầu được thực hiện đối với từng HSDT theo thứ tự chữ cái tên của nhà thầu và theo trình tự sau đây:</p> <p>a) Kiểm tra niêm phong;</p> <p>b) Mở bản gốc HSDT, HSDT sửa đổi (nếu có) hoặc HSDT thay thế (nếu có) và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà thầu, số lượng bản gốc, bản chụp, giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu, giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của HSDT, thời gian thực hiện hợp đồng, giá trị của bảo đảm dự thầu, thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu và các thông tin khác mà Bên mời thầu thấy cần thiết. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì còn phải đọc giá dự thầu và giá trị giảm giá (nếu có) cho từng phần. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở thầu mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;</p> <p>c) Đại diện của Bên mời thầu phải ký xác nhận vào bản gốc đơn dự thầu, bảo đảm dự thầu, bảng tổng hợp giá dự thầu, giấy uỷ quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà thầu (nếu có), thư giảm giá (nếu có), thoả thuận liên danh (nếu có). Bên mời thầu không được loại bỏ bất kỳ HSDT nào khi mở thầu, trừ các HSDT nộp muộn theo quy định tại Mục 20 CDNT.</p> <p>21.4. Bên mời thầu phải lập biên bản mở thầu trong đó bao gồm các thông tin quy định tại Mục 21.3 CDNT. Biên bản mở thầu phải được ký xác nhận bởi đại diện của Bên mời thầu và các nhà thầu tham dự lễ mở thầu. Việc thiếu chữ ký của nhà thầu trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở thầu sẽ được gửi cho tất cả các nhà thầu tham dự thầu..</p> |
| <b>22. Bảo mật</b>     | <p>22.1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSDT và đề nghị trao hợp đồng phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà thầu hay bất kỳ người nào không có liên quan chính thức đến quá trình lựa chọn nhà thầu cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSDT của nhà thầu này cho nhà thầu khác, trừ thông tin được công khai trong biên bản mở thầu.</p> <p>22.2. Trừ trường hợp làm rõ HSDT (nếu cần thiết) và đối chiếu tài liệu, nhà thầu không được phép tiếp xúc với Chủ đầu tư, Bên mời thầu về các vấn đề liên quan đến HSDT của mình và các vấn đề khác liên quan đến gói thầu trong suốt thời gian từ khi mở thầu cho đến khi công khai kết quả lựa chọn nhà thầu.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>23. Làm rõ HSDT</b> | <p>23.1. Sau khi mở thầu, nhà thầu có trách nhiệm làm rõ HSDT theo yêu cầu của bên mời thầu, kể cả về tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong HSDT của nhà thầu, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDT đã nộp, không thay đổi giá dự thầu.</p> <p>23.2. Trong quá trình đánh giá, việc làm rõ HSDT giữa nhà thầu và Bên mời</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |

|                                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|-----------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                           | <p>thầu được thực hiện bằng văn bản.</p> <p>23.3. Việc làm rõ HSDT chỉ được thực hiện giữa Bên mời thầu và nhà thầu có HSDT cần phải làm rõ. Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính, nếu quá thời hạn làm rõ mà nhà thầu không thực hiện làm rõ hoặc có thực hiện làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời thầu thì Bên mời thầu sẽ đánh giá HSDT của nhà thầu theo HSDT nộp trước thời điểm đóng thầu. Bên mời thầu phải dành cho nhà thầu một khoảng thời gian hợp lý để nhà thầu thực hiện việc làm rõ HSDT.</p> <p>23.4. Trường hợp sau khi đóng thầu, nhà thầu phát hiện hồ sơ dự thầu thiếu các tài liệu chứng minh về tư cách hợp lệ, hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất, báo cáo tài chính, nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế, tài liệu về nhân sự, thiết bị cụ thể đã đề xuất trong hồ sơ dự thầu thì được gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong một khoảng thời gian quy định tại BDL. Bên mời thầu có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà thầu để xem xét, đánh giá; các tài liệu bổ sung, làm rõ là một phần của hồ sơ dự thầu.</p> <p>23.5. Trường hợp có sự không thống nhất trong nội dung của HSDT hoặc có nội dung chưa rõ thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ trên cơ sở tuân thủ quy định tại Mục 23.1 CDNT.</p> <p>23.6. Trường hợp có nghi ngờ về tính xác thực của các tài liệu do nhà thầu cung cấp, Chủ đầu tư, Bên mời thầu được xác minh với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến nội dung của tài liệu.</p> <p>23.7. Trường hợp HSMT có yêu cầu về cam kết, hợp đồng nguyên tắc thuê thiết bị, cung cấp vật liệu chính, bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng mà HSDT không đính kèm các tài liệu này thì bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT, bổ sung tài liệu trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc để làm cơ sở đánh giá HSDT.</p> |
| <b>24. Các sai khác, đặt điều kiện và bỏ sót nội dung</b> | <p>Các định nghĩa sau đây sẽ được áp dụng cho quá trình đánh giá HSDT:</p> <p>24.1. “Sai khác” là các khác biệt so với yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>24.2. “Đặt điều kiện” là việc đặt ra các điều kiện có tính hạn chế hoặc thể hiện sự không chấp nhận hoàn toàn đối với các yêu cầu nêu trong HSMT;</p> <p>24.3. “Bỏ sót nội dung” là việc nhà thầu không cung cấp được một phần hoặc toàn bộ thông tin hay tài liệu theo yêu cầu nêu trong HSMT.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>25. Xác định tính đáp ứng của HSDT</b>                 | <p>25.1. Bên mời thầu sẽ xác định tính đáp ứng của HSDT dựa trên nội dung của HSDT theo quy định tại Mục 10 CDNT.</p> <p>25.2. HSDT đáp ứng cơ bản là HSDT đáp ứng các yêu cầu nêu trong HSMT mà không có các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản. Sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản nghĩa là những điểm trong HSDT mà:</p> <p>a) Nếu được chấp nhận thì sẽ gây ảnh hưởng đáng kể đến phạm vi, chất lượng hay tính năng sử dụng của hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan; gây hạn chế đáng kể và không thống nhất với HSMT đối với quyền hạn của Chủ đầu tư hoặc nghĩa vụ của nhà thầu trong hợp đồng;</p> <p>b) Nếu được sửa lại thì sẽ gây ảnh hưởng không công bằng đến vị thế cạnh tranh của nhà thầu khác có HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu của HSMT.</p> <p>25.3. Bên mời thầu phải kiểm tra các khía cạnh kỹ thuật của HSDT theo quy định tại Mục 15 và Mục 16 CDNT nhằm khẳng định rằng tất cả các yêu cầu</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|                                           |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |
|-------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                           | <p>quy định trong HSMT đã được đáp ứng và HSDT không có những sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót các nội dung cơ bản.</p> <p>25.4. Nếu HSDT không đáp ứng cơ bản các yêu cầu nêu trong HSMT thì HSDT đó sẽ bị loại; không được phép sửa đổi các sai khác, đặt điều kiện hoặc bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT đó nhằm làm cho HSDT đáp ứng cơ bản HSMT.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>26. Sai sót không nghiêm trọng</b>     | <p>26.1. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT thì bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể chấp nhận các sai sót mà không phải là những sai khác, đặt điều kiện hay bỏ sót nội dung cơ bản trong HSDT.</p> <p>26.2. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các thông tin hoặc tài liệu cần thiết trong thời hạn hợp lý để sửa chữa những điểm chưa phù hợp hoặc sai sót không nghiêm trọng trong HSDT liên quan đến các yêu cầu về tài liệu. Yêu cầu cung cấp các thông tin và các tài liệu để khắc phục các sai sót này không được liên quan đến bất kỳ yếu tố nào của giá dự thầu. HSDT của nhà thầu bị loại nếu không đáp ứng yêu cầu này của bên mời thầu.</p> <p>26.3. Với điều kiện HSDT đáp ứng cơ bản yêu cầu nêu trong HSMT, bên mời thầu, tổ chuyên gia điều chỉnh các sai sót không nghiêm trọng và có thể định lượng được liên quan đến giá dự thầu; giá dự thầu sẽ được điều chỉnh để phản ánh chi phí cho các hạng mục bị thiếu hoặc chưa đáp ứng yêu cầu; việc điều chỉnh này chỉ nhằm mục đích so sánh các HSDT.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>27. Nhà thầu phụ</b>                   | <p>27.1. Nhà thầu phụ là tổ chức, cá nhân ký hợp đồng với nhà thầu để thực hiện các dịch vụ liên quan.</p> <p>27.2. Yêu cầu về nhà thầu phụ nêu tại <b>BDL</b>.</p> <p>27.3. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các trách nhiệm của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các trách nhiệm khác đối với phần công việc do nhà thầu phụ thực hiện. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm (không xét đến năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ).</p> <p>27.4. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc ký với nhà thầu phụ được chủ đầu tư chấp thuận để tham gia thực hiện công việc.</p> <p>Nhà thầu chính không được sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ nêu trong HSDT; việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ ngoài danh sách các nhà thầu phụ đã nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi có lý do xác đáng, hợp lý và được Chủ đầu tư chấp thuận; trường hợp sử dụng nhà thầu phụ cho công việc khác ngoài công việc đã kê khai sử dụng nhà thầu phụ có giá trị từ 10% trở lên (sau khi trừ phần công việc thuộc trách nhiệm của nhà thầu phụ) tính trên giá hợp đồng đã ký kết thì được coi là hành vi “chuyển nhượng thầu”.</p> |
| <b>28. Ưu đãi trong lựa chọn nhà thầu</b> | <p>28.1. Nguyên tắc ưu đãi: Nhà thầu được hưởng ưu đãi khi cung cấp hàng hóa mà hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên.</p> <p>28.2. Việc tính ưu đãi được thực hiện trong quá trình đánh giá HSDT để so sánh, xếp hạng HSDT:</p> <p>Hàng hóa chỉ được hưởng ưu đãi khi nhà thầu chứng minh được hàng hóa đó có chi phí sản xuất trong nước chiếm tỷ lệ từ 25% trở lên trong giá hàng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |

|                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                          | <p>hóa. Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa được tính theo công thức sau đây:</p> $D (\%) = G^*/G (\%)$ <p>Trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <math>G^*</math>: Chi phí sản xuất trong nước được tính bằng giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế và các chi phí nhập ngoại bao gồm cả phí, lệ phí (nếu có); hoặc được tính bằng tổng các chi phí sản xuất trong nước;</li> <li>- <math>G</math>: Giá chào của hàng hóa trong HSDT trừ đi giá trị thuế;</li> <li>- <math>D</math>: Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước của hàng hóa.</li> </ul> <p>28.3. Cách tính ưu đãi được thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>.</p> <p>28.4. Nhà thầu phải kê khai thông tin về loại hàng hóa được hưởng ưu đãi theo Mẫu số 15A, 15B và 15C Chương IV để làm cơ sở xem xét, đánh giá ưu đãi. Trường hợp nhà thầu không kê khai thì hàng hóa của nhà thầu được coi là không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi.</p> <p>28.5. Trường hợp hàng hóa do các nhà thầu chào đều không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi thì không tiến hành đánh giá và xác định giá trị ưu đãi.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>29. Đánh giá HSDT</b> | <p>29.1. Bên mời thầu áp dụng phương pháp đánh giá theo quy định tại <b>BDL</b> để đánh giá HSDT.</p> <p>29.2. Căn cứ vào HSDT của các nhà thầu đã nộp và phương pháp đánh giá HSDT tại Mục 29.1 CDNT, Bên mời thầu đánh giá HSDT như sau:</p> <p>a) Bước 1: Đánh giá tính hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chuyên gia căn cứ vào HSDT để đánh giá: tư cách hợp lệ trên cơ sở cam kết của nhà thầu trong HSDT. Trường hợp tổ chuyên gia phát hiện nhà thầu cam kết không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận trong đấu thầu.</li> <li>- Tổ chuyên gia đánh giá tính hợp lệ của bảo đảm dự thầu, thỏa thuận liên danh (đối với trường hợp liên danh).</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở tất cả nội dung về tính hợp lệ thì được chuyển sang đánh giá về năng lực, kinh nghiệm.</li> </ul> <p>b) Bước 2: Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm theo quy định tại Mục 2 Chương III</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tổ chuyên gia căn cứ vào HSDT để đánh giá: lịch sử không hoàn thành hợp đồng, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, doanh thu bình quân hằng năm trên cơ sở thông tin kê khai trong HSDT.</li> <li>- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, năng lực sản xuất hàng hóa, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin HSDT để đánh giá.</li> <li>- Đối với nội dung về nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có), tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở thông tin kê khai của nhà thầu.</li> <li>- Nhà thầu được đánh giá là đạt ở các nội dung về năng lực, kinh nghiệm thì được chuyển sang đánh giá về kỹ thuật.</li> </ul> <p>c) Bước 3: Đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 3 Chương III. Nhà thầu được đánh giá là đạt về kỹ thuật thì được chuyển sang đánh giá về tài chính.</p> <p>d) Bước 4: Đánh giá về tài chính theo quy định tại Mục 4 Chương III và thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>đ) Bước 5: Sau khi đánh giá về tài chính, Bên mời thầu lập danh sách xếp</p> |

|                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                 | <p>hạng nhà thầu. Việc xếp hạng nhà thầu thực hiện theo quy định tại <b>BDL</b>. Trường hợp có một nhà thầu vượt qua bước đánh giá về tài chính thì không xếp hạng nhà thầu.</p> <p>e) Nhà thầu xếp hạng thứ nhất được mời vào thương thảo hợp đồng theo quy định tại Mục 30 CDNT. Nhà thầu được mời vào đàm phán hợp đồng không đáp ứng quy định của HSMT thì mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào đàm phán mà không phải xếp hạng nhà thầu.</p> <p><b>29.3. Nguyên tắc đánh giá HSDT:</b></p> <p>a) Bên mời thầu đánh giá trực tiếp trên cơ sở HSDT nhà thầu đã nộp. Trường hợp các thông tin mà nhà thầu cam kết, kê khai trong HSDT không trung thực dẫn đến làm sai lệch kết quả đánh giá HSDT của nhà thầu thì nhà thầu sẽ bị coi là có hành vi gian lận;</p> <p>b) Trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin về hợp đồng tương tự và tài liệu chứng minh các thông tin về hợp đồng đó thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ HSDT. Trường hợp các hợp đồng mà nhà thầu kê khai, đính kèm trong HSDT không đáp ứng yêu cầu của HSMT hoặc nhà thầu không kê khai, kê khai không đầy đủ hợp đồng tương tự, Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có hợp đồng đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại;</p> <p>c) Trường hợp nhân sự chủ chốt, thiết bị chủ yếu (nếu có) mà nhà thầu đề xuất trong HSDT không đáp ứng yêu cầu, Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự, thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự, thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự, thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại Mục 4.4 CDNT và bị xử lý theo quy định.</p> <p>d) Đối với xuất xứ của hàng hóa, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin kê khai và tài liệu đính kèm thì bên mời thầu yêu cầu làm rõ HSDT;</p> <p>e) Đối với các nội dung ngoài các nội dung nêu tại các điểm a, b, c và d khoản này, trường hợp có sự không thống nhất giữa thông tin bản gốc HSDT và bản copy HSDT thì thông tin bản gốc HSDT là cơ sở để xem xét, đánh giá;</p> <p>f) Tại bước đánh giá về tài chính, trường hợp nhà thầu không kê khai thông tin trong biểu mẫu về ưu đãi hàng hóa sản xuất trong nước (đối với gói thầu mua sắm hàng hóa) để làm cơ sở tính toán ưu đãi thì nhà thầu sẽ không được hưởng ưu đãi;</p> <p>g) Trường hợp nếu các Hồ sơ dự thầu xếp hạng ngang nhau thì ưu tiên xếp hạng cao hơn cho Hồ sơ dự thầu có:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng hóa xuất xứ từ CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga.</li> <li>- Dịch vụ/Công việc mà sử dụng người lao động từ CHXHCN Việt Nam và Liên Bang Nga.</li> </ul> |
| <b>30. Thương thảo hợp đồng</b> | <p><b>30.1. Việc thương thảo hợp đồng phải dựa trên các cơ sở sau đây:</b></p> <p>a) Báo cáo đánh giá HSDT;</p> <p>b) HSDT và các tài liệu làm rõ HSDT (nếu có) của nhà thầu;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

|                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                      | <p>c) HSMT.</p> <p>30.2. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà thầu đã chào thầu theo đúng yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Trong quá trình đánh giá HSDT và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời thầu nêu trong “Chương V – Yêu cầu kỹ thuật” thiếu so với hồ sơ thiết kế thì Bên mời thầu yêu cầu nhà thầu bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong HSDT chưa có đơn giá thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà thầu khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói thầu;</p> <p>c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong HSDT của nhà thầu không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá dự thầu thấp nhất trong số các HSDT của nhà thầu khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà thầu này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.</p> <p>30.3. Nội dung thương thảo hợp đồng:</p> <p>a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa HSMT và HSDT, giữa các nội dung khác nhau trong HSDT có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;</p> <p>b) Thương thảo về các sai lệch do nhà thầu đã phát hiện và đề xuất trong HSDT (nếu có), bao gồm cả các đề xuất thay đổi hoặc phương án kỹ thuật thay thế của nhà thầu nếu trong HSMT có quy định cho phép nhà thầu chào phương án kỹ thuật thay thế;</p> <p>c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà thầu (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói thầu;</p> <p>d) Thương thảo về các sai sót không nghiêm trọng quy định tại Mục 30 CDNT;</p> <p>đ) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.</p> <p>30.4. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng; điều kiện cụ thể của hợp đồng, phụ lục hợp đồng gồm danh mục chi tiết về phạm vi cung cấp, bảng giá, tiến độ cung cấp.</p> <p>30.5. Trường hợp thương thảo không thành công, Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo; trường hợp thương thảo với các nhà thầu xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên mời thầu báo cáo Chủ đầu tư xem xét, quyết định hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT.</p> |
| <b>31. Điều kiện</b> | Nhà thầu được xem xét, đề nghị trúng thầu khi đáp ứng đủ các điều kiện sau                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |

|                                                |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>xét duyệt trúng thầu</b>                    | <p>đây:</p> <p>31.1. Có HSDT hợp lệ theo quy định tại Mục 1 Chương III;</p> <p>31.2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 2 Chương III;</p> <p>31.3. Có đề xuất về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 3 Chương III;</p> <p>31.4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá dự thầu;</p> <p>31.5. Đáp ứng điều kiện theo quy định tại <b>BDL</b>;</p> <p>31.6. Có giá đề nghị trúng thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)) không vượt giá gói thầu được phê duyệt. Trường hợp dự toán của gói thầu được phê duyệt thấp hơn hoặc cao hơn giá gói thầu được phê duyệt thì dự toán này sẽ thay thế giá gói thầu để làm cơ sở xét duyệt trúng thầu.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>32. Hủy thầu</b>                            | <p>32.1. Các trường hợp hủy thầu bao gồm:</p> <p>a) Tất cả HSDT không đáp ứng được các yêu cầu của HSMT;</p> <p>b) Thay đổi mục tiêu, phạm vi mua sắm làm thay đổi khối lượng công việc, tiêu chí đánh giá đã ghi trong HSMT theo quyết định của Chủ đầu tư;</p> <p>c) HSMT không tuân thủ các quy định của pháp luật về đấu thầu hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan dẫn đến nhà thầu được lựa chọn không đáp ứng yêu cầu để thực hiện gói thầu;</p> <p>d) Nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu;</p> <p>đ) Tổ chức, cá nhân khác ngoài nhà thầu trúng thầu thực hiện hành vi bị cấm quy định tại mục 4 hành vi bị cấm – Chương I Chỉ dẫn nhà thầu dẫn đến sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu.</p> <p>32.2. Tổ chức, cá nhân vi phạm quy định pháp luật về đấu thầu dẫn đến hủy thầu theo quy định tại các điểm c, d và đ Mục 32.1 CDNT phải đền bù chi phí cho các bên liên quan và bị xử lý theo quy định của pháp luật.</p> <p>32.3. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại Mục này, trong thời hạn 05 ngày làm việc Chủ đầu tư, Bên mời thầu phải hoàn trả hoặc giải toả bảo đảm dự thầu cho nhà thầu đã nộp bản gốc bảo đảm dự thầu, trừ trường hợp nhà thầu vi phạm quy định tại điểm d và điểm đ Mục 32.1 CDNT.</p> |
| <b>33. Thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu</b> | <p>33.1. Chủ đầu tư đăng tải thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu trong 05 ngày làm việc, kể từ ngày phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu. Nội dung thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>a) Thông tin về gói thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Số HSMT;</li> <li>- Tên gói thầu;</li> <li>- Giá gói thầu hoặc dự toán được duyệt (nếu có);</li> <li>- Tên Chủ đầu tư;</li> <li>- Hình thức lựa chọn nhà thầu;</li> <li>- Loại hợp đồng;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng.</li> </ul> <p>b) Thông tin về nhà thầu trúng thầu:</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |

|                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|-------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                       | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Mã số thuế;</li> <li>- Tên nhà thầu;</li> <li>- Giá dự thầu;</li> <li>- Giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);</li> <li>- Điểm kỹ thuật (nếu có);</li> <li>- Giá đánh giá (nếu có);</li> <li>- Giá trúng thầu;</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu.</li> </ul> <p>c) Đối với mỗi chủng loại hàng hóa, thiết bị trong gói thầu, Chủ đầu tư phải đăng tải các thông tin sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tên hàng hóa;</li> <li>- Công suất;</li> <li>- Tính năng, thông số kỹ thuật; ký, mã hiệu, nhãn mác;</li> <li>- Xuất xứ;</li> <li>- Đơn giá trúng thầu.</li> </ul> <p>d) Danh sách nhà thầu không được lựa chọn và tóm tắt về lý do không được lựa chọn của từng nhà thầu.</p> <p>33.2. Trường hợp hủy thầu theo quy định tại điểm a Mục 32.1 CDNT, trong thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu và trên Hệ thống phải nêu rõ lý do hủy thầu.</p> |
| <b>34. Thay đổi khối lượng hàng hóa và dịch vụ</b>    | <p>34.1. Vào thời điểm trao hợp đồng, Chủ đầu tư có quyền tăng hoặc giảm khối lượng dịch vụ nêu trong Chương IV với điều kiện sự thay đổi đó không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>BDL</b> và không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của HSDT và HSMT. Tỷ lệ tăng, giảm khối lượng không vượt quá 10%.</p> <p>34.2. Tùy chọn mua thêm:</p> <p>Trước khi hợp đồng hết hiệu lực, Chủ đầu tư có quyền mua bổ sung khối lượng hàng hóa/dịch vụ của gói thầu ngoài khối lượng nêu trong Chương IV với điều kiện không vượt quá tỷ lệ quy định tại <b>BDL</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>35. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng</b> | <p>Sau khi Chủ đầu tư gửi văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu, Bên mời thầu gửi văn bản chấp thuận HSDT và trao hợp đồng, bao gồm cả yêu cầu về biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng, thời gian hoàn thiện, ký kết hợp đồng theo mẫu quy định tại Phần 3 cho nhà thầu trúng thầu. Thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng là một phần của hồ sơ hợp đồng. Trường hợp nhà thầu trúng thầu không hoàn thiện, ký kết hợp đồng hoặc không nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng thì nhà thầu sẽ bị loại và không được hoàn trả giá trị bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT. Thời hạn nêu trong thông báo chấp thuận HSDT được tính kể từ ngày Bên mời thầu gửi thông báo chấp thuận này cho nhà thầu trúng thầu.</p>                                                                                                            |
| <b>36. Điều kiện ký kết hợp đồng</b>                  | <p>36.1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, HSDT của nhà thầu được lựa chọn còn hiệu lực.</p> <p>36.2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà thầu được lựa chọn phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính để thực hiện gói thầu theo yêu cầu của HSMT. Trường hợp thực tế nhà thầu không còn đáp ứng cơ bản</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

|                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|-------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                                 | <p>yêu cầu về năng lực kỹ thuật, tài chính theo quy định nêu trong HSMT thì Chủ đầu tư sẽ từ chối ký kết hợp đồng với nhà thầu. Chủ đầu tư sẽ hủy quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, thông báo chấp thuận HSDT và trao hợp đồng trước đó và mời nhà thầu xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng (nếu được yêu cầu).</p> <p>36.3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về vốn tạm ứng, vốn thanh toán và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói thầu theo đúng tiến độ.</p>                                                                                                                                                                                           |
| <b>37. Bảo đảm thực hiện hợp đồng</b>           | <p>37.1. Trước khi ký kết hợp đồng hoặc trước thời điểm hợp đồng có hiệu lực, nhà thầu trúng thầu phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Phần 3. Trường hợp áp dụng bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải sử dụng mẫu quy định tại Phần 3 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.</p> <p>37.2. Nhà thầu không được hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng có hiệu lực;</li> <li>b) Vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;</li> <li>c) Thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng..</li> </ul> |
| <b>38. Giải quyết kiến nghị trong đấu thầu</b>  | <p>38.1. Khi thấy quyền và lợi ích hợp pháp bị ảnh hưởng, nhà thầu, cơ quan, tổ chức được kiến nghị người có thẩm quyền, chủ đầu tư xem xét lại các vấn đề trong quá trình lựa chọn nhà thầu, kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định của Bên mời thầu.</p> <p>38.2. Trường hợp kiến nghị lên Người có thẩm quyền, nhà thầu gửi kiến nghị theo địa chỉ quy định tại <b>BDL</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>39. Giám sát quá trình lựa chọn nhà thầu</b> | <p>Khi phát hiện hành vi, nội dung không phù hợp quy định của pháp luật đấu thầu, nhà thầu có trách nhiệm thông báo cho tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát theo quy định tại <b>BDL</b>.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

## Chương II. BẢNG DỮ LIỆU ĐẦU THẦU

|              |                                                                                                                                                                                                                 |            |                   |
|--------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------------|
| CDNT 1.1     | Tên Chủ đầu tư: Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro.                                                                                                                                                               |            |                   |
| CDNT 1.2     | Tên gói thầu: Kim loại đen, Kim loại màu, Kim loại không rỉ và Ống thép cho XN VTB&CTL năm 2026, đơn hàng VT-933/26-VTB-TTH.                                                                                    |            |                   |
|              | Tên dự án/dự toán mua sắm: Kế hoạch mua sắm VTTB LDVN Vietsovpetro năm 2026. Lô 09-1                                                                                                                            |            |                   |
|              | Số lượng, số hiệu các phần thuộc gói thầu:                                                                                                                                                                      |            |                   |
|              | Nhóm                                                                                                                                                                                                            | Mục hàng   | Nội dung          |
|              | Group I                                                                                                                                                                                                         | Mục 1 – 11 | Kim loại đen      |
|              | Group II                                                                                                                                                                                                        | Mục 12     | Kim loại màu      |
| CDNT 1.2     | Group III                                                                                                                                                                                                       | Mục 13-16  | Kim loại không rỉ |
|              | Group IV                                                                                                                                                                                                        | Mục 17-30  | Ống thép          |
|              |                                                                                                                                                                                                                 |            |                   |
| CDNT 3       | Nguồn vốn: Lô 09-1.                                                                                                                                                                                             |            |                   |
| CDNT 5.1 (c) | Bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu theo quy định như sau:                                                                                                                                                        |            |                   |
|              | - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp trên 30% với:                                                                                                                                             |            |                   |
|              | +Chủ đầu tư: <b>Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro</b> , số 105 Lê Lợi, Phường Vũng Tàu, thành phố Hồ Chí Minh.                                                                                                   |            |                   |
|              | + Bên mời thầu: <b>Xí nghiệp Vận Tải Biển &amp; Công Tác Lặn</b> , số 71A đường 30/4, Phường Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh,                                                                                         |            |                   |
|              | trừ trường hợp nhà thầu là công ty thành viên, công ty con của tập đoàn, tổng công ty nhà nước có ngành, nghề sản xuất, kinh doanh chính phù hợp với tính chất gói thầu của tập đoàn, tổng công ty nhà nước đó. |            |                   |
|              | - Nhà thầu tham dự thầu không có cổ phần hoặc vốn góp với các nhà thầu tư vấn; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên, cụ thể như sau:                          |            |                   |
|              | + Tư vấn lập, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, dự toán, thiết kế kỹ thuật tổng thể: Không áp dụng ;                                                                                        |            |                   |
|              | + Tư vấn thẩm định giá: Không áp dụng ;                                                                                                                                                                         |            |                   |
|              | + Tư vấn giám sát thực hiện hợp đồng, kiểm định: Không áp dụng;                                                                                                                                                 |            |                   |
|              | + Tư vấn lập, thẩm định HSMT: Không áp dụng;                                                                                                                                                                    |            |                   |

|                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                   | <p>tiếp quản lý, góp vốn khi tham dự thầu các gói thầu của nhau không phải đáp ứng quy định độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính giữa nhà thầu với chủ đầu tư, bên mời thầu.</p> <p>Tỷ lệ cổ phần, vốn góp giữa các bên được xác định tại thời điểm đóng thầu và theo tỷ lệ ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập, các giấy tờ khác có giá trị tương đương.</p> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự thầu với tư cách liên danh hoặc nhà thầu tư vấn được lựa chọn với tư cách liên danh, tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong liên danh được xác định theo công thức sau:</p> $\text{Tỷ lệ sở hữu vốn} = \sum_{i=1}^n X_i \times Y_i$ <p>Trong đó:</p> <p><math>X_i</math>: Tỷ lệ sở hữu vốn của tổ chức, cá nhân khác trong thành viên liên danh thứ <math>i</math>;</p> <p><math>Y_i</math>: Tỷ lệ phần trăm (%) khối lượng công việc của thành viên liên danh thứ <math>i</math> trong thỏa thuận liên danh;</p> <p><math>n</math>: Số thành viên tham gia trong liên danh.</p> <p>*Chỉ đánh giá nội dung này đối với nhà thầu là đơn vị sự nghiệp"</p> |
| <b>CDNT 7.1</b>   | Việc sửa đổi HSMT trong thời gian tối thiểu <b>03 ngày</b> làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
| <b>CDNT 7.2</b>   | <p>Nhà thầu phải gửi đề nghị làm rõ HSMT đến Bên mời thầu trong khoảng thời gian tối thiểu <b>03 ngày</b> làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Bên mời thầu thực hiện làm rõ trong khoảng thời gian tối thiểu <b>02 ngày</b> làm việc trước ngày có thời điểm đóng thầu.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CDNT 7.3</b>   | Hội nghị tiền đấu thầu: không.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>CDNT 8</b>     | <p>Chi phí mua HSMT: giá bán HSMT bằng 300.000 VNĐ.</p> <p>Hình thức thanh toán: chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro như sau: 008.100.000001.1</p> <p>Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro.</p> <p>Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu</p> <p>Nội dung chuyển khoản: [<b>Tên nhà thầu</b>] nộp tiền mua HSMT gói thầu số gói thầu: <b>VT-933/26-VTB-TTH</b>, V/v “Kim loại đen, Kim loại màu, Kim loại không rỉ và Ống thép cho XN VTB&amp;CTL năm 2026.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>CDNT 10.10</b> | <p>Nhà thầu phải nộp cùng với HSDT các tài liệu sau đây:</p> <p><b>-HSDT phần thương mại:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đơn dự thầu (mẫu 2)</li> <li>2. Bảng giá dự thầu và điều kiện thương mại (mẫu 11, 12, 13, 15)</li> <li>3. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT: Giấy phép đăng ký kinh doanh; Giấy ủy quyền (nếu có); Thỏa thuận liên danh (nếu có);</li> </ol> <p>Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm (mẫu số 5, 7, 8)</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>4. Bảo lãnh dự thầu (mẫu 04) <b>đúng biểu mẫu VSP cung cấp theo HSMT</b></li> </ol>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |

|           | <p><b>-HSDT phần kỹ thuật:</b></p> <p>5. Bảng tiến độ cung cấp ( mẫu số 10A), Đề xuất hàng hóa của nhà thầu (<b>mẫu số 10B</b>) và <b>đề xuất kỹ thuật</b>:</p> <p>Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ và phù hợp ( đáp ứng) của hàng hóa dịch vụ theo Yêu cầu kỹ thuật của hồ sơ mời thầu- ( các tài liệu kỹ thuật, catalogue, biểu mẫu cần thiết khác để đánh giá kỹ thuật HSDT)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                               |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|----------|-------------------------------|---|----------------------|-----------|---|-----------------------|-----------|---|----------------------------|-----------|---|-------------------|-----------|---|---------------------------------------|------------|
| CDNT 12.1 | Nhà thầu: không được phép nộp đề xuất phương án kỹ thuật thay thế.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                               |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| CDNT 13.5 | <p>Trong biểu giá, nhà thầu phải phân tích các nội dung cấu thành của giá chào theo các yêu cầu sau:</p> <p>- Nhà thầu phải chào giá hàng hóa theo điều kiện giao hàng tại kho tại kho XN VTB&amp;CTL, số 71A, đường 30/4, trong đó bao gồm giá hàng hóa, chi phí kiểm tra, đóng gói hàng hóa, chi phí cần thiết để có các loại chứng chỉ theo yêu cầu, chi phí thử nghiệm tại nhà máy sản xuất, chi phí vận chuyển đến kho tại kho XN VTB&amp;CTL, số 71A, đường 30/4, phí bảo hiểm hàng hóa v.v.</p> <p>- Trong bảng chào giá phải liệt kê đầy đủ tất cả các loại thuế và phí theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện gói thầu. Các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.</p> <p><i>Đối với Lô 09-1: Thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu trên Tờ Khai Hải Quan được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ.</i></p> <p>- Chào đầy đủ tất cả các chi phí cho dịch vụ kỹ thuật kèm theo để thực hiện gói thầu.</p> |                               |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| CDNT 15.7 | Thời hạn sử dụng dự kiến của hàng hóa (để yêu cầu vật tư, phụ tùng thay thế): 2026                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                               |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| CDNT 16.2 | Yêu cầu về tài liệu để chứng minh năng lực thực hiện hợp đồng của nhà thầu: “ <i>Không yêu cầu Giấy phép hoặc Giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất, đại lý phân phối hoặc Giấy chứng nhận quan hệ đối tác hoặc tài liệu khác có giá trị tương đương</i> ”                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                               |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| CDNT 17.1 | Thời hạn hiệu lực của HSDT là: ≥ 60 ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                               |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| CDNT 18.1 | Thủ thức bảo lãnh dự thầu: Bằng văn bản giấy.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                               |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| CDNT 18.2 | <p>Nội dung bảo đảm dự thầu:</p> <p>- Giá trị bảo đảm dự thầu:</p> <table><tr><th>Stt</th><th>Tên phần</th><th>Giá trị bảo đảm dự thầu (VND)</th></tr><tr><td>1</td><td>Nhóm I: Kim loại đen</td><td>9.000.000</td></tr><tr><td>2</td><td>Nhóm II: Kim loại màu</td><td>5.000.000</td></tr><tr><td>3</td><td>NhómIII: Kim loại không rỉ</td><td>1.500.000</td></tr><tr><td>4</td><td>Nhóm IV: Ống thép</td><td>6.500.000</td></tr><tr><td>5</td><td>Giá trị bảo đảm dự thầu cho cả 4 nhóm</td><td>22.000.000</td></tr></table>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Stt                           | Tên phần | Giá trị bảo đảm dự thầu (VND) | 1 | Nhóm I: Kim loại đen | 9.000.000 | 2 | Nhóm II: Kim loại màu | 5.000.000 | 3 | NhómIII: Kim loại không rỉ | 1.500.000 | 4 | Nhóm IV: Ống thép | 6.500.000 | 5 | Giá trị bảo đảm dự thầu cho cả 4 nhóm | 22.000.000 |
| Stt       | Tên phần                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | Giá trị bảo đảm dự thầu (VND) |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| 1         | Nhóm I: Kim loại đen                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 9.000.000                     |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| 2         | Nhóm II: Kim loại màu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 5.000.000                     |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| 3         | NhómIII: Kim loại không rỉ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 1.500.000                     |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| 4         | Nhóm IV: Ống thép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 6.500.000                     |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |
| 5         | Giá trị bảo đảm dự thầu cho cả 4 nhóm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 22.000.000                    |          |                               |   |                      |           |   |                       |           |   |                            |           |   |                   |           |   |                                       |            |

|                      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                      | <p>. Nếu nhà thầu tham gia nhiều hơn một phần thì giá trị bảo đảm dự thầu phải bằng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các phần tương ứng</p> <p>- Thời gian có hiệu lực của bảo đảm dự thầu: <math>\geq 90</math> ngày, kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.</p> <p>Số tài khoản của Vietsovpetro trong trường hợp thực hiện bảo đảm dự thầu theo hình thức đặt cọc/chuyển khoản:<br/>008.100.000001.1</p> <p>Tên người thụ hưởng: Liên doanh Việt Nga Vietsovpetro.</p> <p>Tại Ngân hàng Vietcombank, chi nhánh Vũng Tàu.</p> <p>Lưu ý: Nội dung chuyển khoản “Tên nhà thầu” nộp bảo đảm dự thầu cho gói thầu số <b>VT-933/26-VTB-TTH</b>, V/v “Kim loại đen, Kim loại màu, Kim loại không rỉ và Ống thép cho XN VTB&amp;CTL năm 2026”.</p> |
| <b>CDNT 18.4</b>     | Thời gian hoàn trả hoặc giải tỏa bảo đảm dự thầu đối với nhà thầu không được lựa chọn: 14 ngày, kể từ ngày kết quả lựa chọn nhà thầu được phê duyệt.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>CDNT 19.1</b>     | Thời điểm đóng thầu: Theo quy định trong Thông báo mời thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>CDNT 20.1</b>     | <p>Số lượng bản chụp HSDT là:</p> <p>-HSDT phần Thương Mại: 01 bản gốc và 01 bản chụp.</p> <p>-HSDT phần Kỹ thuật: 01 bản gốc và 01 bản chụp</p> <p>Gửi kèm theo 01 ổ USB chứa file mềm (soft file “excel/word”) nội dung Bảng giá chào thầu.</p> <p>Trường hợp sửa đổi, thay thế HSDT hoặc đề xuất phương án kỹ thuật thay thế thì nhà thầu phải nộp các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế, phương án kỹ thuật thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp HSDT</p>                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| <b>CDNT 20.7 (a)</b> | <p>Địa chỉ của Bên mời thầu (sử dụng để nộp HSDT): .</p> <p>Xí Nghiệp Vận Tải Biển &amp; Công Tác Lặn, số 71A đường 30/4, P. Rạch Dừa, TP. Hồ Chí Minh</p> <p>- Nơi nhận: Thư Ký Giám đốc, tầng 2 tòa nhà điều hành XN VTB&amp;CTL.</p> <p>-Tel: 0254-3838662 (ext.3372) Fax:0254-3838662 (ext.3344)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
| <b>CDNT 21.1</b>     | <p>Việc mở thầu sẽ được tiến hành công khai theo thời gian quy định trong Thông báo mời thầu, tại địa điểm mở thầu theo địa chỉ như sau:</p> <p>- Phòng Dịch Vụ-Thương Mại-Vật Tư của XN VTB&amp;CTL tại địa chỉ số 71A, đường 30/4, phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh, điện thoại: 0254.3 838662 ext 3850</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| <b>CDNT 23.4</b>     | Nhà thầu được tự gửi tài liệu đến bên mời thầu để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm của mình trong vòng <b>05 ngày</b> , kể từ ngày có thời điểm đóng thầu .                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>CDNT 27.2</b>     | Giá trị tối đa dành cho nhà thầu phụ: 0% giá dự thầu của nhà thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
| <b>CDNT 28.3</b>     | Cách tính ưu đãi: “Hàng hóa không thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi phải cộng thêm một khoản tiền bằng 7,5% giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hàng hóa đó vào giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |

|                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|---------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                     | (nếu có) của nhà thầu để so sánh, xếp hạng”;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |
| <b>CDNT 28.6</b>    | Các nội dung ưu đãi khác (nếu có): Không áp dụng.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| <b>CDNT 29.1</b>    | <p>Phương pháp đánh giá HSDT là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đánh giá tính hợp lệ: Đạt/Không đạt.</li> <li>- Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm: Đạt/Không đạt.</li> <li>- Đánh giá về kỹ thuật: “Đạt/Không đạt”.</li> <li>- Đánh giá về tài chính: Phương pháp giá thấp nhất.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>CDNT 29.3(d)</b> | <p>Cách thức thực hiện:</p> <p>Việc so sánh, xếp hạng HSDT được xác định trên cơ sở giá dự thầu bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có).</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| <b>CDNT 29.3(đ)</b> | <p>Xếp hạng nhà thầu:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- <i>Chọn phương pháp giá thấp nhất:</i></li> </ul> <p>“nhà thầu có giá dự thầu cho từng mục sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất (từng phần/ nhóm) được xếp hạng thứ nhất”;</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| <b>CDNT 30</b>      | <b>Thương thảo hợp đồng: Không áp dụng.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| <b>CDNT 31.5</b>    | <p>[Phương pháp đánh giá tại Mục 29.1 BDL như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- “nhà thầu có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất”;</li> <li>- Đối với gói thầu được chia làm nhiều phần (lô), việc đánh giá HSDT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm: giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.</li> </ul> <p>(Trường hợp không có nhà thầu chào đủ các mục trong nhóm đạt YCKT, BMT sẽ xét theo từng mục hàng trong nhóm đó).</p> |
| <b>CDNT 34.1</b>    | <p>Tỷ lệ tăng khối lượng tối đa là: 0%;</p> <p>Tỷ lệ giảm khối lượng tối đa là: 0%</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>CDNT 34.2</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tùy chọn mua thêm: không áp dụng</li> <li>- Tỷ lệ tùy chọn mua thêm tối đa là: 0%.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |
| <b>CDNT 38.2</b>    | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Người có thẩm quyền: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Dương Bình Minh – Giám đốc XN VTB&amp;CTL</li> <li>+ ĐT: 0254.3838662-3372.</li> </ul> </li> <li>- Bộ phận thường trực giúp việc Chủ tịch Hội đồng tư vấn: Không</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
| <b>CDNT 39</b>      | <p>Địa chỉ của tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ giám sát:</p> <p>Nguyễn Ngọc Sơn, Tr. Phòng DV-TM-VT XN VTB&amp;CTL số 71A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh, Điện thoại: 3839871/3850 - Fax: 0254.3838662 (3344), E-mail: hongvta.mt@vietsov.com.vn. Địa chỉ: số 71A Đường 30/4, Phường Rạch Dừa, Tp. Hồ Chí Minh.</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                          |

## Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDT

### Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSDT

#### 1.1. Kiểm tra HSDT:

- a) Kiểm tra số lượng bản gốc, bản chụp HSDT;
- b) Kiểm tra các thành phần của bản gốc HSDT, bao gồm hồ sơ về hành chính, pháp lý, hồ sơ về năng lực và kinh nghiệm, đề xuất về kỹ thuật của nhà thầu theo yêu cầu của HSMT, trong đó có: đơn dự thầu, thỏa thuận liên danh (nếu có), giấy ủy quyền ký đơn dự thầu (nếu có); bảo đảm dự thầu; tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ; tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm; đề xuất về kỹ thuật; đề xuất về giá và các thành phần khác thuộc HSDT theo quy định tại Mục 11 CDNT;
- c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết HSDT.

#### 1.2 Đánh giá tính hợp lệ của HSDT:

HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

- Có bản gốc HSDT;
- Có đơn dự thầu được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của HSMT. Đối với nhà thầu liên danh, đơn dự thầu phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu (nếu có) hoặc thành viên đứng đầu liên danh thay mặt liên danh ký đơn dự thầu theo thỏa thuận trong văn bản thỏa thuận liên danh;
- Giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp với tổng giá dự thầu ghi trong bảng tổng hợp giá dự thầu, không đề xuất các giá dự thầu khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- Thời hạn hiệu lực của HSDT đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Mục 17.1 CDNT.
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính (nhà thầu độc lập hoặc thành viên trong liên danh) đối với cùng một gói thầu. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì nhà thầu không có tên trong hai hoặc nhiều HSDT với tư cách là nhà thầu chính đối với phần mà nhà thầu tham dự thầu.
- Có bảo đảm dự thầu không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 CDNT.
- Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của HSMT hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) phải được đại diện hợp pháp của nhà thầu ký tên, đóng dấu.
- Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh hoặc Thư bảo lãnh (*áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro*) không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT;
- Không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại **Mẫu số 4A, Mẫu số**

**4B, Mẫu số 4C Chương IV).**

- Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh được đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký tên, đóng dấu và phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo **Mẫu số 03 Chương IV**. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 CDNT.

Nhà thầu có HSDT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại:

- **Bảng số 01** (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu), hoặc
- **Bảng số 02** (đối với nhà thầu là nhà sản xuất hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu),

Nhà thầu được đánh giá là đạt về năng lực và kinh nghiệm khi đáp ứng tất cả các tiêu chuẩn đánh giá. Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá HSDT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của nhà thầu không phải VND thì khi lập HSDT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá HSDT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của *Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam* theo tỷ giá bán ra tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con theo **Mẫu số 09B Chương IV**. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con đảm nhiệm trong gói thầu.

**Bảng số 01**

**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**  
*(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)*

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               |                           | Tài liệu cần nộp          |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                 | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                           |                           |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |                           |
| 1                                    | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .                                                                                                                                                                                                                     | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 07                 |
| 2                                    | Thực hiện nghĩa vụ thuế                               | Đã thực hiện nghĩa vụ thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Cam kết trong đơn dự thầu |
| 3                                    | Năng lực tài chính                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                           |                               |                           |                           |
| 3.1                                  | Kết quả hoạt động tài chính <sup>(5)</sup>            | Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.<br>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 08                 |
| 3.2                                  | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(6)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là <sup>(7)</sup> :<br>+ Trường hợp chào nhóm I: 618.897.000 VND<br>+ Trường hợp chào nhóm II: 349.713.000 VND<br>+ Trường hợp chào nhóm III: 106.843.000 VND<br>+ Trường hợp chào nhóm IV: 461.319.000 VND<br>+Trường hợp chào cả 4 nhóm: 1.536.772.000 VND | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng             | Mẫu số 08                 |

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               |                                                                 | Tài liệu cần nộp                              |
|--------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                                                                                                                              | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                                                                 |                                               |
|                                      |                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh                                       |                                               |
| 4                                    | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự                                                                                                          | <p>Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ <sup>(8)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <p>- Có tính chất tương tự: _ 01 hợp đồng đã cung cấp hàng hóa, thiết bị cho ngành công nghiệp Dầu khí hoặc các ngành công nghiệp khác <sup>(10)</sup>;</p> <p>Đã hoàn thành hợp đồng có quy mô (giá trị) tối thiểu <sup>(11)</sup> là:</p> <p>+ Trường hợp chào nhóm I: 311.924.411 VND</p> <p>+ Trường hợp chào nhóm II: 176.255.352 VND</p> <p>+ Trường hợp chào nhóm III: 53.848.973 VND</p> <p>+ Trường hợp chào nhóm IV: 232.505.166 VND</p> <p><b>+Trường hợp chào cả 4 nhóm: 774.533.902 VND</b></p> | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 05A                                    |
| 5                                    | Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác <sup>(12)</sup><br>"không áp dụng" | <p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <p>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng                                                   | Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc |



| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Các yêu cầu cần tuân thủ |                               |                           | Tài liệu cần nộp |
|--------------------------------------|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------|-------------------------------|---------------------------|------------------|
| TT                                   | Mô tả | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                            | Nhà thầu độc lập         | Nhà thầu liên danh            |                           |                  |
|                                      |       |                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                          | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |                  |
|                                      |       | cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT.<br><br>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT. |                          |                               |                           |                  |



Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1) (Ví dụ: ngày phát hành HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc

trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập.

Trường hợp HSMT được phát hành sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (*Ví dụ: ngày phát hành HSMT là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu là 01/01 – 31/12 và HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022*).

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

(\*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) *[Cập nhật nội dung Ghi chú (9) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro].*

(10) Tương tự về tính chất: *Cập nhật nội dung Ghi chú (10) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.*

(11) Quy mô của hợp đồng tương tự: *Cập nhật nội dung Ghi chú (11) phù hợp với quy định hiện hành của Vietsovpetro.*

(\*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự.

## Bảng số 02



**BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM**  
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               |                           | Tài liệu cần nộp                  |
|--------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|---------------------------|-----------------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                 | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                           |                                   |
|                                      |                                                       |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh |                                   |
| 1                                    | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu | Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .                                                                                                                                                                                                                             | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 07                         |
| 2                                    | Thực hiện nghĩa vụ thuế                               | Đã thực hiện nghĩa vụ thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Nội dung cam kết theo đơn dự thầu |
| 3                                    | Năng lực tài chính                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                           |                               |                           |                                   |
| 3.1                                  | Kết quả hoạt động tài chính <sup>(5)</sup>            | Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương.<br><br>(Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)                                                                                                                                                                                                                                                                         | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Không áp dụng                 | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 08                         |
| 3.2                                  | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) | Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(6)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là <sup>(7)</sup> :<br><br>+ Trường hợp chào nhóm I: 618.897.000 VND<br>+ Trường hợp chào nhóm II: 349.713.000 VND<br>+ Trường hợp chào nhóm III: 106.843.000 VND<br>+ Trường hợp chào nhóm IV: 461.319.000 VND<br><br>+Trường hợp chào cả 4 nhóm: 1.536.772.000 VND | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng             | Mẫu số 08                         |



| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm |                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Các yêu cầu cần tuân thủ  |                               |                                                                 | Tài liệu cần nộp                              |
|--------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------------------|-----------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|
| TT                                   | Mô tả                                                                                                    | Yêu cầu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Nhà thầu độc lập          | Nhà thầu liên danh            |                                                                 |                                               |
|                                      |                                                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                           | Tổng các thành viên liên danh | Từng thành viên liên danh                                       |                                               |
| 4                                    | Năng lực sản xuất hàng hoá <sup>(8)</sup><br>“Không áp dụng”                                             | Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây:<br><br>- Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu:___sản phẩm/01 tháng;<br><br>Hoặc:<br><br>- Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:___sản phẩm.                                                                                                                                           | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận) | Mẫu số 05B                                    |
| 5                                    | Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác <sup>(9)</sup> | Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:<br><br>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT.<br><br>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của HSMT. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Phải thỏa mãn yêu cầu này     | Không áp dụng                                                   | Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc |

Ghi chú:



(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;
- Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc
- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1). (Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số k trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(\*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(8) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Bên mời thầu đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng:  $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$ . Thông thường  $k = 1,5$ ; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định  $k = 1$ .

*Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số  $k = 1,5$  thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là:  $1,5 \times (12.000 \times 30/20) = 27.000$  hộp sữa.*

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4-Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(9) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Theo Tiêu chí đánh giá kỹ thuật quy định tại Phần 4- CÁC PHỤ LỤC

### Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

#### 4.1. Phương pháp giá thấp nhất:

##### **(\*) Áp dụng cho lô 09-1:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu:

1. Xác định giá dự thầu bao gồm tất cả các thuế phí, lệ phí (nếu có) phát sinh trong nước Việt Nam;  
*Đối với hàng hóa nhập khẩu (nếu có): Trường hợp sử dụng hạn ngạch của Vietsovetro Lô 09-1, giá dự thầu đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh tại Việt Nam nhưng không bao gồm thuế nhập khẩu và thuế VAT trên tờ khai nhập khẩu sẽ được miễn cho lô 09-1*
2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));
3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));
4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

##### **(\*) Áp dụng cho các lô ngoài 09-1: Không áp dụng**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu:

1. Xác định giá dự thầu bao gồm tất cả thuế, phí, lệ phí (nếu có)
2. Sửa lỗi (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (1));
3. Hiệu chỉnh sai lệch (thực hiện theo quy định tại phần Ghi chú (2));
4. Xác định giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: HSDT có giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Với điều kiện HSDT đáp ứng căn bản HSMT, việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá dự thầu. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá dự thầu có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột “đơn giá” và cột “thành tiền” nhà thầu không ghi giá trị hoặc ghi là “0” thì được coi là nhà thầu đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói thầu, nhà thầu phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT và không được Chủ đầu tư thanh toán trong quá trình thực hiện hợp đồng.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được ghi đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá dự thầu tương ứng thì đơn giá dự thầu được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá dự thầu nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá dự thầu; nếu một nội dung nào đó có ghi đơn giá dự thầu và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá dự thầu của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSMT thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong HSMT;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi Bên mời thầu cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá dự thầu rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá dự thầu sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch;

Trường hợp có sai lệch thiếu (thiếu hạng mục công việc so với yêu cầu về phạm vi cung cấp) mà không có đơn giá tương ứng trong HSMT của nhà thầu có sai lệch thì thực hiện hiệu chỉnh sai lệch như sau:

Lấy mức đơn giá dự thầu cao nhất đối với hạng mục công việc mà nhà thầu chào thiếu trong số các HSMT khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong HSMT của các nhà thầu vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá dự thầu của công việc này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

Trường hợp chỉ có một nhà thầu duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá dự thầu tương ứng trong HSMT của nhà thầu này; trường hợp HSMT của nhà thầu không có đơn giá dự thầu tương ứng thì lấy mức đơn giá trong dự toán của gói thầu được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp không có dự toán gói thầu thì căn cứ vào đơn giá hình thành giá gói thầu làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà thầu có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá dự thầu chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá dự thầu ghi trong đơn dự thầu.

**Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong HSMT (nếu có): Không áp dụng**

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có): Không áp dụng**

Trường hợp gói thầu được chia thành nhiều phần độc lập thì trong HSMT phải nêu rõ tiêu chuẩn và phương pháp đánh giá đối với từng phần hoặc nhiều phần để các nhà thầu tính toán phương án chào thầu theo khả năng của mình. Việc đánh giá HSMT và xét duyệt trúng thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở bảo đảm tổng giá đề nghị trúng thầu của gói thầu là thấp nhất

(đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất); tổng giá đánh giá của gói thầu là thấp nhất (đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá đánh giá) và giá đề nghị trúng thầu của cả gói thầu không vượt giá gói thầu được duyệt mà không so sánh với ước tính chi phí của từng phần.

**Mục 7: Quyền đơn phương chấm dứt đàm phán hợp đồng với nhà thầu xếp hạng nhất, trong giai đoạn đàm phán hợp đồng.**

Đối với đề xuất hàng hóa có xuất xứ từ các nước bị ảnh hưởng bởi xung đột vũ trang, trong tình trạng chiến tranh, bị trừng phạt hoặc cấm vận và việc nhập khẩu những hàng hóa đó có thể bị gián đoạn và ảnh hưởng đến việc thực hiện hợp đồng và tiến độ giao hàng, nhà thầu được yêu cầu giải trình và cam kết về khả năng giao hàng để Vietsovpetro xem xét, đánh giá.

Căn cứ vào tình hình thực tế tại thời điểm đó, Vietsovpetro sẽ có toàn quyền xem xét và quyết định từ chối các đề xuất của nhà thầu về hàng hóa đó, hoặc không tiếp tục đánh giá, nếu Vietsovpetro cho rằng việc thực hiện hợp đồng và lịch trình giao hàng có rủi ro. Trong trường hợp đó, Vietsovpetro có toàn quyền quyết định ngừng đàm phán hợp đồng, và mời nhà thầu có thứ hạng tiếp theo liền kề vào đàm phán hợp đồng.



## Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

| Stt | Biểu mẫu                                                                                                             | Cách thức thực hiện  | Trách nhiệm thực hiện |          |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|-----------------------|----------|
|     |                                                                                                                      |                      | Chủ đầu tư            | Nhà thầu |
|     | Mẫu số 01A. Phạm vi cung cấp hàng hóa                                                                                | <b>Đính kèm HSMT</b> | X                     |          |
|     | Mẫu số 01B. Các dịch vụ liên quan                                                                                    |                      | X                     |          |
|     | Mẫu số 01C. Vật tư, phụ tùng thay thế                                                                                |                      | X                     |          |
|     | Mẫu số 02. Đơn dự thầu                                                                                               | <b>Đính kèm HSDT</b> |                       | X        |
|     | Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh                                                                                      |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu độc lập)                                                      |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng đối với nhà thầu liên danh)                                                    |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 04C. Bảo lãnh dự thầu ( <i>áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro</i> ) |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 05A. Hợp đồng tương tự do nhà thầu thực hiện (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)                            | <b>Đính kèm HSDT</b> |                       | X        |
|     | Mẫu số 05B. kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)                            |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 07. Hợp đồng cung cấp hàng hóa không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ                             |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu                                                                          |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ                                                                   |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 09B. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu                           |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 10A. Bảng tiến độ cung cấp                                                                                    |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 11. Bảng tổng hợp giá dự thầu                                                                                 |                      |                       | X        |
|     | Mẫu số 12.1. Bảng giá dự thầu của hàng hóa nhập khẩu trực tiếp`                                                      |                      |                       | X        |



|  |                                                                                                                               |  |   |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|---|
|  | Mẫu số 12.2. Bảng giá dự thầu của hàng hóa sản xuất trong nước hoặc đã nhập khẩu                                              |  | X |
|  | Mẫu số 13. Bảng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan                                                                         |  | X |
|  | Mẫu số 14A. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp yêu cầu nhà thầu tự đề xuất)                         |  | X |
|  | Mẫu số 14B. Bảng giá vật tư, phụ tùng thay thế (áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư yêu cầu)                                  |  | X |
|  | Mẫu số 15A. Bảng kê hàng hóa thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi                                                                |  | X |
|  | Mẫu số 15B. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)            |  | X |
|  | Mẫu số 15C. Chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hoá được hưởng ưu đãi (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam) |  | X |



**PHẠM VI CUNG CẤP HÀNG HÓA**

Theo tài liệu đính kèm tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC



**CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN <sup>(1)</sup>**

*Chủ đầu tư liệt kê danh mục các dịch vụ liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:*

| STT | Mô tả dịch vụ          | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ <sup>(2)</sup> |
|-----|------------------------|---------------------|-------------|----------------------------|----------------------------------------|
| 1   | Ghi nội dung dịch vụ 1 |                     |             |                            |                                        |
| 2   | Ghi nội dung dịch vụ 2 |                     |             |                            |                                        |
| ..  |                        |                     |             |                            |                                        |
| n   | Ghi nội dung dịch vụ n |                     |             |                            |                                        |

**Ghi chú:**

*(1) Trường hợp gói thầu không yêu cầu dịch vụ liên quan thì Chủ đầu tư không nhập Biểu này.*

*(2) “Ngày hoàn thành dịch vụ” phải hợp lý, phù hợp với “Ngày giao hàng” tại Mẫu số 01A.*



**VẬT TƯ, PHỤ TÙNG THAY THẾ**

*(chỉ áp dụng trong trường hợp Chủ đầu tư có yêu cầu cụ thể về vật tư, phụ tùng thay thế)*

| STT | Danh mục | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|----------|-------------|------------|
| (1) | (2)      | (3)         | (4)        |
|     |          |             |            |
|     |          |             |            |
|     |          |             |            |

Ghi chú:

*Nhà thầu điền các cột (1), (2), (3), (4) cho phù hợp với yêu cầu quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC.*



**ĐƠN DỰ THẦU**

Ngày: \_\_\_\_

Tên gói thầu: \_\_\_\_

Kính gửi: \_\_\_\_

Sau khi nghiên cứu HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: \_\_\_\_ [], Mã số thuế: \_\_\_\_ [] cam kết thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [] số TBMT: \_\_\_\_ [] theo đúng yêu cầu nêu trong HSMT với giá dự thầu (tổng số tiền) là \_\_\_\_ [] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là \_\_\_\_ [*Ghi tỷ lệ giảm giá, nếu có*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: \_\_\_\_ [] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của HSDT: \_\_\_\_ []

Bảo đảm dự thầu: \_\_\_\_ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu: \_\_\_\_ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu;

3. Đã thực hiện nghĩa vụ thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu;

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

7. Những thông tin kê khai trong HSDT là trung thực.

8. Trường hợp trúng thầu, HSDT và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

9. Nếu HSDT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37.1 CDNT của HSMT.

10. Có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu.<sup>(1)</sup>

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu.<sup>(2)</sup>**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp gói thầu áp dụng hình thức chào hàng cạnh tranh.

(2) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà thầu ủy quyền cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn dự thầu thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền). Trường hợp nhà thầu là liên danh thì phải do đại diện hợp pháp của từng thành viên liên danh ký, trừ trường hợp trong văn bản thỏa thuận liên danh theo Mẫu số 03 Chương này có quy định các thành viên trong liên danh thỏa thuận cho thành viên đứng đầu liên danh ký đơn dự thầu. Trường hợp từng thành viên liên danh có ủy quyền thì thực hiện như đối với nhà thầu độc lập. Nếu nhà thầu trúng thầu, trước khi ký kết hợp đồng, nhà thầu phải trình Chủ đầu tư bản chụp được chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì nhà thầu bị coi là vi phạm Mục 4 CDNT.



**THỎA THUẬN LIÊN DANH<sup>(1)</sup>**

Gói thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu]  
Thuộc dự án: \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án]

Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ [ngày được ghi trên HSMT];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

**Tên thành viên liên danh** \_\_\_\_\_ [ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Fax:

E-mail:

Tài khoản:

Mã số thuế:

Giấy ủy quyền số \_\_\_\_ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

**Điều 1. Nguyên tắc chung**

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: \_\_\_\_\_ [ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, tất cả các thành viên của liên danh sẽ tham gia ký kết hợp đồng và không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận hoặc vi phạm các quy định của hợp đồng đã ký kết thì thành viên đó bị xử lý như sau:
  - Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
  - Cùng các thành viên trong liên danh bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng (tương ứng theo tỷ lệ của từng thành viên đã quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này);
  - Hình thức xử lý khác \_\_\_\_\_ [ghi rõ hình thức xử lý khác].

**Điều 2. Phân công trách nhiệm**

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu \_\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_\_ [ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí ủy quyền cho \_\_\_\_ [ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phân việc sau<sup>1</sup>:

- [- Ký đơn dự thầu;
- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSMT và văn bản giải trình, làm rõ HSDT hoặc văn bản đề nghị rút HSDT, sửa đổi, thay thế HSDT;
- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
- Thực hiện bảo đảm thực hiện hợp đồng cho cả liên danh trong trường hợp liên danh trúng thầu
- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Thực hiện tất cả các nghĩa vụ của liên danh không được nêu trong Bảng phân công trách nhiệm giữa các thành viên liên danh ở mục 2 dưới đây;
- Thực hiện các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng \_\_\_\_ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện các công việc cụ thể theo bảng dưới đây<sup>2</sup>:

| STT              | Tên                                                     | Nội dung công việc đảm nhận           | Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu | Giá trị theo tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu |
|------------------|---------------------------------------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------|
| (1)              | (2)                                                     | (3)                                   | (4)                             | (5)                                          |
| 1                | Tên thành viên thứ nhất (thành viên đứng đầu liên danh) | - Công việc 1: _____                  | _____ %                         | _____<br>VNĐ/USD                             |
|                  |                                                         | - Công việc 2: _____                  |                                 |                                              |
|                  |                                                         | - Công việc 3: _____                  |                                 |                                              |
|                  |                                                         | .....                                 |                                 |                                              |
| 2                | Tên thành viên thứ 2                                    | - Công việc 1: _____                  | _____ %                         | _____<br>VNĐ/USD                             |
|                  |                                                         | - Công việc 2: _____                  |                                 |                                              |
|                  |                                                         | - Công việc 3: _____                  |                                 |                                              |
| ....             | .....                                                   | ....                                  |                                 |                                              |
| <b>Tổng cộng</b> |                                                         | <b>Toàn bộ công việc của gói thầu</b> | <b>100%</b>                     | _____<br>VNĐ/USD                             |

3. Phương thức thanh toán cho liên danh trong trường hợp trúng thầu và ký hợp đồng với chủ đầu tư như sau:

-Chủ đầu tư sẽ thanh toán trực tiếp cho từng thành viên liên danh theo tiến độ thanh toán được qui định trong hợp đồng với giá trị được phân chia tương ứng với tỷ lệ khối lượng công việc đã được các thành viên liên danh thống nhất và nêu trong cột (4) Bảng phân công trách nhiệm ở mục 2 của thỏa thuận liên danh này.

-Từng thành viên của Liên danh sẽ phát hành Hóa đơn hợp pháp đúng với phần giá trị công việc đã được thành viên liên danh đó thực hiện theo tiến độ từng đợt thanh toán được qui định trong hợp đồng.

\_\_\_\_\_



### **Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh**

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
  - Trong trường hợp liên danh trúng thầu, Thỏa thuận liên danh này là một phần không tách rời của hợp đồng ký kết với Chủ đầu tư và chỉ chấm dứt hiệu lực khi các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và thanh lý xong hợp đồng;
  - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
  - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
  - Hủy thầu gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án \_\_\_\_ [ghi tên dự án] theo thông báo của Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành \_\_\_\_ bản, mỗi bên giữ \_\_\_\_ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỪNG ĐẦU LIÊN DANH**

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

### **ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH**

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

#### **Ghi chú:**

<sup>1</sup> Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.

<sup>2</sup> Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

<sup>3</sup> Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương này hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này.



**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**  
(Áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

**Bên thụ hưởng:** \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:** \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:** \_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng \_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu] (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu \_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/HSMT số \_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/HSMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong \_\_\_\_<sup>(2)</sup> ngày, kể từ ngày \_\_\_\_ tháng \_\_\_\_ năm \_\_\_\_<sup>(3)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(4)</sup> không hủy ngang và vô điều kiện sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSMT, nhà thầu có văn bản rút HSMT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSMT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Mục 32 CDNT;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đàm phán hợp đồng trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng **hoặc Nhà thầu tiến hành đàm phán hợp đồng nhưng rút lại các cam kết trong HSMT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công** trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.



Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **BDL**.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **BDL**.

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.



## BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>

(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)

**Bên thụ hưởng:**\_\_\_\_ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 BDL]

**Ngày phát hành bảo lãnh:**\_\_\_\_ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

**BẢO LÃNH DỰ THẦU số:**\_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

**Bên bảo lãnh:**\_\_\_\_[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng\_\_\_\_ [ghi tên nhà thầu]<sup>(2)</sup> (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu\_\_\_\_ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm \_\_\_\_ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/HSMT số\_\_\_\_ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/HSMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là \_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong\_\_\_\_<sup>(3)</sup> ngày, kể từ ngày\_\_\_\_ tháng\_\_\_\_ năm\_\_\_\_<sup>(4)</sup>.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết<sup>(5)</sup> **không hủy ngang và vô điều kiện** sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là\_\_\_\_ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo nhà thầu vi phạm từ Bên thụ hưởng trong đó nêu rõ mà không cần chứng minh:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của HSDT, nhà thầu có văn bản rút HSDT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong HSDT theo yêu cầu của HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Mục 4 CDNT hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại Mục 32 CDNT;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 37 CDNT;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đàm phán hợp đồng trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đàm phán đến thương thảo hợp đồng **hoặc Nhà thầu tiến hành** đàm phán hợp đồng **nhưng rút lại các cam kết trong HSDT dẫn đến việc thương thảo hợp đồng không thành công** trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

8. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh \_\_\_\_ [ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 CDNT của HSMT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi Bên bảo lãnh cho Bên thụ hưởng cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của Bên yêu cầu bảo lãnh hoặc của Bên bảo lãnh hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa Bên yêu cầu bảo lãnh và Bên thụ hưởng về hoặc liên quan tới Gói thầu hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc trong vòng 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

### **Đại diện hợp pháp của ngân hàng**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 CDNT, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSDT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B và C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

(3) Ghi theo quy định tại Mục 18.2 **BDL**.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại Mục 19.1 **BDL**.

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 **CDNT** và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

**BẢO LÃNH DỰ THẦU<sup>(1)</sup>**

*(áp dụng trong trường hợp Đặt cọc/Chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro)*

Ngày: ..... (Ngày ký hồ sơ mời thầu )

Tên gói thầu:..... (Tên gói thầu theo hồ sơ mời thầu )

Tên dự án: ..... (Tên dự án )

Hồ sơ mời thầu số: VT/DV-.....

Kính gửi: ..... (tên đầy đủ và địa chỉ của người đại diện )

Căn cứ vào gói thầu nêu trên, chúng tôi [ghi tên nhà thầu ] xin xác nhận như sau:

1. Thay vì nộp Bảo đảm dự thầu do ngân hàng phát hành, [điền tên nhà thầu ] thực hiện bảo đảm dự thầu cho [ tên gói thầu ] bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro một khoản tiền đặt cọc tương đương với số tiền Bảo đảm dự thầu. được chỉ định trong HSMT, là [ chỉ định bằng số, bằng chữ và loại tiền gửi ]
2. Nhà thầu xác nhận rằng Nhà thầu sẽ tuân thủ tất cả các điều kiện theo quy định tại mẫu Bảo đảm dự thầu của HSMT. (Trường hợp Nhà thầu xác nhận không đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo mẫu Bảo đảm dự thầu trong HSMT thì hồ sơ dự thầu của Nhà thầu sẽ không được đánh giá)
3. Sau [ điền thời hạn hiệu lực của bảo đảm dự thầu ] ngày kể từ ngày đóng thầu....., Vietsovpetro sẽ chuyển số tiền đặt cọc trên vào tài khoản của [điền tên nhà thầu ]. [điền tên nhà thầu ] sẽ chịu trách nhiệm thanh toán mọi khoản phí ngân hàng liên quan đến việc chuyển nhượng này.
4. Tài khoản ngân hàng của Vietsovpetro:  
Tên người thụ hưởng: Liên Doanh Việt – Nga Vietsovpetro  
Ngân hàng thụ hưởng: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vũng Tàu  
Số tài khoản: 008.100.00000.11 (VNĐ)

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

*[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ. Bảo lãnh dự thầu này là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang. Trường hợp cần thiết, đối với các gói thầu có quy mô lớn, để bảo đảm quyền lợi của Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong việc tịch thu giá trị bảo đảm dự thầu khi nhà thầu vi phạm quy định nêu tại Bảo lãnh dự thầu, Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể yêu cầu nhà thầu cung cấp các tài liệu để chứng minh bảo lãnh dự thầu đã nộp trong HSMT là bảo lãnh dự thầu không hủy ngang.

(2) Nhà thầu đính kèm Ủy nhiệm chi hoặc văn bản chứng minh đã chuyển khoản vào tài khoản của Vietsovpetro kèm theo thư này.

**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN <sup>(1)</sup>**  
(áp dụng đối với nhà thầu thương mại)

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

|                                                                                                                                       |                                                                                               |                                                                                                    |                      |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|
| Tên và số hợp đồng                                                                                                                    | [ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]                                                     |                                                                                                    |                      |
| Ngày ký hợp đồng                                                                                                                      | [ghi ngày, tháng, năm]                                                                        |                                                                                                    |                      |
| Ngày hoàn thành                                                                                                                       | [ghi ngày, tháng, năm]                                                                        |                                                                                                    |                      |
| Giá hợp đồng <sup>(3)</sup>                                                                                                           | [ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]                                       |                                                                                                    | Tương đương ____ VND |
| Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận | [ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]                                         | [ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký] | Tương đương ____ VND |
| Tên dự án/dự toán mua sắm:                                                                                                            | [ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]                           |                                                                                                    |                      |
| Tên Chủ đầu tư:                                                                                                                       | [ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]                                   |                                                                                                    |                      |
| Địa chỉ:                                                                                                                              | [ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]                                                  |                                                                                                    |                      |
| Điện thoại/fax:                                                                                                                       | [ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]                                        |                                                                                                    |                      |
| E-mail:                                                                                                                               | [ghi địa chỉ e-mail]                                                                          |                                                                                                    |                      |
| Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.1 Chương III <sup>(2)</sup>                                                          |                                                                                               |                                                                                                    |                      |
| 1. Loại hàng hóa                                                                                                                      | [ghi thông tin phù hợp]                                                                       |                                                                                                    |                      |
| 2. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện <sup>(3)</sup>                                                                                    | [ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng] |                                                                                                    |                      |
| 3. Về quy mô thực hiện                                                                                                                | [ghi quy mô theo hợp đồng]                                                                    |                                                                                                    |                      |
| 4. Các đặc tính khác                                                                                                                  | [ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]                                                         |                                                                                                    |                      |

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự khác nhau để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**



**KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA**  
(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): \_\_\_\_\_ [Điền số nhà máy]

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

|                            |                                                  |
|----------------------------|--------------------------------------------------|
| Tên nhà máy:               | [Ghi tên nhà máy]                                |
| Địa chỉ:                   | [Ghi địa chỉ nhà máy]                            |
| Tổng mức đầu tư:           | [Ghi tổng mức đầu tư]                            |
| Công suất thiết kế:        | [Ghi công suất thiết kế]                         |
| Công suất thực hiện:       | [Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]     |
| Tiêu chuẩn sản xuất:       | [Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]   |
| Số lao động đang làm việc: | [Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy] |

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**



# HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU TRONG QUÁ KHỨ<sup>(1)</sup>

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

## Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III

- ☐ Không có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_\_[ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.
- ☐ Có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm\_\_\_[ghi năm] theo quy định tại Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc khoản 2.1 Mục 2 Chương III.

| Năm | Phần việc hợp đồng không hoàn thành | Mô tả hợp đồng                                                                                                   | Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND) |
|-----|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                                     | Mô tả hợp đồng: _____<br>Tên Chủ đầu tư: _____<br>Địa chỉ: _____<br>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____ |                                                                                                |

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên của nhà thầu liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**



**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU<sup>(1)</sup>**

Tên nhà thầu: \_\_\_\_\_

Ngày: \_\_\_\_\_

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): \_\_\_\_\_

| Năm tài chính của nhà thầu từ ngày ____ tháng ____ đến ngày ____ tháng ____ (nhà thầu điền nội dung này) |                         |        |        |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------|--------|--------|
| Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của HSMT                                           |                         |        |        |
|                                                                                                          | Năm 1:                  | Năm 2: | Năm 3: |
| <b>Tổng tài sản</b>                                                                                      |                         |        |        |
| <b>Tổng nợ</b>                                                                                           |                         |        |        |
| <b>Giá trị tài sản ròng</b>                                                                              |                         |        |        |
| <b>Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT)</b>                                                       |                         |        |        |
| <b>Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(2)</sup></b>                              | (Nhà thầu tính và điền) |        |        |
| <b>Lợi nhuận trước thuế</b>                                                                              |                         |        |        |
| <b>Lợi nhuận sau thuế</b>                                                                                |                         |        |        |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.



Nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
- Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
- Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
- Báo cáo kiểm toán (nếu có);
- Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**



**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ<sup>(1)</sup>**

*(chỉ áp dụng đối với dịch vụ liên quan)*

| STT | Tên nhà thầu phụ <sup>(2)</sup> | Phạm vi công việc <sup>(3)</sup> | Khối lượng công việc <sup>(4)</sup> | Giá trị % ước tính <sup>(5)</sup> | Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ <sup>(6)</sup> |
|-----|---------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|-----------------------------------|------------------------------------------------------------------|
| 1   |                                 |                                  |                                     |                                   |                                                                  |
| 2   |                                 |                                  |                                     |                                   |                                                                  |
| 3   |                                 |                                  |                                     |                                   |                                                                  |
| 4   |                                 |                                  |                                     |                                   |                                                                  |
| ... |                                 |                                  |                                     |                                   |                                                                  |

Ghi chú:

(1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ để thực hiện dịch vụ liên quan thì kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong HSDT.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**



**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN  
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU<sup>(1)</sup>**

| <b>STT</b> | <b>Tên công ty con,<br/>công ty thành viên<sup>(2)</sup></b> | <b>Công việc đảm<br/>nhận trong gói<br/>thầu<sup>(3)</sup></b> | <b>Giá trị % so với giá<br/>dự thầu<sup>(4)</sup></b> | <b>Ghi chú</b> |
|------------|--------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|----------------|
| 1          |                                                              |                                                                |                                                       |                |
| 2          |                                                              |                                                                |                                                       |                |
| ...        |                                                              |                                                                |                                                       |                |

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm, năng lực của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**



**BẢNG TIẾN ĐỘ CUNG CẤP(\*)**

Nhà thầu đề xuất tiến độ cung cấp phù hợp với yêu cầu của Chủ đầu tư

| STT | Danh mục hàng hóa | Đơn vị tính | Khối lượng | Địa điểm dự án | Ngày giao hàng                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                | Ngày giao hàng do nhà thầu đề xuất<br>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần] |
|-----|-------------------|-------------|------------|----------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|     |                   |             |            |                | Ngày giao hàng sớm nhất<br>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần] | Ngày giao hàng muộn nhất<br>[ghi số ngày: kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc kể từ ngày chủ đầu tư yêu cầu giao hàng đối với trường hợp giao hàng nhiều lần] |                                                                                                                                                                          |
| (1) | (2)               | (3)         | (4)        | (5)            | (6)                                                                                                                                                           | (7)                                                                                                                                                            | (8)                                                                                                                                                                      |
| 1   |                   |             |            |                |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                          |
| 2   |                   |             |            |                |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                          |
| 3   |                   |             |            |                |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                          |
| ... |                   |             |            |                |                                                                                                                                                               |                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                                          |

Ghi chú:

Cột (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7): Theo quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC

Cột (8): Nhà thầu điền

(\*) Hàng hóa phải được giao trong khoảng thời gian quy định trong HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng sớm hơn ngày giao hàng sớm nhất thì không được tính ưu tiên và không bị loại, trừ trường hợp yêu cầu kỹ thuật có quy định khác. Nhà thầu đề xuất thời gian giao hàng muộn hơn khoảng thời gian này thì HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**

**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**



ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

| STT | Danh mục hàng hóa | Ký mã hiệu | Nhãn hiệu | Năm sản xuất | Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất) | Hãng sản xuất | Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản | Đơn vị tính | Khối lượng |
|-----|-------------------|------------|-----------|--------------|--------------------------------------------|---------------|-------------------------------------|-------------|------------|
| (1) | (2)               | (3)        | (4)       | (5)          | (6)                                        | (7)           | (8)                                 | (9)         | (10)       |
| 1   | Hàng hoá thứ 1    |            |           |              |                                            |               |                                     |             |            |
| 2   | Hàng hoá thứ 2    |            |           |              |                                            |               |                                     |             |            |
| ... |                   |            |           |              |                                            |               |                                     |             |            |
| n   | Hàng hoá thứ n    |            |           |              |                                            |               |                                     |             |            |

Ghi chú:

- Cột (2), (9), (10): Theo quy định tại Phần 4. CÁC PHỤ LỤC;
- Cột (3), (4), (5), (6), (7), (8): Nhà thầu tự điền;
- Đề xuất của nhà thầu tại Mẫu này được trích xuất sang Mẫu 12.1 hoặc 12.2.

Đại diện hợp pháp của nhà thầu  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

## BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU

(Trường hợp HSMT yêu cầu chào thầu theo Mẫu số 12.1 Chương này)

### I. Bảng tổng hợp giá dự thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói

| STT | Nội dung                                                      | Giá dự thầu      |
|-----|---------------------------------------------------------------|------------------|
| 1   | Giá dự thầu của hàng hóa                                      | (M)              |
| 2   | Dịch vụ liên quan                                             | (I)              |
|     | <b>Tổng cộng giá dự thầu</b><br>(Kết chuyển sang đơn dự thầu) | <b>(M) + (I)</b> |

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA**  
(Đối với hàng hóa được nhập khẩu trực tiếp)

ĐV tiền tệ: Đồng Việt Nam.

| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 2            | 3           | 4        | 5            | 6       | 7       | 8                       |
|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|----------|--------------|---------|---------|-------------------------|
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất | Xuất xứ | Đơn giá | Thành tiền<br>(Cột 4x7) |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              |             |          |              |         |         | M1                      |
| 2                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              |             |          |              |         |         | M2                      |
| 3                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |              |             |          |              |         |         | ...                     |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |              |             |          |              |         |         |                         |
| <p>Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) phát sinh trên lãnh thổ Việt Nam và không bao gồm thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan. Thuế GTGT và thuế nhập khẩu trên được miễn theo Hiệp định liên Chính phủ.</p> <p>(Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)</p> |              |             |          |              |         |         | <b>M=M1+M2+...+Mn</b>   |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4): Nhà thầu điền theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC;

Cột (5) (6): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (7) (8): Nhà thầu điền;

Thành tiền (M) đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) là cơ sở để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

Thành tiền (M) không bao gồm thuế GTGT và thuế nhập khẩu của giá trị hàng hóa nhập khẩu ghi trên tờ khai hải quan, nhưng bao gồm tất cả các loại thuế, phí phát sinh trong lãnh thổ Việt Nam.

Khi tham gia đấu thầu, các nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu, tính toán và chào toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.



**Mẫu số 12.2**

**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CỦA HÀNG HÓA**  
*(Đối với hàng hóa được sản xuất tại Việt Nam hoặc đã nhập khẩu vào Việt Nam)*

*ĐV tiền tệ: Đồng Việt Nam.*

| 1                                                                                                                               | 2            | 3           | 4        | 5            | 6       | 7       | 8                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------|-------------|----------|--------------|---------|---------|-------------------------|
| STT                                                                                                                             | Tên hàng hóa | Đơn vị tính | Số lượng | Nhà sản xuất | Xuất xứ | Đơn giá | Thành tiền<br>(Cột 4x7) |
| 1                                                                                                                               |              |             |          |              |         |         | M1                      |
| 2                                                                                                                               |              |             |          |              |         |         | M2                      |
| 3                                                                                                                               |              |             |          |              |         |         | ...                     |
|                                                                                                                                 |              |             |          |              |         |         |                         |
| Tổng cộng giá dự thầu                                                                                                           |              |             |          |              |         |         | <b>M=M1+M2+...+Mn</b>   |
| Tiền thuế GTGT                                                                                                                  |              |             |          |              |         |         |                         |
| Tổng cộng giá dự thầu của hàng hoá đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có):<br><i>(Kết chuyển sang BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU)</i> |              |             |          |              |         |         |                         |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
*(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)*

**Ghi chú:**

Các cột (1), (2), (3), (4): Nhà thầu điền theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC;

Cột (5) (6): Nhà thầu điền phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu;

Cột (7) (8): Nhà thầu điền;

Khi tham gia đấu thầu, các nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu, tính toán và chào toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định.



**BẢNG GIÁ DỰ THẦU CHO CÁC DỊCH VỤ LIÊN QUAN**  
(áp dụng loại hợp đồng trọn gói và loại hợp đồng theo đơn giá)

| STT                                                                                                                                    | Mô tả dịch vụ | Khối lượng mời thầu | Đơn vị tính | Địa điểm thực hiện dịch vụ | Ngày hoàn thành dịch vụ | Đơn giá dự thầu | Thành tiền (Cột 3x7) |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|---------------------|-------------|----------------------------|-------------------------|-----------------|----------------------|
| (1)                                                                                                                                    | (2)           | (3)                 | (4)         | (5)                        | (6)                     | (7)             | (8)                  |
| 1                                                                                                                                      |               |                     |             |                            |                         |                 |                      |
| 2                                                                                                                                      |               |                     |             |                            |                         |                 |                      |
| ..                                                                                                                                     |               |                     |             |                            |                         |                 |                      |
| <b>Tổng giá dự thầu cho các dịch vụ liên quan đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)</b><br>(Kết chuyển sang bảng tổng hợp giá dự thầu) |               |                     |             |                            |                         |                 | <b>(I)</b>           |

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
(Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

Các cột (1), (2), (3), (4), (5) và (6) Nhà thầu điền theo quy định trong Phần 4 – CÁC PHỤ LỤC;

Các cột (7) và cột (8) do nhà thầu chào. Cột (7): Nhà thầu chào (bao gồm tất cả các loại thuế, phí, lệ phí)



BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI<sup>(1)</sup>

| STT | Tên hàng hóa   | Xuất xứ<br>[ghi tên quốc gia, vùng<br>lãnh thổ, ký mã hiệu,<br>nhãn hiệu, hãng sản xuất] | Hàng hóa có chi phí sản xuất<br>trong nước từ 25% trở lên |                          | Kê khai chi phí trong nước |                          |
|-----|----------------|------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|--------------------------|----------------------------|--------------------------|
|     |                |                                                                                          | Có                                                        | Không                    | Theo Mẫu 15B               | Theo Mẫu 15C             |
|     | (I)            | (2)                                                                                      | (3)                                                       | (4)                      | (5)                        | (6)                      |
| 1   | Hàng hoá thứ 1 |                                                                                          | <input type="checkbox"/>                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>   | <input type="checkbox"/> |
| 2   | Hàng hoá thứ 2 |                                                                                          | <input type="checkbox"/>                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>   | <input type="checkbox"/> |
| ... | ...            |                                                                                          |                                                           |                          |                            |                          |
| n   | Hàng hoá thứ n |                                                                                          | <input type="checkbox"/>                                  | <input type="checkbox"/> | <input type="checkbox"/>   | <input type="checkbox"/> |

Ghi chú:

(1), (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai từ Mẫu số 12.1 hoặc Mẫu số 12.2.

(3), (4): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa.

(5), (6): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 25% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu 15B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc 15C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

Đại diện hợp pháp của nhà thầu

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI**  
(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

| STT | Tên hàng hóa   | Giá chào của hàng hóa trong HSDT | Giá trị thuế các loại | Kê khai các chi phí nhập ngoại | Chi phí sản xuất trong nước | Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước          |
|-----|----------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------------------------------|
|     |                | (I)                              | (II)                  | (III)                          | $G^* = (I) - (II) - (III)$  | $D(\%) = G^*/G$<br>Trong đó $G = (I) - (II)$ |
|     | (1)            | (2)                              | (3)                   | (4)                            | (5)                         | (6)                                          |
| 1   | Hàng hoá thứ 1 |                                  |                       |                                |                             |                                              |
| 2   | Hàng hoá thứ 2 |                                  |                       |                                |                             |                                              |
| ... | ...            |                                  |                       |                                |                             |                                              |
| n   | Hàng hoá thứ n |                                  |                       |                                |                             |                                              |

Ghi chú:

- (1): Nhà thầu điền theo đã kê khai các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (5) của Mẫu số 15A.  
 (2): Nhà thầu điền theo đã kê khai đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).  
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.  
 (5), (6): Nhà thầu tính toán và điền.

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



**BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI<sup>(1)</sup>**  
(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

| STT | Tên hàng hóa   | Giá chào của hàng hóa trong HSDT | Giá trị thuế các loại <sup>(2)</sup> | Chi phí sản xuất trong nước | Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước  |
|-----|----------------|----------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|--------------------------------------|
|     |                | (I)                              | (II)                                 | G*                          | D(%)=G*/G<br>Trong đó G = (I) – (II) |
|     | (1)            | (2)                              | (3)                                  | (4)                         | (5)                                  |
| 1   | Hàng hoá thứ 1 |                                  |                                      |                             |                                      |
| 2   | Hàng hoá thứ 2 |                                  |                                      |                             |                                      |
| ... | ...            |                                  |                                      |                             |                                      |
| n   | Hàng hoá thứ n |                                  |                                      |                             |                                      |

Ghi chú:

- (1): Nhà thầu điền theo kê khai các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (3) và cột (6) của Mẫu số 15A.  
 (2): Nhà thầu điền theo kê khai đơn giá mà nhà thầu đã chào (đơn giá bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).  
 (3), (4): Nhà thầu tự kê khai.  
 (5): Nhà thầu tính toán và điền;

**Đại diện hợp pháp của nhà thầu**  
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]



## **PHẦN 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. Yêu cầu về kỹ thuật**

*(Xem tài liệu đính kèm tại Phần 4. Các phụ lục)*



### **PHẦN 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG**

Mẫu số 16. Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng

Mẫu số 17. Biểu mẫu hợp đồng



**THƯ CHẤP THUẬN E-HSDT VÀ TRAO HỢP ĐỒNG**

**Kính gửi: [ghi tên và địa chỉ của Nhà thầu trúng thầu, sau đây gọi tắt là “Nhà thầu”]**

**Về việc: Thông báo chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng**

Liên doanh Việt-Nga Vietsovpetro- XN Vận Tải Biển Và Công Tác Lặn xin thông báo Quý Công ty trúng thầu: ... - Gói thầu số ... , với các nội dung chính như sau:

- Phạm vi cung cấp: ...
- Giá giá trị trúng thầu: ...
- Thời hạn giao hàng: ... ngày lịch kể từ ngày Vietsovpetro gửi thư thông báo trúng thầu
- Năm sản xuất: ...
- Điều kiện giao hàng: Hàng giao tại kho XNVTB&CTL-Vietsovpetro số 71A Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, tại Tp. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.
- Điều kiện thanh toán: 100% chuyển khoản..
- Chứng chỉ cho hàng hóa: ...

Để thực hiện các công việc tiếp theo, trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày phát hành Thư này, Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng ...% tổng giá trị hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn giao hàng cộng thêm 60 ngày lịch.

Nếu quá thời hạn theo yêu cầu mà Vietsovpetro không nhận được Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định thì sẽ được hiểu Quý công ty từ chối hoàn thiện hợp đồng, không đáp ứng yêu cầu của Vietsovpetro và sẽ bị loại, đồng thời Quý công ty sẽ không được nhận lại bảo đảm dự thầu.

Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày công văn này, đề nghị Quý công ty gửi công văn xác nhận về nội dung nêu trên.

*Trân trọng!*

**Đại diện hợp pháp của Bên mời thầu**

**[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]**



## **ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG (ĐKC)**

### **1. Định nghĩa**

Trong hợp đồng này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- 1.1. “Chủ đầu tư” là Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro được quy định tại **Hợp đồng**;
- 1.2. “Hợp đồng” là thỏa thuận giữa Chủ đầu tư và Nhà thầu, thể hiện bằng văn bản, được hai bên ký kết, bao gồm cả phụ lục và tài liệu kèm theo;
- 1.3. “Nhà thầu” là nhà thầu trúng thầu (có thể là nhà thầu độc lập hoặc liên danh) và được quy định tại **Hợp đồng**;
- 1.4. “Nhà thầu phụ” là nhà thầu có tên trong danh sách các nhà thầu phụ do Nhà thầu đề xuất trong HSDT và được Nhà thầu ký hợp đồng để thực hiện dịch vụ liên quan;
- 1.5. “Tài liệu hợp đồng” là các tài liệu được liệt kê trong Hợp đồng, bao gồm bất kỳ bản sửa đổi, bổ sung nào của Hợp đồng;
- 1.6. “Giá hợp đồng” là tổng số tiền ghi trong hợp đồng cho việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan. Giá hợp đồng đã bao gồm tất cả các chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có);
- 1.7. “Ngày” là ngày dương lịch; “năm” là 365 ngày;
- 1.8. “Hàng hóa” bao gồm máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phụ tùng; hàng tiêu dùng; trang thiết bị y tế dùng cho các cơ sở y tế;
- 1.9. “Dịch vụ liên quan” bao gồm các dịch vụ như lắp đặt, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa ban đầu, bảo hiểm lắp đặt, bảo hiểm sửa chữa hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác như đào tạo, chuyển giao công nghệ...;
- 1.10. “Hoàn thành” là việc Nhà thầu hoàn tất các dịch vụ liên quan theo các điều khoản và điều kiện quy định tại Hợp đồng;
- 1.11. “Địa điểm dự án” là địa điểm được quy định tại **Hợp đồng**.

### **2. Tài liệu hợp đồng và thứ tự ưu tiên**

- 2.1. Tất cả các tài liệu nêu tại Mục 2.2 ĐKC (bao gồm cả các phần của tài liệu) sẽ cấu thành Hợp đồng để tạo thành thể thống nhất, có tính tương hỗ, bổ sung và giải thích cho nhau.
- 2.2. Hợp đồng, các tài liệu và thứ tự ưu tiên pháp lý như sau:
  - a) Hợp đồng (kèm theo các Phụ lục hợp đồng);
  - b) Biên bản thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;
  - c) Báo cáo phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu;
  - d) Điều kiện chung của hợp đồng;
  - e) Hồ sơ dự thầu của Nhà thầu trúng thầu;
  - f) Hồ sơ mời thầu và các tài liệu sửa đổi hồ sơ mời thầu.

### **3. Luật và ngôn ngữ**

Luật điều chỉnh hợp đồng là luật Việt Nam, ngôn ngữ của hợp đồng là tiếng Việt.



#### **4. Thông báo**

4.1. Bất cứ thông báo nào của một bên gửi cho bên kia liên quan đến hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản, theo địa chỉ quy định tại **Hợp đồng**. Thuật ngữ “bằng văn bản” có nghĩa là hình thức truyền đạt thông tin dưới dạng viết và có bằng chứng về việc tiếp nhận thông tin.

4.2. Thông báo của một bên sẽ được coi là có hiệu lực kể từ ngày bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

#### **5. Bảo đảm thực hiện hợp đồng**

5.1. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải được nộp lên Chủ đầu tư không muộn hơn ngày quy định tại Thư chấp thuận HSDT và trao hợp đồng. Bảo đảm thực hiện hợp đồng được thực hiện bằng một trong các hình thức sau:

a) Nộp thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng trong nước, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam;

b) Nộp giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại điểm a và điểm b khoản này là bảo đảm không có điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu), theo mẫu quy định tại Phần 4 hoặc một mẫu khác được Chủ đầu tư chấp thuận.

c) Hình thức khác được Chủ đầu tư chấp thuận quy định tại **Hợp đồng**.

5.2. Bảo đảm thực hiện hợp đồng có giá trị và hiệu lực quy định tại **Hợp đồng**.

5.3. Bảo đảm thực hiện hợp đồng sẽ được trả cho Chủ đầu tư để bồi thường cho bất kỳ tổn thất nào phát sinh do Nhà thầu không hoàn thành các nghĩa vụ hợp đồng.

5.4. Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại **Hợp đồng**.

#### **6. Ký hợp đồng thầu phụ**

6.1. Nhà thầu được ký kết hợp đồng với các nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ quy định tại **Hợp đồng** để thực hiện dịch vụ liên quan nêu trong HSDT. Việc sử dụng nhà thầu phụ sẽ không làm thay đổi các nghĩa vụ của nhà thầu. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm trước Chủ đầu tư về khối lượng, chất lượng, tiến độ và các nghĩa vụ khác đối với phần việc do nhà thầu phụ thực hiện.

Việc thay thế, bổ sung nhà thầu phụ trong danh sách các nhà thầu phụ nêu trong HSDT hoặc thay đổi nội dung thầu phụ nêu trong HSDT chỉ được thực hiện khi được chủ đầu tư chấp thuận; việc sử dụng nhà thầu phụ phải phù hợp với nhu cầu của nhà thầu trong thực hiện hợp đồng, nhà thầu phụ phải đáp ứng về năng lực, kinh nghiệm theo yêu cầu của nhà thầu.

6.2. Nhà thầu có trách nhiệm thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho nhà thầu phụ theo các điều khoản thỏa thuận giữa Nhà thầu và nhà thầu phụ.

#### **7. Giải quyết tranh chấp**

7.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu có trách nhiệm giải quyết các tranh chấp phát sinh giữa hai bên thông qua thương lượng, hòa giải.

7.2. Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hòa giải trong thời gian quy định tại **Hợp đồng** kể từ ngày phát sinh tranh chấp thì bất kỳ bên nào cũng đều có thể yêu cầu đưa việc tranh chấp ra giải quyết theo cơ chế được quy định tại Hợp đồng.

#### **8. Phạm vi cung cấp**

Hàng hóa và dịch vụ liên quan phải được cung cấp theo quy định tại **Hợp đồng**.

**9. Tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) và tài liệu chứng từ**  
Tiến độ giao hàng và lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan (nếu có) phải được thực hiện theo quy định tại **Hợp đồng**. Nhà thầu phải cung cấp các hoá đơn, chứng từ tài liệu khác theo quy định tại **Hợp đồng**.

**10. Trách nhiệm của Nhà thầu**  
Nhà thầu phải cung cấp toàn bộ hàng hóa và dịch vụ liên quan (nếu có) trong phạm vi cung cấp quy định tại Mục 8 ĐKC và theo tiến độ giao hàng, lịch hoàn thành các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 ĐKC.

**11. Loại hợp đồng và giá hợp đồng**  
11.1. Loại hợp đồng: theo quy định tại **Hợp đồng**.  
11.2. Giá hợp đồng quy định tại **Hợp đồng** là toàn bộ chi phí để hoàn thành việc cung cấp hàng hoá và dịch vụ liên quan của gói thầu nêu trong Bảng giá hợp đồng trên cơ sở bảo đảm tiến độ, chất lượng theo đúng yêu cầu của gói thầu.

**12. Thuế, phí, lệ phí**  
12.1. Nhà thầu chịu trách nhiệm đối với toàn bộ chi phí về thuế, phí, lệ phí phát sinh cho đến khi hàng hóa được giao cho Chủ đầu tư.  
12.2. Trường hợp Nhà thầu thuộc đối tượng được miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, Chủ đầu tư tạo điều kiện tối đa cho Nhà thầu áp dụng các chính sách miễn, giảm thuế, phí, lệ phí và được quy định tại **Hợp đồng**.  
12.3. Việc điều chỉnh thuế thực hiện theo quy định tại **Hợp đồng**.

**13. Tạm ứng**  
13.1. Chủ đầu tư phải cấp cho Nhà thầu khoản tiền tạm ứng theo quy định tại **Hợp đồng**, sau khi Nhà thầu nộp Bảo lãnh tạm ứng tương đương với khoản tiền tạm ứng. Bảo lãnh tạm ứng phải được phát hành bởi một tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.  
13.2. Nhà thầu chỉ được sử dụng tiền tạm ứng cho việc thực hiện Hợp đồng. Nhà thầu phải chứng minh rằng khoản tiền tạm ứng đã được sử dụng đúng mục đích, đúng đối tượng bằng cách nộp bản sao các hóa đơn chứng từ hoặc tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư.

**14. Thanh toán**  
14.1. Yêu cầu thanh toán của Nhà thầu phải được gửi cho Chủ đầu tư bằng văn bản, kèm theo hóa đơn mô tả hàng hóa đã bàn giao và các dịch vụ liên quan đã thực hiện, cùng với chứng từ nộp theo quy định tại Điều 9 ĐKC và gửi yêu cầu thanh toán khi đã hoàn thành các nghĩa vụ khác quy định trong hợp đồng.  
14.2. Việc thanh toán thực hiện theo quy định tại **Hợp đồng**.  
14.3. Đồng tiền thanh toán là VND.

**15. Quyền tác giả**  
Quyền tác giả đối với tất cả các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ chứa đựng thông tin và dữ liệu mà Nhà thầu đã nộp cho Chủ đầu tư vẫn thuộc về Nhà thầu. Trường hợp các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ đó được cung cấp cho Chủ đầu tư một cách trực tiếp hoặc thông qua Nhà thầu bởi một bên thứ ba thì quyền tác giả đối với các bản vẽ, tài liệu và hồ sơ thuộc về bên thứ ba đó.

## **16. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng**

16.1. Chủ đầu tư và Nhà thầu phải bảo mật bất kỳ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin nào khác liên quan đến hợp đồng do một bên cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp cho bên kia, không được tiết lộ tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó cho bên thứ ba nếu không có văn bản đồng ý của bên kia cho dù tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó được cung cấp trước, trong hoặc sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng. Nhà thầu có thể chuyển cho nhà thầu phụ các tài liệu, dữ liệu và thông tin phù hợp do Chủ đầu tư cung cấp để nhà thầu phụ thực hiện công việc của mình theo hợp đồng; trong trường hợp này, nhà thầu phụ phải có cam kết với Nhà thầu về việc bảo mật các tài liệu, dữ liệu hoặc thông tin đó.

16.2. Chủ đầu tư không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Nhà thầu cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến hợp đồng. Nhà thầu không được sử dụng các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác nhận được từ Chủ đầu tư cho bất kỳ mục đích nào khác không liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

16.3. Nghĩa vụ của Chủ đầu tư và Nhà thầu quy định tại Mục 16.1 và Mục 16.2 ĐKC không áp dụng đối với các thông tin sau đây:

- a) Thông tin mà Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu cần cung cấp cho cấp có thẩm quyền;
- b) Thông tin đã hoặc sẽ được công bố mà không phải do lỗi của Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu;
- c) Thông tin thuộc sở hữu của một bên vào thời điểm công bố và trước đó không phải do bên kia cung cấp trực tiếp hoặc gián tiếp;
- d) Thông tin mà một bên nhận được một cách hợp pháp từ một bên thứ ba không có nghĩa vụ bảo mật thông tin.

16.4. Các quy định tại Mục 16 ĐKC không làm thay đổi bất kỳ cam kết bảo mật nào do một bên đưa ra trước ngày ký hợp đồng liên quan đến việc cung cấp hàng hóa, dịch vụ.

16.5. Các quy định tại Mục 16 ĐKC tiếp tục có hiệu lực sau khi hoàn thành hoặc chấm dứt hợp đồng vì bất cứ lý do gì.

## **17. Thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn**

Hàng hóa và các dịch vụ liên quan được cung cấp theo hợp đồng sẽ phải tuân theo các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn quy định tại Chương V; nếu tại Chương V không quy định đến một thông số hay tiêu chuẩn nào có thể áp dụng thì phải tuân thủ theo thông số và tiêu chuẩn tương đương hoặc cao hơn tiêu chuẩn hiện hành tại quốc gia hoặc vùng lãnh thổ mà hàng hóa có xuất xứ.

## **18. Đóng gói hàng hoá**

18.1. Nhà thầu phải đóng gói hàng hóa đúng yêu cầu nhằm tránh hư hỏng trong quá trình vận chuyển đến địa điểm dự án theo quy định trong hợp đồng. Trong quá trình vận chuyển, bao gói hàng hóa phải đủ chắc chắn để chịu được những va chạm mạnh, nhiệt độ quá cao hoặc quá thấp, trong nước mặn, nước mưa và ở ngoài trời. Kích thước và trọng lượng của mỗi kiện hàng phải tính đến điều kiện vận chuyển như khoảng cách, phương tiện vận chuyển, điều kiện cơ sở hạ tầng... từ nơi xuất hàng đến địa điểm dự án.

18.2. Việc đóng gói, ghi chú đối với hàng hóa, các giấy tờ bên trong và bên ngoài kiện hàng phải tuân thủ các yêu cầu cụ thể trong hợp đồng, bao gồm cả các yêu cầu (nếu có) quy định ở **Hợp đồng** và các chỉ dẫn khác của Chủ đầu tư.

## **19. Bảo hiểm**

Trừ trường hợp có quy định khác tại **Hợp đồng**, hàng hóa cung cấp theo hợp đồng phải được bảo hiểm đầy đủ cho các tổn thất, hư hại có thể xảy ra trong quá trình sản xuất hoặc tiếp nhận, vận chuyển, lưu kho và giao hàng theo quy định tại **Hợp đồng**.

## **20. Vận chuyển và các dịch vụ phát sinh**

20.1. Yêu cầu về vận chuyển hàng hóa và các yêu cầu khác quy định tại **Hợp đồng**.

20.2. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu cung cấp một hoặc một số dịch vụ sau đây, bao gồm cả các dịch vụ (nếu có) theo quy định tại **Hợp đồng**:

- a) Thực hiện việc lắp đặt hoặc giám sát việc lắp đặt tại hiện trường, chạy thử hàng hóa;
- b) Cung cấp các dụng cụ cần thiết để lắp ráp, bảo dưỡng hàng hóa;
- c) Cung cấp tài liệu chi tiết hướng dẫn vận hành và bảo dưỡng cho từng loại hàng hóa;
- d) Vận hành hoặc giám sát hoặc bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa trong khoảng thời gian đã được các bên thỏa thuận, với điều kiện là dịch vụ này sẽ không miễn trừ cho Nhà thầu khỏi bất kỳ nghĩa vụ bảo hành nào theo hợp đồng này;
- đ) Hướng dẫn nhân sự của Chủ đầu tư về cách lắp đặt, chạy thử, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa hàng hóa.

20.3. Trường hợp phát sinh dịch vụ ngoài hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu thương thảo về chi phí thực hiện dịch vụ, bảo đảm không vượt quá mức giá mà Nhà thầu áp dụng cho dịch vụ tương tự trong các hợp đồng khác.

## **21. Kiểm tra và thử nghiệm hàng hóa**

Nhà thầu phải tiến hành tất cả các thử nghiệm, kiểm tra đối với hàng hóa và dịch vụ liên quan theo quy định tại **Hợp đồng** và chịu toàn bộ chi phí thử nghiệm, kiểm tra theo quy định của Hợp đồng.

## **22. Phạt và bồi thường thiệt hại**

Phạt vi phạm hợp đồng và bồi thường thiệt hại theo quy định tại **Hợp đồng**.

## **23. Bảo hành**

23.1. Nhà thầu bảo đảm cung cấp hàng hóa mới, chưa qua sử dụng theo đúng đề xuất đã nêu.

23.2. Nhà thầu bảo đảm hàng hóa không phát sinh khiếm khuyết do bất kỳ hành động hay sơ suất nào từ phía Nhà thầu hoặc do thiết kế, vật liệu hoặc kỹ thuật chế tạo khi hàng hóa được sử dụng bình thường trong các điều kiện phổ biến tại Việt Nam.

23.3. Thời hạn bảo hành và địa điểm áp dụng bảo hành quy định tại **Hợp đồng**.

23.4. Trường hợp phát hiện khiếm khuyết của hàng hóa, Chủ đầu tư kịp thời thông báo cho Nhà thầu, kèm theo tài liệu chứng minh. Chủ đầu tư tạo điều kiện cho Nhà thầu tiến hành kiểm tra các khiếm khuyết đó.

23.5. Sau khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư về việc hàng hóa có khiếm khuyết, Nhà thầu phải kịp thời sửa chữa hoặc thay thế hàng hóa có khiếm khuyết trong thời hạn quy định tại **Hợp đồng** và chịu toàn bộ chi phí sửa chữa, thay thế.

23.6. Trường hợp đã được thông báo nhưng Nhà thầu không tiến hành sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa trong thời hạn quy định tại **Hợp đồng**, Chủ đầu tư có thể tự sửa chữa (nếu cần thiết). Nhà thầu phải chịu tất cả rủi ro và chi phí liên quan. Việc Chủ đầu tư tự sửa chữa khiếm khuyết của hàng hóa không ảnh hưởng đến các quyền khác của Chủ đầu tư đối với Nhà thầu theo hợp đồng.

## **24. Bồi thường vi phạm sáng chế**

24.1. Với điều kiện là Chủ đầu tư tuân thủ Mục 24.2 ĐKC, Nhà thầu có nghĩa vụ bồi thường, bảo đảm Chủ đầu tư và nhân sự của Chủ đầu tư không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó liên quan tới:

- a) Việc lắp đặt hàng hóa do Nhà thầu thực hiện hoặc việc sử dụng hàng hóa tại Việt Nam;
- b) Việc bán các sản phẩm được sản xuất từ hàng hóa.

Việc bồi thường nêu trên không áp dụng đối với các trường hợp sau: sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa ngoài mục đích nêu trong hợp đồng hoặc phát sinh hợp lý từ hợp đồng; có hành vi vi phạm do sử dụng hàng hóa hoặc bất kỳ phần nào của hàng hóa, hay bất kỳ sản phẩm nào được sản xuất từ hàng hóa có sự kết hợp các thiết bị, nhà xưởng hoặc vật tư khác không phải do Nhà thầu cung cấp theo hợp đồng.

24.2. Trường hợp xảy ra kiện tụng hoặc khiếu nại đối với Chủ đầu tư liên quan tới các vấn đề quy định tại Mục 24.1 ĐKC, Chủ đầu tư có nghĩa vụ thông báo kịp thời cho Nhà thầu. Nhà thầu có thể nhân danh Chủ đầu tư giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó hoặc thương thảo để giải quyết kiện tụng hoặc khiếu nại đó và chịu trách nhiệm đối với các chi phí liên quan.

24.3. Trong vòng 28 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, trường hợp Nhà thầu không thông báo cho Chủ đầu tư về ý định giải quyết kiện tụng hay khiếu nại đó, Chủ đầu tư sẽ tự giải quyết.

24.4. Trường hợp được yêu cầu, Chủ đầu tư hỗ trợ Nhà thầu giải quyết vụ kiện tụng hay khiếu nại đó và sẽ được Nhà thầu hoàn trả mọi chi phí hợp lý phát sinh.

24.5. Chủ đầu tư có nghĩa vụ bồi thường, đảm bảo Nhà thầu, nhà thầu phụ, nhân sự của Nhà thầu không bị tổn hại bởi bất kỳ vụ kiện tụng, thủ tục hành chính, khiếu nại, yêu cầu, tổn thất, thiệt hại, chi phí nào, bao gồm cả chi phí thuê luật sư vì có vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm sáng chế, mẫu hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, quyền tác giả hoặc các quyền sở hữu trí tuệ khác đã đăng ký hoặc tồn tại vào ngày ký hợp đồng mà các vi phạm hoặc cáo buộc vi phạm đó phát sinh từ hoặc liên quan đến bất kỳ thiết kế, dữ liệu, bản vẽ, thông số kỹ thuật hoặc các tài liệu và hồ sơ nào được cung cấp hoặc thiết kế bởi Chủ đầu tư hoặc thay mặt Chủ đầu tư.

## **25. Thay đổi liên quan đến pháp lý**

Trừ trường hợp có quy định khác tại hợp đồng, kể từ 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu trở về sau, nếu có bất kỳ chính sách nào được ban hành, thay thế, sửa đổi hoặc tuyên bố hết hiệu lực tại Việt Nam gây ảnh hưởng đến ngày giao hàng và/hoặc giá hợp đồng thì ngày giao hàng hoặc giá hợp đồng phải được điều chỉnh tương ứng với mức độ ảnh hưởng của nhà thầu khi thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng. Phần tăng hoặc giảm giá hợp đồng không được thanh toán riêng hay ghi nhận khoản phải trả riêng nếu việc tăng hoặc giảm giá hợp đồng này đã được quy định tại Mục 11 ĐKC.

## **26. Bất khả kháng**

26.1. Nhà thầu không bị tịch thu bảo lãnh thực hiện hợp đồng, không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại hay bị phạt hoặc bị chấm dứt hợp đồng nếu rơi vào các sự kiện bất khả kháng gây cản trở tiến độ thực hiện hợp đồng hoặc không thể thực hiện nghĩa vụ hợp đồng.

26.2. Khi xảy ra sự việc bất khả kháng, việc một bên không thực hiện được bất kỳ một nghĩa vụ nào của mình sẽ không bị coi là vi phạm hay phá vỡ Hợp đồng, với điều kiện nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự việc này: (a) đã tiến hành những biện pháp ngăn ngừa hợp lý, cẩn trọng và các biện pháp thay thế cần thiết, tất cả với mục đích thực hiện được những điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này, và (b) phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ của mình trong phạm vi Hợp đồng chừng nào việc thực hiện này còn hợp lý và thực tế.

26.3. Trong hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên và không thể lường trước, không thể tránh được và khiến cho việc thực hiện hợp đồng là không khả thi mà nguyên nhân không phải do sơ suất hoặc thiếu chú ý của các bên. Sự kiện bất khả kháng có thể bao gồm nhưng không giới hạn bởi chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch hoặc các chính sách, quy định của Nhà nước.

26.4. Khi xảy ra sự kiện bất khả kháng, nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho bên kia về sự kiện đó và nguyên nhân gây ra sự kiện trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Đồng thời, chuyển cho bên kia giấy xác nhận về sự kiện bất khả kháng đó được cấp bởi một tổ chức có thẩm quyền tại nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng.

Nhà thầu bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng theo hoàn cảnh thực tế cho phép và phải tìm mọi biện pháp hợp lý để hạn chế hậu quả của sự việc bất khả kháng.

26.5. Thời hạn mà một bên phải hoàn thành một công việc theo Hợp đồng này được gia hạn thêm một khoảng thời gian bằng đúng thời gian bên đó không thể thực hiện được công việc do sự kiện bất khả kháng gây ra.

## **27. Sửa đổi hợp đồng**

27.1. Chủ đầu tư có thể yêu cầu Nhà thầu sửa đổi, bổ sung các nội dung sau đây trong phạm vi công việc của hợp đồng:

- a) Thay đổi bản vẽ, thiết kế công nghệ hoặc yêu cầu kỹ thuật đối với trường hợp hàng hóa cung cấp theo hợp đồng được đặt hàng sản xuất cho riêng Chủ đầu tư;
- b) Thay đổi phương thức vận chuyển hoặc đóng gói;
- c) Thay đổi địa điểm giao hàng;
- d) Thay đổi dịch vụ liên quan.
- đ) Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 28 ĐKC.

27.2. Trường hợp việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trong phạm vi công việc của hợp đồng quy định tại Mục 27.1 ĐKC làm thay đổi chi phí hoặc thời gian thực hiện bất kỳ điều khoản nào trong hợp đồng, giá hợp đồng hoặc ngày giao hàng, ngày hoàn thành dịch vụ liên quan phải được điều chỉnh tương ứng và hai bên tiến hành sửa đổi hợp đồng. Yêu cầu của Nhà thầu về việc điều chỉnh giá hợp đồng, ngày giao hàng hoặc ngày hoàn thành phải được tiến hành trong vòng 28 ngày, kể từ ngày Nhà thầu nhận được yêu cầu của Chủ đầu tư về việc sửa đổi, bổ sung nội dung công việc của hợp đồng.

27.3. Trường hợp Nhà thầu cung cấp hàng hóa với phiên bản mới của cùng hãng sản xuất, có cùng xuất xứ, có tính năng kỹ thuật, cấu hình, thông số... tương đương hoặc tốt hơn phiên bản hàng hóa Nhà thầu đề xuất trong HSDT và đáp ứng yêu cầu HSMT thì Nhà thầu phải thông báo trước bằng văn bản cho Chủ đầu tư để Chủ đầu tư xem xét. Trong trường hợp này, căn cứ nhu cầu sử dụng, Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu với điều kiện là đơn giá và các điều kiện khác của hợp đồng không thay đổi.

27.4. Trường hợp cần thực hiện các dịch vụ liên quan chưa nêu trong hợp đồng, Chủ đầu tư và Nhà thầu tiến hành thương thảo, bảo đảm đơn giá phù hợp giá cả thị trường.

27.5. Chủ đầu tư và Nhà thầu sẽ tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết văn bản sửa đổi hợp đồng trong trường hợp sửa đổi hợp đồng. Mọi giao dịch trong quá trình thực hiện hợp đồng được các Bên thực hiện bằng văn bản và gửi theo đường bưu chính hoặc theo số Fax tới địa chỉ đăng ký hoặc số Fax của mỗi Bên ghi trong hợp đồng và email đến địa chỉ email theo mẫu quy định tại **Hợp đồng**.

27.6. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nhà thầu có thể đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí bao gồm ít nhất các nội dung sau đây:

- a) Nội dung giải pháp, giải thích sự khác biệt so với các yêu cầu theo hợp đồng đã ký kết;
- b) Phân tích toàn diện chi phí và lợi ích của giải pháp bao gồm mô tả và ước tính các chi phí (bao gồm cả chi phí vòng đời) có thể phát sinh cho Chủ đầu tư trong trường hợp chấp thuận đề xuất của Nhà thầu;
- c) Tác động của giải pháp đối với hiệu quả thực hiện hợp đồng.

27.7. Chủ đầu tư có thể chấp thuận đề xuất của Nhà thầu nếu đề xuất này chứng minh được một trong các lợi ích dưới đây mà không làm ảnh hưởng đến các chức năng cần thiết của hàng hóa:

- a) Rút ngắn thời gian giao hàng;
- b) Giảm giá hợp đồng hoặc chi phí vòng đời cho Chủ đầu tư;
- c) Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoặc tính bền vững của hàng hóa trong hợp đồng;
- d) Bất kỳ lợi ích nào khác cho Chủ đầu tư.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo tỷ lệ quy định tại **Hợp đồng** đối với phần giá trị giảm giá hợp đồng.

Trường hợp đề xuất của Nhà thầu được Chủ đầu tư chấp thuận và làm tăng giá hợp đồng nhưng giảm chi phí vòng đời do tác động của các yếu tố quy định tại các điểm a, b, c và d khoản này, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu theo phần giá trị tăng giá hợp đồng.

## **28. Điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng**

28.1. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp phát sinh các điều kiện bất lợi, cản trở Nhà thầu hoặc nhà thầu phụ trong việc cung cấp hàng hóa và lịch thực hiện các dịch vụ liên quan quy định tại Mục 9 ĐKC, Nhà thầu phải kịp thời thông báo bằng văn bản cho Chủ đầu tư về việc chậm tiến độ, nguyên nhân, khoảng thời gian chậm tiến độ. Trên cơ sở thông báo của Nhà thầu, Chủ đầu tư phải nhanh chóng đánh giá tình hình và có thể xem xét gia hạn hợp đồng. Trường hợp Chủ đầu tư đồng ý gia hạn, các bên tiến hành thương thảo để làm cơ sở ký kết phụ lục sửa đổi, bổ sung hợp đồng.

28.2. Trừ trường hợp bất khả kháng quy định tại Mục 26 ĐKC, Nhà thầu giao hàng chậm hoặc hoàn thành dịch vụ liên quan chậm có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định tại Mục 22 ĐKC.

## **29. Chấm dứt hợp đồng**

29.1. Chấm dứt hợp đồng do sai phạm

a) Chủ đầu tư có thể chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng mà không gây tổn hại đến các biện pháp khắc phục vi phạm hợp đồng khác bằng cách thông báo bằng văn bản cho Nhà thầu về sai phạm trong hợp đồng trong các trường hợp sau:

(i) Nhà thầu không thể bàn giao hàng hóa hoặc một phần hàng hóa trong thời hạn quy định theo hợp đồng, hoặc trong thời gian gia hạn theo quy định tại Mục 28 ĐKC;



(ii) Nhà thầu không thực hiện bất kỳ nghĩa vụ nào khác theo hợp đồng;

(iii) Chủ đầu tư xác định Nhà thầu vi phạm một trong các hành vi bị cấm quy định tại HSMT trong quá trình đấu thầu hoặc thực hiện hợp đồng;

b) Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a khoản này, Chủ đầu tư có thể mua sắm hàng hóa và dịch vụ liên quan tương tự như các hàng hóa và dịch vụ chưa được thực hiện theo các điều khoản và phương thức phù hợp. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư các chi phí phát sinh từ việc mua hàng hóa và dịch vụ tương tự đó. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt.

#### 29.2. Chấm dứt hợp đồng do mất khả năng thanh toán

Trường hợp Nhà thầu phá sản hoặc mất khả năng thanh toán, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng vào bất kỳ thời điểm nào bằng cách gửi thông báo cho Nhà thầu. Trong trường hợp đó, hợp đồng sẽ chấm dứt và Nhà thầu không được bồi thường với điều kiện là việc chấm dứt hợp đồng không gây tổn hại hoặc ảnh hưởng đến bất kỳ quyền khởi kiện hoặc biện pháp khắc phục của Chủ đầu tư trước đó hoặc sau đó.

### **30. Hạn chế xuất khẩu**

Trường hợp quốc gia, vùng lãnh thổ cung cấp hàng hóa, dịch vụ có các quy định thương mại dẫn tới việc hạn chế xuất khẩu, gây khó khăn cho Nhà thầu trong việc thực hiện các nghĩa vụ hợp đồng, Nhà thầu không bắt buộc phải hoàn thành nghĩa vụ giao hàng, thực hiện dịch vụ với điều kiện là Nhà thầu cung cấp cho Chủ đầu tư các tài liệu chứng minh việc đã hoàn thành tất cả các thủ tục xuất khẩu cần thiết, bao gồm cả xin giấy phép hoặc ủy quyền để xuất khẩu hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng. Trong trường hợp này, Chủ đầu tư có thể chấm dứt hợp đồng với Nhà thầu.



**Biểu mẫu hợp đồng**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

**HỢP ĐỒNG**

Số: ...../26-VTB/.....-VAH

V/v: Mua Kim loại đen, Kim loại màu, Kim loại không rỉ và Ống thép cho XN  
VTB&CTL năm 2026 , đơn hàng VT-933/26-VTB-TTH,

Căn cứ vào nhu cầu của Liên doanh Việt – Nga Vietsovpetro. XN Vận tải biển & Công tác  
lặn và khả năng cung cấp của Công ty .....

Hôm nay, ngày      tháng      năm 2026 , các Bên gồm:

**BÊN A: LIÊN DOANH VIỆT NGA VIETSOVPETRO**

- Địa chỉ               : 105 Lê Lợi, Phường Rạch Dừa, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại         : 0254-3839871 , telex 02541 045-VSP-VT , Fax 0254-3839857
- MST                  : 3500102414
- Tài khoản         : 008.100.000311.2 tại ngân hàng Vietcombank, CN Vũng Tàu.
- Đại diện           : Ông Dương Bình Minh - Giám đốc XN Vận tải biển & Công tác lặn  
(Theo giấy ủy quyền của TGD Vietsovpetro số      /UQ-PL ký ngày ...../2026).

**BÊN B:**

- Địa chỉ       :
- Điện thoại :
- MST         :
- Tài khoản :
- Do Ông     :

Hai Bên thỏa thuận ký kết hợp đồng với các điều khoản như sau:

**ĐIỀU 1 : ĐỐI TƯỢNG HỢP ĐỒNG.**

- 1.1. Bên A đồng ý mua, Bên B đồng ý bán “ Kim loại đen, Kim loại màu, Kim loại không  
rỉ và Ống thép” (theo đơn hàng số VT-933/26-VTB-TTH) - lô 09.1 (sau đây gọi tắt  
là hàng hoá) với chủng loại, số lượng, đặc tính kỹ thuật, đơn giá và tổng giá trị hàng  
hóa như được nêu tại bảng sau:

*đơn vị tính VND*

| STT | Danh mục<br>hàng hóa | ĐVT | SL | Xuất xứ, ký<br>mã hiệu | Đơn giá<br>(VND) | Thành tiền<br>(VND) |
|-----|----------------------|-----|----|------------------------|------------------|---------------------|
| 1   |                      |     |    |                        |                  |                     |
| 2   |                      |     |    |                        |                  |                     |

|                                                   |  |  |  |  |  |  |
|---------------------------------------------------|--|--|--|--|--|--|
| 3                                                 |  |  |  |  |  |  |
| ...                                               |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng giá trị hàng hóa</b>                      |  |  |  |  |  |  |
| <b>Thuế GTGT (%)</b>                              |  |  |  |  |  |  |
| <b>Tổng giá trị hợp đồng đã bao gồm thuế GTGT</b> |  |  |  |  |  |  |

Bảng chữ: ..... đồng./.

1.2. Hình thức hợp đồng: hợp đồng trọn gói.

## **ĐIỀU 2: GIÁ CẢ, TRỊ GIÁ HỢP ĐỒNG.**

2.1. Tổng giá trị Hợp đồng: ..... VND

2.2. Giá trị Hợp đồng nêu trên được tính trên cơ sở giao hàng tại kho XN Vận tải biển & Công tác lặn - Vietsovpetro tại phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh, bao gồm giá trị hàng hóa và các loại phí do Bên B chi trả như phí vận chuyển, đóng gói, bốc xếp lên phương tiện vận chuyên, giám định hàng hóa trước khi gửi hàng, ... và các chi phí khác liên quan đến việc thực hiện Hợp đồng này. Giá trên là giá cố định và không thay đổi trong suốt thời gian Hợp đồng có hiệu lực.

## **ĐIỀU 3: QUY CÁCH, SỐ LƯỢNG VÀ CHẤT LƯỢNG HÀNG HÓA.**

- 3.1. Quy cách, số lượng, chất lượng, chủng loại, ký mã hiệu, hăng sản xuất, nước sản xuất, năm sản xuất và những thông số khác của hàng hóa do Bên B cung cấp phải hoàn toàn phù hợp với quy định trong Điều 1 của Hợp đồng này. Hàng hóa được sản xuất năm 2025 trở về sau, mới 100% và trong tình trạng sử dụng tốt.
- 3.2. Hàng hóa giao theo Hợp đồng này sẽ được đóng trong bao bì thích hợp, theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, bảo đảm cho Hàng hóa không bị hư hại, ăn mòn trong quá trình vận chuyển và thuận tiện cho bốc xếp, bốc dỡ, bảo quản trong kho của bên A.
- 3.3. Bên B chịu toàn bộ phí tổn đối với mọi mất mát/ hư hại của Hàng hóa trong quá trình bốc xếp, bốc dỡ, vận chuyển do ghi ký mã hiệu không đúng, không đầy đủ cũng như chịu mọi chi phí vận chuyển, bảo quản, mất mát phát sinh thêm do Hàng hóa bị gửi nhầm địa chỉ do ghi ký mã hiệu sai.
- 3.4. Hồ sơ kèm theo hàng hóa gồm:
  - Hóa đơn thuế GTGT (bản gốc).
  - Chứng chỉ, tài liệu **giao kèm hàng hóa**: theo YCKT.

## **ĐIỀU 4: GIAO NHẬN VÀ KIỂM TRA, GIÁM ĐỊNH HÀNG HÓA**

4.1 Hàng hóa được giao phải phù hợp với yêu cầu quy định tại Điều 1 và Điều 3 của Hợp đồng này trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng này. Ngày giao hàng của Hợp đồng này được ghi trong Biên bản giao nhận hàng do đại diện hai Bên ký như quy định tại Mục 4.6 dưới đây.

Định kỳ 02 tuần/lần (trước ngày 15 và 30 hàng tháng), Bên B có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Bên A cập nhật tình hình đặt hàng, tiến độ sản xuất và kế hoạch giao hàng của hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên B gặp vướng



- mắc liên quan đến việc giao hàng thì Bên B cần khẩn trương thông báo cho Bên A bằng văn bản để hai bên phối hợp xem xét xử lý nhằm đảm bảo việc cung cấp hàng hóa cho Bên A theo đúng chất lượng và tiến độ của hợp đồng.
- 4.2 Hàng hóa được giao tối đa 02 lần vào kho của Bên A (XNVTB&CTL) phường Rạch Dừa, thành phố Hồ Chí Minh. Bên B cam kết giao hàng đúng số lần quy định.
  - 4.3 Dỡ hàng từ phương tiện của Bên B do Bên A đảm nhận bằng phương tiện, nhân lực và chi phí của mình.
  - 4.4 Trong vòng 02 ngày trước khi giao hàng, Bên B phải thông báo bằng văn bản cho Bên A biết về số lượng, quy cách đóng gói hàng hóa để Bên A bố trí nhân lực và phương tiện bốc dỡ.
  - 4.5 Người của Bên B đến giao hàng phải có giấy giới thiệu của người đại diện ký Hợp đồng của Bên B.
  - 4.6 Đại diện của Bên A (Phòng Kế toán, Xưởng sửa chữa, Phòng Dịch vụ - Thương mại - Vật tư) và đại diện của Bên B tham gia giao nhận, kiểm tra hàng hóa của Hợp đồng này và lập Biên bản giao nhận hàng ghi rõ số lượng, tình trạng, các hồ sơ giao kèm theo hàng hóa. Biên bản giao nhận hàng phải do đại diện có thẩm quyền của hai Bên ký và được Lãnh đạo Bên A phê duyệt. Biên bản giao nhận hàng là căn cứ để Bên A thanh toán cho Bên B.
  - 4.7 Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày giao nhận hàng hoá, Bên B phải cung cấp cho Bên A đầy đủ các hồ sơ chứng chỉ, hoá đơn liên quan, trong trường hợp quá thời hạn nêu trên Bên A vẫn chưa nhận được đầy đủ hồ sơ chứng từ, Bên A có quyền trả lại hàng.
  - 4.8 Trong trường hợp cần thiết, bằng chi phí của mình, Bên A có quyền trưng cầu cơ quan giám định độc lập tham gia giám định hàng hóa. Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ khi kết thúc giám định, cơ quan giám định độc lập cung cấp Chứng thư giám định tình trạng và số lượng hàng hóa. Chứng thư giám định hàng hóa là căn cứ pháp lý để Bên A khiếu nại Bên B.

## **ĐIỀU 5: BAO BÌ, ĐÓNG GÓI VÀ KÝ MÃ HIỆU:**

- 5.1 Hàng hoá giao theo Hợp đồng này sẽ được đóng trong bao bì thích hợp theo tiêu chuẩn xuất khẩu, bảo đảm cho hàng hoá không bị hư hại, ăn mòn trong quá trình vận chuyển và thuận tiện cho bốc xếp, bốc dỡ.
- 5.2 Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm trong trường hợp hàng hoá bị mất mát, hư hỏng do thiếu sót trong việc đóng gói Hàng hoá.
- 5.3 Hàng hoá có thể được ghi rõ ràng bằng sơn không xóa được trên bề mặt hoặc in trên tấm ghi nhãn dính trên từng kiện với các thông tin sau bằng tiếng Anh hay tiếng Việt:
  - Tên nhà sản xuất.
  - Tên Hàng.
  - Khối lượng (nếu có).
  - Số Hợp đồng (nếu có).
- 5.4 Bên B chịu toàn bộ phí tổn đối với mọi mất mát/ hư hại của Hàng hoá trong quá trình bốc xếp, bốc dỡ, vận chuyển do ghi ký mã hiệu không đúng, không đầy đủ cũng như chịu mọi chi phí vận chuyển, bảo quản, mất mát phát sinh thêm do Hàng hóa bị gửi nhầm địa chỉ do ghi ký mã hiệu sai.

## **ĐIỀU 6: TRÁCH NHIỆM DO VI PHẠM HỢP ĐỒNG.**

- 6.1. Nếu Bên B giao hàng bị chậm thì Bên B phải chịu phạt 0,2%/ngày cho 10 ngày lịch chậm đầu tiên; phạt 0,3%/ngày cho những ngày lịch tiếp theo tính trên tổng số giá trị Hợp đồng giao chậm cho đến khi tổng số tiền phạt lên tới 8% giá trị Hợp đồng bị vi phạm.
- Nếu Bên B giao hàng cho từng nhóm hàng hóa quy định tại điều 4.1 theo nhiều lần giao hàng thì thời gian giao nhận hàng của nhóm hàng đó được tính là thời gian giao hàng theo lần giao cuối cùng. Hàng hóa của những lần trước chỉ được ghi nhận lưu kho tại kho của bên A cho đến khi Bên B giao đủ số lượng của nhóm hàng hóa đó.
- 6.2. Nếu Bên B không giao đủ số lượng, chủng loại hàng hóa (như quy định ở điều 1 của Hợp đồng này) thì Bên B vi phạm nghĩa vụ giao hàng theo Hợp đồng này và phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của Hợp đồng bị vi phạm.
- 6.3. Nếu Bên B giao hàng không đảm bảo chất lượng như qui định tại Điều 3 của Hợp đồng thì Bên A sẽ không nhận hàng và phạt Bên B theo mức phạt không giao đủ hàng như quy định tại Mục 6.2 của Hợp đồng này. Bên A có quyền chấp nhận/ không chấp nhận việc Bên B sẽ cung cấp hàng mới thay thế cho hàng không đảm bảo chất lượng trên.
- 6.4. Nếu Bên B giao hàng chậm quá 02 tháng (60 ngày lịch) so với thời gian quy định tại Mục 4.1 của Hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng (quy định tại điều 10 của hợp đồng), thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của phần Hợp đồng bị vi phạm.
- 6.5. Vi phạm do cung cấp chậm/ cung cấp không đủ hàng hoá:
- 6.5.1. Nếu Bên B giao hàng chậm quá 60 ngày lịch so với thời gian quy định tại mục 4.1 của hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền:
- a) Chỉ định bên thứ 3 có khả năng cung cấp hàng hóa. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện công việc cung cấp cho bên A.
- Hoặc;
- b) Trực tiếp ký hợp đồng mua hàng/hàng hoá kèm dịch vụ của Bên thứ 3 để tiếp tục thực hiện công việc của hợp đồng. Trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.
- Hoặc;
- c) Đơn phương chấm dứt thực hiện hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của phần hợp đồng bị vi phạm hoặc giá trị của nhóm hàng bị vi phạm.
- 6.5.2. Nếu Bên B giao hàng chậm (một phần hàng hoá) quá 60 ngày lịch so với thời gian quy định tại khoản 2 điều 3 của hợp đồng này, ngoại trừ trường hợp bất khả kháng, thì Bên A có quyền:
- a) Chỉ định bên thứ 3 có khả năng cung cấp hàng hóa. Trong trường hợp đó Bên B có trách nhiệm ký hợp đồng với bên được chỉ định để tiếp tục thực hiện công việc cung cấp cho bên A.
- Hoặc;
- b) Trực tiếp ký hợp đồng mua hàng/hàng hoá kèm dịch vụ của Bên thứ 3 để tiếp tục thực hiện công việc của hợp đồng. Trong trường hợp đó Bên B phải trả khoản tiền chênh lệch và các chi phí liên quan nếu có.



c) Đơn phương chấm dứt thực hiện tiếp hợp đồng và trong trường hợp này Bên B phải chịu phạt một khoản tiền bằng 08% giá trị của phần hợp đồng bị vi phạm.

6.6 Tổng các loại phạt không vượt quá 08% giá trị hợp đồng.

6.7 Giá trị hợp đồng bị vi phạm ghi ở Điều 6 của hợp đồng này là giá trị không có thuế GTGT và không bao gồm thuế nhập khẩu.

6.8 Để thu hồi khoản tiền phạt vi phạm, Bên A sẽ toàn quyền: 1) khấu trừ khoản tiền phạt vi phạm từ các khoản tiền mà Bên A sẽ thanh toán cho Bên B tại Hợp đồng này hoặc theo các hợp đồng khác được ký kết giữa hai bên; 2) Yêu cầu Ngân hàng cấp Bảo đảm thực hiện hợp đồng thanh toán ngay khoản tiền Bên B mở bảo lãnh cho Bên A ; 3) Bằng văn bản, yêu cầu Bên B thanh toán. Trong mọi trường hợp, Bên B cam kết nghiêm túc thực hiện nghĩa vụ thanh toán của mình cho Bên A.

6.9 Việc bồi thường thiệt hại (nếu có) được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

## **ĐIỀU 7: BẢO HÀNH.**

7.1 Bên B chịu trách nhiệm bảo hành chất lượng của hàng hóa trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giao hàng theo Hợp đồng này. Điều kiện bảo hành theo đúng tiêu chuẩn bảo hành của nhà sản xuất.

7.2 Trong thời gian bảo hành nếu Bên A phát hiện có hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa thì Bên A sẽ thông báo kịp thời bằng fax/email cho Bên B biết để cùng nhau xác minh. Việc xác minh sai sót về chất lượng phải được Bên B tiến hành không chậm quá 15 ngày lịch kể từ ngày Bên B nhận được thông báo. Việc xác minh phải được lập thành biên bản, trong đó ghi rõ kết luận về nguyên nhân gây ra hư hỏng, xác định trách nhiệm thay thế cái mới/sửa chữa các hư hỏng đó thuộc về bên nào và thời hạn thay thế/sửa chữa làm căn cứ pháp lý trong thực hiện hợp đồng này.

7.3 Tùy mức độ hư hỏng, nhưng không quá 15 ngày lịch kể từ ngày có kết luận về nguyên nhân hư hỏng, sai sót về chất lượng hàng hóa do lỗi của Bên B thì Bên B phải tiến hành sửa chữa các sai sót về chất lượng hoặc đổi lại hàng mới cho Bên A.

7.4 Trong thời hạn 07 ngày lịch kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A, nếu Bên B không trả lời thì coi như đã chấp nhận có sai sót về chất lượng hàng do lỗi của mình và có trách nhiệm phải sửa chữa các sai sót đó hoặc đổi lại hàng mới ngay trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên A.

7.5 Nếu Bên B tiến hành đổi lại hàng mới bị chậm so với thời hạn qui định ở mục 7.2 và 7.3 của hợp đồng này thì Bên B phải chịu phạt theo mức phạt giao hàng chậm như qui định ở mục 6.1 của hợp đồng này.

7.6 Hàng hóa sau khi được Bên B thay thế trong thời kỳ bảo hành sẽ được Bên B bảo hành lại 12 tháng kể từ ngày bàn giao (có biên bản giao nhận hàng như quy định tại Điều 4.6 của hợp đồng này).

## **ĐIỀU 8: THANH TOÁN.**

8.1 Bên A sẽ thanh toán cho bên B 100% giá trị hàng hóa đã giao bằng phương thức chuyển khoản qua ngân hàng trong vòng 15 ngày (làm việc) kể từ ngày bên A nhận đủ bộ chứng từ thanh toán cho hàng hoá đã giao bao gồm:

- Công văn đề nghị thanh toán (bản gốc)
  - Hóa đơn GTGT (1 bản gốc)
  - 01 bản gốc Biên bản giao nhận hàng (Điều 4.6 của Hợp đồng này).
  - 01 bản gốc các chứng từ (Điều 3.4 của Hợp đồng này).
- 8.2 Thuế GTGT ghi ở khoản 1 điều 1 khi thanh toán sẽ được điều chỉnh theo quy định của luật thuế GTGT tại thời điểm nghiệm thu/ bàn giao (nếu có thay đổi).
- 8.3 Bên A chỉ thanh toán cho Bên B đối với hàng hóa hoàn toàn phù hợp với yêu cầu nêu trong Hợp đồng.
- 8.4 Số tài khoản giao dịch theo Hợp đồng này của Bên B theo thông tin tài khoản tại trang 1 của Hợp đồng.
- 8.5 Phí chuyển tiền do Bên A chịu.

## **ĐIỀU 9: BẢO ĐẢM THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG.**

- 9.1 Trong vòng 07 ngày làm việc sau ngày ký hợp đồng (ghi tại trang 01 của hợp đồng), Bên B phải nộp giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng được cấp bởi Ngân hàng có uy tín và được bên A chấp nhận. Giá trị Bảo đảm thực hiện hợp đồng bằng 3% tổng giá trị hợp đồng. Giấy bảo lãnh này có hiệu lực bằng thời hạn giao hàng quy định tại mục 4.1 hợp đồng này cộng thêm 60 ngày lịch.
- 9.2 Mọi chi phí liên quan đến việc phát hành giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng do Bên B chịu.
- 9.3 Trong thời gian quy định tại mục 9.1 nêu trên, Bên B phải nộp bản gốc bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên A. Nếu sau thời gian quy định nói trên, Bên A không nhận được bảo lãnh thực hiện Hợp đồng thì Bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng và không hoàn trả Bảo đảm dự thầu của Bên B hoặc áp dụng quy định tại mục 6.8 của Hợp đồng này.
- 9.4 Bên B không được nhận lại Bảo đảm thực hiện hợp đồng trong trường hợp Bên B từ chối/không thực hiện hợp đồng sau khi ký hợp đồng.
- 9.5 Trong trường hợp Bên B vi phạm trách nhiệm thực hiện hợp đồng theo quy định tại hợp đồng này thì khoản tiền bảo đảm được Bên A dùng để khấu trừ tiền phạt.
- 9.6 Bên B phải ngay lập tức yêu cầu Ngân hàng phát hành giấy bảo lãnh thực hiện hợp đồng thực hiện sửa đổi giấy Bảo đảm thực hiện Hợp đồng trong trường hợp cần gia hạn thời gian hiệu lực của Bảo lãnh này vì lý do chậm giao hàng hoặc gia hạn thời hạn giao hàng, đồng thời gửi ngay cho Bên A giấy Bảo lãnh đã gia hạn hiệu lực. Trường hợp Bên B chậm gia hạn hiệu lực bảo lãnh khi có yêu cầu của Bên A bằng văn bản thì Bên B sẽ chịu phạt 0,2% giá trị bảo lãnh tương ứng/ mỗi ngày chậm. Tổng giá trị phạt này không vượt quá 8% giá trị bảo lãnh tương ứng.

## **ĐIỀU 10: BẤT KHẢ KHÁNG.**

- 10.1 Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép như: chiến tranh, bạo loạn, xung đột vũ trang, cấm vận, thiên tai (lũ lụt, bão, lở đất, động đất, sóng thần), hỏa hoạn, dịch bệnh (Epidemic, Pandemic) được WHO/Quốc gia công bố, lệnh phong tỏa Vùng/Quốc gia do Chính quyền sở tại áp đặt.

- 10.2 Bên gặp sự kiện bất khả kháng dẫn đến việc không thực hiện được nghĩa vụ theo hợp đồng do ảnh hưởng trực tiếp bởi các sự kiện bất khả kháng có nghĩa vụ phải ngay lập tức thông báo cho bên kia biết, bao gồm cung cấp thông tin, giải trình về sự ảnh hưởng trực tiếp của sự kiện bất khả kháng đến việc vi phạm thực hiện hợp đồng kèm chứng cứ chứng minh, các biện pháp đã được thực hiện để khắc phục vấn đề và giảm thiểu tổn thất. Việc chậm thông báo, cung cấp thông tin và giải trình nếu trễ hơn 14 ngày lịch sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra sẽ làm cho bên gặp bất khả kháng mất quyền miễn trách sau này vì lý do bất khả kháng.
- 10.3 Văn bản xác nhận của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam hoặc cơ quan có thẩm quyền ở nơi xảy ra sự kiện bất khả kháng là bằng chứng đủ để chứng minh sự kiện và thời gian xảy ra bất khả kháng.
- 10.4 Nếu sự kiện bất khả kháng kéo dài hơn 02 tháng, mỗi bên đều có quyền chấm dứt hợp đồng này mà không phải bồi thường bất cứ một khoản tiền nào cho bên kia.
- 10.5 Các khó khăn trong sản xuất như thiếu vật tư, điện, nhân công, đình công... không được coi là bất khả kháng và không miễn cho Bên B nghĩa vụ giao hàng hoặc giao hàng muộn; Các thông tin từ trang báo, mạng và các phương tiện truyền thông khác chỉ mang tính chất tham khảo.

## **ĐIỀU 11: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP.**

- 11.1 Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng giữa hai bên trên tinh thần hợp tác, hai bên cùng có lợi và tôn trọng lẫn nhau.
- 11.2 Trường hợp tranh chấp không thể giải quyết bằng thương lượng thì sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam (VIAC) tại Hà Nội theo Quy tắc tổ tụng trọng tài của Trung tâm này. Số lượng trọng tài viên là 03 người. Luật áp dụng là Luật Việt Nam.

Phán quyết của Trung tâm trọng tài là cuối cùng và buộc hai bên phải tuân thủ.

Án phí do bên thua kiện chịu.

## **ĐIỀU 12: CÁC ĐIỀU KHOẢN KHÁC.**

- 12.1 Bất kỳ sự sửa đổi, bổ sung nào đối với Hợp đồng này đều phải được hai bên thỏa thuận bằng văn bản.
- 12.2 Những điều không quy định hoặc quy định không đầy đủ trong Hợp đồng này sẽ căn cứ vào luật pháp Việt Nam hiện hành.
- 12.3 Không bên nào được chuyển quyền và nghĩa vụ của mình theo hợp đồng này cho bên thứ ba mà không được sự đồng ý trước bằng văn bản của bên kia.
- 12.4 Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày Ngân hàng Bên B mở bảo lãnh thực hiện Hợp đồng (ngày hiệu lực của bảo lãnh) và hoàn thành việc ký Hợp đồng nhưng không muộn hơn 7 ngày làm việc so với ngày được ghi trên Hợp đồng và tiếp tục cho đến khi hai bên thực hiện hết trách nhiệm của mình như quy định trong hợp đồng.
- 12.5 Hết thời hạn hiệu lực của hợp đồng, nếu hai bên không có khiếu nại gì coi như hợp đồng đã được thanh lý.
- 12.6 Hợp đồng gồm ..... và được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt (có sử dụng tiếng Anh

mô tả hàng hóa tại Điều 1), có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**



## MẪU BẢO LÃNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Kính gửi: .....

Liên quan tới Hợp đồng \_\_\_\_\_ về việc \_\_\_\_\_ (sau đây được gọi là “Hợp đồng”) được ký giữa \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH”) và \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN THỤ HƯỞNG”), chúng tôi, \_\_\_\_\_ có trụ sở chính tại \_\_\_\_\_ (sau đây gọi là “BÊN BẢO LÃNH”) phát hành Thư bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện và chịu trách nhiệm trước BÊN THỤ HƯỞNG với số tiền bảo đảm cho bên thụ hưởng với số tiền là \_\_\_\_\_ (Bằng chữ: \_\_\_\_\_) (sau đây gọi là “THƯ BẢO LÃNH”).

THƯ BẢO LÃNH này có hiệu lực kể từ ngày phát hành và sẽ duy trì hiệu lực cho đến \_\_\_\_\_ sau đây gọi là "Ngày hết hiệu lực". Đối với bất cứ sự gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng Hợp đồng vượt quá thời gian được quy định trong THƯ BẢO LÃNH này, BÊN THỤ HƯỞNG sẽ không cần phải thông báo hoặc được sự đồng thuận của BÊN BẢO LÃNH. THƯ BẢO LÃNH này sẽ được gia hạn dựa trên yêu cầu bằng văn bản từ BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH để đảm bảo cho thời gian gia hạn, đổi mới hoặc chuyển nhượng của Hợp đồng.

BÊN BẢO LÃNH cam kết không hủy ngang và vô điều kiện thanh toán ngay cho BÊN THỤ HƯỞNG một khoản tiền hay những khoản tiền, theo chỉ thị của BÊN THỤ HƯỞNG, tổng không vượt quá số tiền bảo lãnh nêu trên trong vòng 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được văn bản yêu cầu của BÊN THỤ HƯỞNG về việc vi phạm nghĩa vụ theo Hợp đồng của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và không cần bất kỳ sự giải thích nào, chúng tôi cam đoan sẽ trả cho BÊN THỤ HƯỞNG với số tiền bảo đảm là ...VND.

Sau Ngày hết hiệu lực, THƯ BẢO LÃNH này sẽ tự động không còn giá trị cho dù bản gốc THƯ BẢO LÃNH và các Thư sửa đổi liên quan (nếu có) có được gửi trả lại BÊN BẢO LÃNH hay không.

Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ được thanh toán ngay bởi BÊN BẢO LÃNH cho BÊN THỤ HƯỞNG cho dù có sự tranh cãi hoặc phản đối nào của BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH hoặc của BÊN BẢO LÃNH hoặc của bất kì bên thứ ba nào khác, và bất kể có hay không sự tranh chấp giữa BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH và BÊN THỤ HƯỞNG về hoặc liên quan tới Hợp đồng hoặc về bất cứ vấn đề khác và cho dù những tranh chấp này, nếu có, đã được giải quyết, dàn xếp, kiện tụng hoặc phân xử bằng bất kỳ hình thức nào.

BÊN BẢO LÃNH hoặc BÊN ĐƯỢC BẢO LÃNH sẽ không được giải trừ bất cứ nghĩa vụ nào theo THƯ BẢO LÃNH này cho dù có bất cứ sự sửa đổi, thay đổi, thanh toán sai lệch, gia hạn nào liên quan tới Hợp đồng hay bất kỳ sự trì hoãn ân hạn nào của BÊN THỤ HƯỞNG trong hoặc liên quan đến bất cứ vấn đề gì của Hợp đồng.

Việc đòi tiền nhiều lần theo bảo lãnh này là được phép và theo đó, Số tiền bảo lãnh nêu trên sẽ tự động giảm tương ứng với số tiền mà Ngân hàng đã thực hiện thanh toán cho Bên thụ hưởng theo Thư bảo lãnh.

Thư bảo lãnh được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ hoặc liên quan đến Thư bảo lãnh sẽ [do Tòa án nhân dân có thẩm quyền của Việt Nam giải quyết theo quy định của pháp luật] / [sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC].

THƯ BẢO LÃNH này được phát hành duy nhất 01 (một) bản song ngữ (tiếng Việt và tiếng Anh) và không được phép chuyển nhượng. Trường hợp có sự khác nhau về cách hiểu giữa nội dung tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt là căn cứ pháp lý.

**NGÂN HÀNG BẢO LÃNH**  
(Ký tên và đóng dấu)



## PHẦN 4. CÁC PHỤ LỤC

Chương này bao gồm các tài liệu: Phạm vi cung cấp, Yêu cầu kỹ thuật, Tiêu chí đánh giá kỹ thuật và Các tài liệu kỹ thuật khác + đường dẫn (link) để tham chiếu (nếu có).





DANH MỤC- СПЕЦИФИКАЦИЯ

Tên hàng hóa/Dịch vụ - На приобретение товаров/услуг: Kim loại đen, Kim loại màu, Kim loại không rỉ, Ống thép năm 2026

Чёрные металлы, Цветные металлы, Нержавеющие металлы, Стальные трубы на 2026 год

Số ĐHXN - № заявки: 90.XVTB-0051/26-TVT

| STT<br>П/п                                     | Mã Vật Tư<br>Код МТР | Tên VTTB/dịch vụ<br>(Việt/Nga hoặc Anh)<br>Наименование МТР/услуг<br>(вьетнам./русс. или англ.) | Đặc Tính Kỹ Thuật<br>Технические характеристики                                                                          | ĐVT<br>Ед. Изм. | Số Lượng<br>Кол-во | Ghi Chú<br>Примечание |
|------------------------------------------------|----------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|--------------------|-----------------------|
| (1)                                            | (2)                  | (3)                                                                                             | (4)                                                                                                                      | (5)             | (6)                | (7)                   |
| I. VẬT TƯ THIẾT BỊ                             |                      |                                                                                                 |                                                                                                                          |                 |                    |                       |
| Group I. Kim loại đen - Черный металлопрокат   |                      |                                                                                                 |                                                                                                                          |                 |                    |                       |
| 1                                              | 037.021.00674        | Thép tấm 3x1500x6000 -<br>Сталь листовая                                                        | ASTM A36/ SS400 (211,95 kg/tấm) hoặc tương đương.                                                                        | Kg              | 635,85             |                       |
| 2                                              | 037.020.00148        | Thép tấm gân 5x1500x6000 -<br>Сталь листовая рифленая                                           | ASTM A36/ SS400 (380.25 kg/tấm) hoặc tương đương.                                                                        | Kg              | 1.140,75           |                       |
| 3                                              | 037.021.00948        | Thép tấm 6x1500x6000<br>CT3/SS400 - Сталь листовая                                              | ASTM A36/ SS400 (423.9 kg/tấm) hoặc tương đương.                                                                         | Kg              | 2.967,30           |                       |
| 4                                              | 037.021.01826        | Thép tấm 8x1500x6000 -<br>Сталь листовая                                                        | ASTM A36/ SS400 (565,2 kg/tấm) hoặc tương đương.                                                                         | Kg              | 4.521,60           |                       |
| 5                                              | 037.021.01572        | Thép tấm 10x1500x6000 -<br>Сталь листовая/Steel plate                                           | ASTM A36/ SS400 (706,5 kg/tấm) hoặc tương đương.                                                                         | Kg              | 3.532,50           |                       |
| 6                                              | 037.021.01632        | Thép tấm 12x1500x6000 -<br>Сталь листовая                                                       | ASTM A36/ SS400 (847,8 kg/tấm) hoặc tương đương.                                                                         | Kg              | 2.543,40           |                       |
| 7                                              | 037.021.01636        | Thép tấm 16x1500x6000 -<br>Сталь листовая                                                       | ASTM A36/ SS400 (1130.40 kg/tấm) hoặc tương đương.                                                                       | Kg              | 1.130,40           |                       |
| 8                                              | 037.018.00663        | Thép góc 75x75x8 - Уголок<br>стальной                                                           | JIS G3101- SS400 (8.99kg/mét) hoặc tương đương.                                                                          | Kg              | 539,40             |                       |
| 9                                              | 037.018.00664        | Thép góc 50x50x5 - Уголок<br>стальной                                                           | JIS G3101- SS400 (3,77kg/mét) hoặc tương đương.                                                                          | Kg              | 452,40             |                       |
| 10                                             | 037.015.01332        | Beam I 150x75x5x7; ASTM<br>A36- Балка - Thép hình                                               | Section, Beam, Carbon Steel, ASTM A36 hoặc tương đương., 150x75x5x7<br>mm (6 m per length) (14 kg/mét)                   | Kg              | 336,00             |                       |
| 11                                             | 037.015.00890        | Beam H200x150x6x9 ASTM<br>A36 - Thép chữ I/ Балка                                               | Beam H200 x 150 x 6 x 9mm, standard specification: ASTM A36 hoặc<br>tương đương, 6 meters per length (30,6 kg/ mét)      | Kg              | 734,40             |                       |
| Group II. Kim loại màu - Цветной металлопрокат |                      |                                                                                                 |                                                                                                                          |                 |                    |                       |
| 12                                             | 037.032.00001        | Babit B83 - Баббит/Babbitt                                                                      | 1- Thành phần hóa học:<br>-Thiếc (Sn): 80.9-84.5%<br>-Antimon (Sb): 10-12%<br>-Đồng ( Cu) 5.5-5.6%<br>-Nhôm (Al): 0.005% | Kg              | 195,00             |                       |



|                                                                 |               |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |    |          |  |
|-----------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|----------|--|
|                                                                 |               |                                                                                   | 2- Tính chất cơ lý:<br>-Tỉ trọng: 7.38 gram/cm <sup>3</sup><br>-Độ cứng: 28.5 HB<br>-Nhiệt độ bắt đầu nóng chảy: 240°C<br>-Nhiệt độ cháy: 370°C                                                                                                                                            |    |          |  |
| <b>Group III. Kim loại không gỉ - Нержавеющий металлопрокат</b> |               |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |    |          |  |
| 13                                                              | 037.041.00002 | Đồng thau (đồng vàng) tròn Φ90 - Прутки латунные                                  | ASTM (ISSA Code 2009-63.380.00) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                          | Kg | 30,00    |  |
| 14                                                              | 037.041.00003 | Đồng thau (đồng vàng) tròn Φ120 - Прутки латунные                                 | ASTM (ISSA Code 2009-63.380.00) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                          | Kg | 30,00    |  |
| 15                                                              | 037.006.00389 | Thép tấm không gỉ SS316/316L, 2mm/ Сталь лист. Нерж.                              | Thép tấm không gỉ SS316/316L; KT: 2x1524x3048; Mặt ngoài: Độ bóng bề mặt 2B, không bị trầy xước, Có lớp nhựa bảo vệ chống trầy xước. Sai lệch chiều dày tấm: ± 0,22 mm.                                                                                                                    | Kg | 148,20   |  |
| 16                                                              | 037.006.00272 | Thép tấm không gỉ / Stainless steel plate / Сталь лист. Нерж. 3x1524x3048mm SS316 | Thép tấm không gỉ SS316, 3x1524x3048mm, Vật liệu SS316/ SS316L theo ASTM A240 hoặc tương đương<br>Kích thước 3x1524x3048 mm<br>Độ bóng bề mặt 2B, không trầy xước, không cong vênh. Có màng PE bảo vệ chống trầy xước, khả năng bóc tách màng PE tốt.<br>Sai lệch chiều dày tấm: ±0,15 mm. | Kg | 222,40   |  |
| <b>Group IV. Ống thép - Трубы стальные</b>                      |               |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                            |    |          |  |
| 17                                                              | 038.010.02578 | Ống thép Φ21.3x4.8 - Труба стальная                                               | Steel pipe API 5L GR.B (11.70 kg/ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                 | Kg | 234,00   |  |
| 18                                                              | 038.010.04562 | Ống thép Φ26.7x3.9 - Труба стальная                                               | Steel pipe API 5L GR.B (13.20kg/ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                  | Kg | 396,00   |  |
| 19                                                              | 038.010.03494 | Ống thép Φ33.4x4.6 - Труба стальная                                               | Steel pipe API 5L GR.B (19.44kg/ ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                 | Kg | 583,20   |  |
| 20                                                              | 038.010.02757 | Ống thép Φ42.2x4.85 - Труба стальная                                              | Steel pipe API 5L GR.B (26.82kg/ ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                 | Kg | 804,60   |  |
| 21                                                              | 038.010.03532 | Ống thép Φ48.3x5.08 - Труба стальная                                              | Steel pipe API 5L GR.B (32.46 kg/ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                 | Kg | 973,80   |  |
| 22                                                              | 038.010.03883 | Ống thép Φ60.3x5.5 - Труба стальная                                               | Steel pipe API 5L GR.B (44.88kg/ ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                 | Kg | 897,60   |  |
| 23                                                              | 038.010.04267 | Ống thép Φ73x7.01 - Труба стальная                                                | Steel pipe API 5L GR.B (68.46kg/ ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                 | Kg | 684,60   |  |
| 24                                                              | 038.010.06287 | Ống thép Φ88.9x7.62 - Труба стальная                                              | Steel pipe API 5L GR.B (91.62kg/ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                  | Kg | 1.832,40 |  |
| 25                                                              | 038.010.06288 | Ống thép Φ114.3x8.56 - Труба стальная                                             | Steel pipe API 5L GR.B (133.92kg/ ống/6m) hoặc tương đương.                                                                                                                                                                                                                                | Kg | 1.071,36 |  |



|    |               |                                           |                                                                                |     |        |  |
|----|---------------|-------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----|--------|--|
| 26 | 038.010.05052 | Ống thép Φ141.3x9.53 -<br>Труба стальная  | Steel pipe API 5L GR.B (185.82kg/ ống/6m) hoặc tương đương.                    | Kg  | 557,46 |  |
| 27 | 038.010.06289 | Ống thép Φ168.3x10.97 -<br>Труба стальная | Steel pipe API 5L GR.B (255.37kg/ ống/6m) hoặc tương đương.                    | Kg  | 510,74 |  |
| 28 | 040.005.04116 | Cơ thép 90° Φ60.3x5.54 -<br>Отвод/Elbow   | Elbow 90 Deg LR DN60.3x5.54 ASTM B16 SCH 160 SA-234M Gr.WPB hoặc tương đương.  | Pce | 30,00  |  |
| 29 | 040.005.01907 | Cơ thép 90° Φ88.9x7.6 -<br>Отвод/Elbow    | Elbow 90 Deg LR DN88.9x7.6 ASTM B16 SCH 160 SA-234M Gr.WPB hoặc tương đương.   | Pce | 30,00  |  |
| 30 | 040.005.01396 | Cơ thép 90° Φ114.3x8.56 -<br>Отвод/Elbow  | Elbow 90 Deg LR DN114.3x8.56 ASTM B16 SCH 160 SA-234M Gr.WPB hoặc tương đương. | Pce | 20,00  |  |

(\*) : *New items*





**YÊU CẦU KỸ THUẬT**  
**ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ**

**MUA THÉP ĐEN, KIM LOẠI MÀU, KIM LOẠI KHÔNG RỈ, ÓNG THÉP CHO**  
**XN VTB&CTL NĂM 2026**

**НА ПРИОБРЕТЕНИЕ: ЧЕРНЫЙ МЕТАЛЛОПРОКАТ, ЦВЕТНОЙ МЕТАЛЛОПРОКАТ,**  
**НЕРЖАВЕЮЩИЙ МЕТАЛЛОПРОКАТ, СТАЛЬНЫЕ ТРУБЫ ДЛЯ ПМТиВР В 2026 ГОДУ**

**1. MỤC ĐÍCH VÀ ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG VẬT TƯ**

**ЦЕЛЬ И УСЛОВИЯ ИСПОЛЬЗОВАНИЯ МАТЕРИАЛОВ**

- 1.1. Mục đích sử dụng: Phục vụ công tác sửa chữa đội tàu XN của Xưởng sửa chữa.  
Назначение: для ремонта судов флота ПМТиВР, выполняемых ЦТОиРС.
- 1.2. Điều kiện sử dụng: Hàng hóa dùng trong môi trường biển, nhiệt đới, độ ẩm không khí cao, nhiệt độ cao, làm việc liên tục.  
Условия использования: используется в условиях воздействия морской среды, тропических условиях, при высоких температурах и высокой влажности, в непрерывном режиме эксплуатации.

**2. YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI VẬT TƯ**

**ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ К МАТЕРИАЛАМ**

**2.1. Năm sản xuất:**

Год производства:

Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất không trước năm 2025.

100% новый, неиспользованный, произведен не ранее 2025 года.

**2.2. Phạm vi cung cấp:**

Объем работ:

Trong Hồ sơ dự thầu, đối với từng mặt hàng, Nhà thầu phải nêu rõ tên hàng hóa, các đặc tính kỹ thuật chào thầu, tên nhà sản xuất và xuất xứ hàng hóa; không được sử dụng các từ viết tắt. Trường hợp Nhà thầu chào nhiều hơn một nhà sản xuất cho cùng một mặt hàng, mỗi nhà sản xuất phải được trình bày thành một PHƯƠNG ÁN (OPTION) riêng biệt, đồng thời phải nêu rõ quốc gia xuất xứ tương ứng của từng nhà sản xuất.

V тендерном предложении по каждой позиции товара должны быть четко указаны наименование товара, предлагаемые технические характеристики, наименование производителя и страна происхождения без использования сокращений. В случае если подрядчик предлагает более одного производителя для одной позиции, каждый производитель должен быть представлен в виде отдельного ВАРИАНТА (OPTION), при этом страна происхождения, соответствующая каждому производителю, должна быть указана отдельно.

Nhà thầu chào hàng đầy đủ số lượng hàng hóa của từng nhóm hoặc tất cả các nhóm theo danh mục nhóm.

Подрядчик обязан подать предложение на полный объем товаров по каждой группе либо по всем группам в соответствии с перечнем групп.

Group I: Từ mục 01 đến mục 11/C поз. 01 до поз. 11.

Group II: Từ mục 12 đến mục 12/C поз. 12 до поз. 12.

Group III: Từ mục 13 đến mục 16/C поз. 13 до поз. 16.

Group IV: Từ mục 17 đến mục 30/C поз. 17 до поз. 30.

2.3. Nếu có bất kỳ thay đổi nào về đặc tính kỹ thuật, nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật để đánh giá và kèm theo xác nhận của nhà sản xuất chứng minh hàng hóa đề xuất tương đương hoặc tốt hơn hàng hóa trong đơn hàng.

В случае наличия каких-либо изменений в технических характеристиках, подрядчик должен предоставить техническую документацию для проведения оценки и приложить подтверждение от производителя о том, что предлагаемый товар эквивалентен или лучше товара, указанного в заявке.

#### 2.4. Bảo hành:

Гарантия:

Thời hạn bảo hành sản phẩm: trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký biên bản giao nhận hàng.

Гарантийный срок на продукцию: 12 месяцев с даты подписания Акта приёмки-передачи товаров.

### 3. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI VẬT TƯ

#### ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ НА МАТЕРИАЛЫ

Hàng hóa chào hàng có đặc tính kỹ thuật phù hợp theo các yêu cầu được quy định tại danh mục hàng hóa của đơn hàng, có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.

Технические характеристики предложенных товаров должны соответствовать требованиям, установленным в спецификации заявки, с эквивалентным или лучшим качеством.

Trong trường hợp có sự không nhất quán giữa danh mục hàng hóa “DANH MỤC” và Yêu cầu kỹ thuật, Yêu cầu kỹ thuật sẽ được ưu tiên áp dụng.

В случае любого несоответствия между перечнем товаров в «СПЕЦИФИКАЦИИ» и техническими требованиями, приоритет имеют технические требования.

### 4. NHÀ SẢN XUẤT, XUẤT XỨ HÀNG HÓA

#### ПРОИЗВОДИТЕЛЬ И ПРОИСХОЖДЕНИЕ ТОВАРОВ

Ưu tiên hàng hóa có xuất xứ từ các nhóm nước, vùng lãnh thổ sau G7, EU, Russia.

Приоритет отдается материалам, происходящим из групп стран и территорий G7, EU, Россия.

Nhà sản xuất hàng hóa Nhóm IV (mục 17 đến mục 27) thuộc “VSP’s Manufacturers List”.

Производители товаров групп IV (пункта 17 до пункта 27) должны быть включены в перечень «VSP’s Manufacturers List».

VSP’s Manufacturers List cho nhóm IV (mục 17 đến mục 27).

Перечень «VSP’s Manufacturers List» для групп IV (с поз. 17 до поз. 27).

| Group №                                             | Items                      | Approved Manufacturer                                                                                                                                                                                                                                             | Approved Manufacturer                                                                                                                                            | Remark |
|-----------------------------------------------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------|
| IV<br>(mục 17 đến mục 27)<br>(с поз. 17 до поз. 27) | Ống thép<br>Стальные трубы | <ul style="list-style-type: none"><li>• V&amp;M</li><li>• NSSMC</li><li>• Bentler</li><li>• Tenaris</li><li>• Turbos</li><li>• EEW</li><li>• SeAH</li><li>• Dongyang</li><li>• Nippon Steel</li><li>• Van Leeuwen</li><li>• JFE Steel</li><li>• Tubacex</li></ul> | <ul style="list-style-type: none"><li>• G. Fiori</li><li>• JFE Steel Corp</li><li>• Kawasaki</li><li>• Mitsui</li><li>• Soon Supply</li><li>• Sumitomo</li></ul> |        |

Đối với Nhà sản xuất hàng hóa nhóm IV (mục 17 đến mục 27): Bản sao hợp lệ của chứng chỉ Monogram API 5L tương ứng.

Для производителей товаров группы IV (с поз. 17 до поз. 27): действительная копия соответствующего сертификата Monogram API 5L.

Trong trường hợp nhà sản xuất hàng hóa nhóm IV (mục 17 đến mục 27), không thuộc “VSP’s Manufacturers List”, nhà thầu phải cung cấp thêm thông tin về năng lực của nhà sản xuất, bao gồm nhưng



không giới hạn: danh mục sản phẩm, hồ sơ công ty, tài liệu chứng minh các Hợp đồng tương tự đã thực hiện trước đó. Nhà thầu phải cung cấp các hợp đồng tương tự do nhà sản xuất đã thực hiện với vai trò là nhà thầu chính (độc lập hoặc là thành viên liên danh) hoặc là nhà thầu phụ. Các yêu cầu đối với hợp đồng tương tự như sau:

V случае, если производитель товаров группы IV (с поз. 17 до поз. 27), не включен в перечень «VSP's manufacturers list», подрядчик обязан предоставить дополнительную информацию о производственных и технических возможностях производителя, включая, но не ограничиваясь: каталогами, профилем компании и документами, подтверждающими выполнение аналогичных контрактов. Подрядчик должен предоставить сведения об аналогичных контрактах, выполненных производителем в качестве генерального подрядчика (самостоятельно или в составе консорциума) либо в качестве субподрядчика. Требования к аналогичным контрактам следующие:

| No | Nội dung<br>Содержание                                     | Hàng hóa<br>Закупка товаров                                                                                                             |
|----|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1  | Hợp đồng tương đương<br>Аналогичный контракт               | Đối với Nhóm IV (mục 17 đến mục 27): Cung cấp ống thép.<br>Для группы IV (с поз. 17 до поз. 27): поставка стальных труб.                |
| 2  | Thời hạn hợp đồng tương tự<br>Аналогичные условия договора | Trong vòng 05 năm trước thời hạn nộp hồ sơ dự thầu.<br>В течение 05 лет, предшествующих крайнему сроку подачи коммерческих предложений. |
| 3  | Số lượng hợp đồng<br>Количество контрактов                 | Ít nhất 01 Hợp đồng tương tự.<br>По крайней мере, 01 аналогичный контракт.                                                              |

## 5. THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG СРОКИ И МЕСТО ПОСТАВКИ

5.1. Phương thức và địa điểm giao hàng: hàng hóa được giao tại kho của Xí nghiệp Vận Tải Biển & CTL, Liên doanh Việt-Nga Vietsovetro.

Способ и место доставки: товар доставляется на склад ПМТиВР СП «Вьетсовпетро».

5.2. Thời hạn giao hàng: không muộn hơn 30 ngày kể từ khi ký hợp đồng.

Срок поставки: не позднее 30 дней с даты заключения контракта.

5.3. Số lần giao hàng:

Количество поставок:

01 lần cho mỗi nhóm và không quá 2 lần cho 01 hợp đồng.

01 раз для каждой группы и не более 02 раз для 01 контракта.

## 6. YÊU CẦU VỀ SỐ LƯỢNG VÀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA КОЛИЧЕСТВО И УПАКОВКА ТОВАРОВ

6.1. Số lượng:

Количество:

Nhà thầu được yêu cầu chào hàng đầy đủ số lượng cho từng mục hàng hóa và chào đầy đủ toàn bộ hàng hóa cho từng nhóm hoặc tất cả các nhóm, phù hợp với danh mục hàng hóa “DANH MỤC-СПЕЦИФИКАЦИЯ” của hồ sơ đấu thầu.

Подрядчик обязан предложить полное количество по каждой позиции и полный объем товаров по каждой группе либо по всем группам в соответствии с перечнем товаров согласно «СПЕЦИФИКАЦИИ» в тендерной документации.

6.2. Yêu cầu về đóng gói:

Требование к упаковке:

Hàng hóa được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và phù hợp với việc vận chuyển, lưu trữ.

Товар упакован по стандартам производителя и пригоден для транспортировки и хранения с обеспечением сохранности товаров в процессе транспортировки.

## 7. YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT ТРЕБОВАНИЯ К ТЕХНИЧЕСКОЙ ДОКУМЕНТАЦИИ

Hồ sơ chào thầu kỹ thuật yêu cầu phải cung cấp đầy đủ các tài liệu kỹ thuật để chứng minh hàng hóa mà nhà thầu cung cấp đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật tại mục 3 của yêu cầu kỹ thuật này, cụ thể:

Предложение с технической стороны должно включать все технические документы, подтверждающие, что поставляемый подрядчиком товар соответствует техническим требованиям, указанным в разделе 3 настоящих технических требований:

- Bảng chào thầu thể hiện đầy đủ tên gọi, đặc tính kỹ thuật chào hàng, nhà sản xuất, xuất xứ, số lượng.
- Таблица тендерных предложений с указанием полного наименования, характеристик предлагаемого товара, производителя, происхождения, количества.
- Catalogue, tài liệu của nhà sản xuất, trong đó có thể hiện đặc tính cho mỗi mục hàng hóa.
- Каталог, документ производителя, в котором указаны характеристики по каждой позиции товара.
- Tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất cung cấp trong hồ sơ dự thầu phải có tên và logo, và cung cấp link website của sản phẩm.
- Техническая документация производителя, представленная в тендерном предложении, должна содержать название и логотип, а также ссылку на веб-сайт продукта.
- Tài liệu kỹ thuật của nhà sản xuất cung cấp trong hồ sơ dự thầu bằng ngôn ngữ tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc tiếng Nga.
- Техническая документация производителя, представленная в тендерном предложении, должна быть на вьетнамском, английском или русском языке.
- Đối với Nhóm IV (mục 17 đến mục 27): Bản sao hợp lệ của chứng chỉ Monogram API 5L tương ứng.
- Для группы IV (с поз. 17 до поз. 27): копия действующего соответствующего сертификата Monogram API 5L.

## **8. YÊU CẦU VỀ CHỨNG CHỈ**

### **ТРЕБОВАНИЯ К СЕРТИФИКАТАМ ТОВАРОВ**

- 8.1. Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) hoặc chứng từ chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền của nước/vùng lãnh thổ sản xuất hoặc xuất khẩu cấp: Bản gốc CO hoặc eCO có đường dẫn xác thực, hoặc bản sao có chứng thực của nhà nhập khẩu – đối với hàng hóa nhập khẩu.  
Сертификат происхождения (CO) либо документы, подтверждающие происхождение товара, выданные компетентным органом страны/территории производства или экспорта: оригинал CO либо электронная версия (eCO) с ссылкой для проверки подлинности либо копия, заверенная импортёром – для импортируемых товаров.
- 8.2. Giấy chứng nhận chất lượng (CQ/CoC) do nhà sản xuất cấp, trong đó có thông tin về năm sản xuất của hàng hóa: Bản gốc CQ/CoC hoặc eCQ/eCoC có đường dẫn xác thực, hoặc bản sao có chứng thực của nhà nhập khẩu – đối với hàng hóa nhập khẩu.  
Сертификат качества (CQ/CoC), выданный производителем, содержащий информацию о годе изготовления товара: оригинал CQ/CoC либо электронная версия eCQ/eCoC с ссылкой для проверки подлинности либо копия, заверенная импортёром – для импортируемых товаров.
- 8.3. Giấy chứng nhận thử nghiệm vật liệu của nhà máy (Mill Test Certificate – MTC) theo tiêu chuẩn EN 10204 loại 3.1, do nhà sản xuất cấp: Bản gốc hoặc bản sao có đóng dấu của nhà nhập khẩu.  
Заводской сертификат испытаний материала (Mill Test Certificate – MTC) в соответствии со стандартом EN 10204, тип 3.1, выданный производителем: оригинал либо копия, заверенная печатью импортёра.
- 8.4. Giấy chứng nhận bảo hành do Nhà cung cấp phát hành: Bản gốc.  
Гарантийный сертификат, выданный поставщиком: оригинал.

## **9. PHƯƠNG PHÁP ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT**

### **МЕТОД ОЦЕНКИ ТЕХНИЧЕСКИХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ**

Chào hàng kỹ thuật sẽ được đánh giá theo từng nhóm theo Bảng tiêu chí đánh giá kỹ thuật kèm theo.

Техническое предложение подлежит оценке по каждой группе товаров в соответствии с Таблицей критериев оценки.



**LD VIỆT – NGÀ D VIỆT – NGÀ**  
**VIETSOVPETRO**  
**XÍ NGHIỆP VTB&CTL**



**TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT “ĐẠT/KHÔNG ĐẠT” CHO CÁC HỒ SƠ DỰ THẦU**  
**ĐƠN HÀNG MUA THÉP ĐEN, KIM LOẠI MÀU, KIM LOẠI KHÔNG RỈ, ỐNG THÉP**  
**CHO XN VTB&CTL NĂM 2026**

**КРИТЕРИИ ТЕХ. ОЦЕНКИ «СООТ./НЕ СООТ.» ТЕНДЕРНЫХ ПРЕДЛОЖЕНИЙ**  
**ПОДРЯДЧИКОВ ПО ЗАЯВКЕ НА ПРИОБРЕТЕНИЕ: ЧЕРНЫЙ**  
**МЕТАЛЛОПРОКАТ, ЦВЕТНОЙ МЕТАЛЛОПРОКАТ, НЕРЖАВЕЮЩИЙ**  
**МЕТАЛЛОПРОКАТ, СТАЛЬНЫЕ ТРУБЫ ДЛЯ ПМТИВР В 2026 ГОДУ**

| <b>№</b> | <b>Nội dung tiêu chí<br/>Название<br/>критерия</b>                    | <b>Chào hàng<br/>Предложение</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | <b>Đánh giá<br/>Оценка</b>    | <b>Lý do không đạt<br/>Причина несоответствия</b> |
|----------|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------|
| <b>1</b> | <b>YÊU CẦU CHUNG ĐỐI VỚI VẬT TƯ<br/>ОБЩИЕ ТРЕБОВАНИЯ К МАТЕРИАЛАМ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |                               |                                                   |
| 1.1      | Tình trạng hàng hóa<br>Состояние товаров                              | - Hàng mới 100%, chưa qua sử dụng, sản xuất không trước năm 2025.<br>- 100% новый, неиспользованный, произведен не ранее 2025 года.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Đạt<br>Соответствует          |                                                   |
|          |                                                                       | - Không phù hợp với yêu cầu trên.<br>- Не соответствует вышеуказанным требованиям.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Không đạt<br>Не соответствует |                                                   |
| 1.2      | Nội dung chào hàng<br>Содержание предложения                          | - Trong Hồ sơ dự thầu, đối với từng mặt hàng, Nhà thầu phải nêu rõ tên hàng hóa, các đặc tính kỹ thuật chào thầu, tên nhà sản xuất và xuất xứ hàng hóa; không được sử dụng các từ viết tắt. Trường hợp Nhà thầu chào nhiều hơn một nhà sản xuất cho cùng một mặt hàng, mỗi nhà sản xuất phải được trình bày thành một PHƯƠNG ÁN (OPTION) riêng biệt, đồng thời phải nêu rõ quốc gia xuất xứ tương ứng của từng nhà sản xuất.<br>- В тендерном предложении по каждой позиции товара должны быть четко указаны наименование товара, предлагаемые технические характеристики, наименование производителя и страна происхождения без использования сокращений. В случае если подрядчик предлагает более одного производителя для одной позиции, каждый производитель должен быть представлен в виде отдельного ВАРИАНТА (OPTION), при этом страна происхождения, соответствующая каждому производителю, должна быть указана отдельно. | Đạt<br>Соответствует          |                                                   |



|     |                                                                                            |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                  |  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|
|     |                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu chào hàng đầy đủ số lượng hàng hóa của từng nhóm hoặc tất cả các nhóm theo danh mục nhóm.</li> <li>- Подрядчик обязан подать предложение на полный объем товаров по каждой группе либо по всем группам в соответствии с перечнем групп.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                  |  |
|     |                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không phù hợp với yêu cầu trên.</li> <li>- Не соответствует вышеуказанным требованиям.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 1.3 | Thời hạn bảo hành<br>Срок гарантии                                                         | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn bảo hành sản phẩm: trong vòng 12 tháng kể từ ngày ký biên bản giao nhận hàng.</li> <li>- Гарантийный срок на продукцию: 12 месяцев с даты подписания Акта приёмки-передачи товаров.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | Đạt<br>Соответствует             |  |
|     |                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không ghi thời hạn bảo hành hoặc bảo hành dưới 12 tháng.</li> <li>- Нет гарантийного срока или гарантийный срок менее 12 месяцев.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 2   | <b>YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT ĐỐI VỚI VẬT TƯ</b><br><b>ТЕХНИЧЕСКИЕ ТРЕБОВАНИЯ ДЛЯ КОМПОНЕНТОВ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                  |  |
|     | Yêu cầu về kỹ thuật<br>Технические требования                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng hóa chào hàng có đặc tính kỹ thuật phù hợp theo các yêu cầu được quy định tại danh mục hàng hóa của đơn hàng, có chất lượng tương đương hoặc tốt hơn.</li> <li>- Технические характеристики предложенных товаров должны соответствовать требованиям, установленным в спецификации заявки, с эквивалентным или лучшим качеством.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                           | Đạt<br>Соответствует             |  |
|     |                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đáp ứng yêu cầu trên.</li> <li>- Не соответствует вышеуказанному требованию.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 3   | <b>NHÀ SẢN XUẤT, XUẤT XỨ HÀNG HÓA</b><br><b>ПРОИЗВОДИТЕЛЬ И ПРОИСХОЖДЕНИЕ ТОВАРОВ</b>      |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |                                  |  |
| 3.1 | Nhà sản xuất<br>Производитель                                                              | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thuộc “VSP’s Manufacturers List” (đối với Nhóm IV – mục 17 đến mục 27) hoặc nếu không thuộc danh sách trên, phải cung cấp đầy đủ: Hồ sơ năng lực nhà sản xuất, catalogue sản phẩm, tối thiểu 01 hợp đồng tương tự trong 5 năm gần đây, chứng chỉ API 5L Monogram còn hiệu lực.</li> <li>- Что касается производителей, включенных в перечень «VSP’s manufacturers list» (для группы IV поз. 17–27) или, если их нет в списке: должны быть предоставлено следующее: профиль производителя, каталог продукции, как минимум 01 аналогичный контракт за последние 05 лет и действующий сертификат API 5L Monogram.</li> </ul> | Đạt<br>Соответствует             |  |
|     |                                                                                            | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Không đáp ứng yêu cầu trên.</li> <li>- Не соответствует вышеуказанному требованию.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 3.2 | Xuất xứ hàng hóa<br>Происхождение товара                                                   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hàng hóa có xuất xứ rõ ràng, chứng minh bằng CO hợp lệ, ưu tiên hàng hóa có xuất xứ từ các nhóm nước, vùng lãnh thổ sau G7, EU, Russia.</li> <li>- Товары имеют четко определенное происхождение, подтвержденное действующим Сертификатом происхождения (CO), приоритет отдается материалам, произведенным в странах и на территориях G7, EU, Россия.</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                          | Đạt<br>Соответствует             |  |



|          |                                                                                   |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |  |
|----------|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|
|          |                                                                                   | -Không đáp ứng yêu cầu trên.<br>-Не соответствует вышеуказанному требованию.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| <b>4</b> | <b>THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM GIAO HÀNG<br/>СРОКИ И МЕСТО ПОСТАВКИ</b>                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |  |
| 4.1      | Thời hạn giao hàng<br>Срок поставки товара                                        | -Không muộn hơn 30 ngày kể từ khi ký hợp đồng.<br>-Не позднее 30 дней с даты заключения контракта.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Đạt<br>Соответствует             |  |
|          |                                                                                   | -Muộn hơn 30 ngày kể từ khi ký hợp đồng.<br>-Позднее 30 дней с даты заключения контракта.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 4.2      | Số lần giao hàng<br>Количеству поставок                                           | -01 lần cho mỗi nhóm và không quá 02 lần cho 01 hợp đồng.<br>-Максимум 01 раз для каждой группы и 02 раза для 01 контракта.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Đạt<br>Соответствует             |  |
|          |                                                                                   | -Không đáp ứng yêu cầu trên.<br>-Не соответствует вышеуказанному требованию.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| <b>5</b> | <b>YÊU CẦU VỀ SỐ LƯỢNG VÀ ĐÓNG GÓI HÀNG HÓA<br/>КОЛИЧЕСТВО И УПАКОВКА ТОВАРОВ</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |  |
| 5.1      | Số lượng<br>Количество товаров                                                    | - Nhà thầu được yêu cầu chào hàng đầy đủ số lượng cho từng mục hàng hóa và chào đầy đủ toàn bộ hàng hóa cho từng nhóm hoặc tất cả các nhóm, phù hợp với danh mục hàng hóa “DANH MỤC” của hồ sơ đấu thầu.<br>-Подрядчик обязан предложить полное количество по каждой позиции и полный объем товаров по каждой группе либо по всем группам в соответствии с перечнем товаров согласно «СПЕЦИФИКАЦИИ» в тендерной документации.                                                                                                                                                                                                                                                                              | Đạt<br>Соответствует             |  |
|          |                                                                                   | -Không đáp ứng yêu cầu trên.<br>-Не соответствует вышеуказанному требованию.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 5.2      | Yêu cầu về đóng gói<br>Требование о упаковке                                      | -Hàng hóa được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất và phù hợp với việc vận chuyển, lưu trữ.<br>-Товар упакован по стандартам производителя и пригоден для транспортировки и хранения с обеспечением сохранности товаров в процессе транспортировки.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Đạt<br>Соответствует             |  |
|          |                                                                                   | -Không đáp ứng yêu cầu trên.<br>-Не соответствует вышеуказанному требованию.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| <b>6</b> | <b>YÊU CẦU VỀ TÀI LIỆU KỸ THUẬT<br/>ТРЕБОВАНИЯ К ТЕХНИЧЕСКОЙ ДОКУМЕНТАЦИИ</b>     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                                  |  |
|          | Yêu cầu về tài liệu kỹ thuật/<br>Требования к технической документации            | -Nhà thầu được yêu cầu cung cấp trong hồ sơ chào hàng tài liệu kỹ thuật mô tả rõ tên gọi, ký mã hiệu, nhà sản xuất, nước sản xuất của hàng hóa; mô tả đầy đủ đặc tính kỹ thuật, hình dạng... của hàng hóa chào hàng để phục vụ cho việc đánh giá đối với tất cả các mục chào hàng. Tài liệu kỹ thuật có thể là catalogue, datasheets, bản mô tả hàng hoá... bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh hoặc tiếng Nga.<br>-Подрядчик должен предоставить вместе со своими тендерными предложениями технические документы с четким описанием наименования, номера детали, производителя и страны производителя; полным описанием технических характеристик, формы и т.д. товара для проведения оценки всех предложенных | Đạt<br>Соответствует             |  |



|     |                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |  |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|
|     |                                                                                    | позиций. Технические документы могут быть представлены в виде каталогов, технических данных, описаний товаров... на вьетнамском, английском или русском языках.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |  |
|     |                                                                                    | -Cam kết tài liệu chưa đầy đủ theo yêu cầu nhưng không ảnh hưởng đến việc đánh giá.<br>-Представленная документация неполная, но это не влияет на процесс оценки.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Chấp nhận<br>Принимать           |  |
|     |                                                                                    | -Không đáp ứng yêu cầu trên.<br>-Не соответствует вышеуказанному требованию.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 7   | <b>YÊU CẦU VỀ CHỨNG CHỈ<br/>TРЕБОВАНИЯ К СЕРТИФИКАТАМ ТОВАРОВ</b>                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                  |  |
| 7.1 | Chứng chứng<br>nhận xuất xứ<br>Сертификат<br>происхождени<br>я                     | -Giấy chứng nhận xuất xứ (CO) hoặc chứng từ chứng nhận xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền của nước/vùng lãnh thổ sản xuất hoặc xuất khẩu cấp: Bản gốc CO hoặc eCO có đường dẫn xác thực, hoặc bản sao có chứng thực của nhà nhập khẩu – đối với hàng hóa nhập khẩu.<br>-Сертификат происхождения (CO) либо документы, подтверждающие происхождение товара, выданные компетентным органом страны/территории производства или экспорта: оригинал CO либо электронная версия (eCO) с ссылкой для проверки подлинности либо копия, заверенная импортёром – для импортируемых товаров. | Đạt<br>Соответствует             |  |
|     |                                                                                    | -Không cung cấp đủ chứng chỉ như trên.<br>-Не предоставлены сертификаты, указанные выше.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 7.2 | Chứng nhận<br>chất lượng<br>Сертификат<br>качества                                 | -Giấy chứng nhận chất lượng (CQ/CoC) do nhà sản xuất cấp, trong đó có thông tin về năm sản xuất của hàng hóa: Bản gốc CQ/CoC hoặc eCQ/eCoC có đường dẫn xác thực, hoặc bản sao có chứng thực của nhà nhập khẩu – đối với hàng hóa nhập khẩu.<br>-Сертификат качества (CQ/CoC), выданный производителем, содержащий информацию о годе изготовления товара: оригинал CQ/CoC либо электронная версия eCQ/eCoC с ссылкой для проверки подлинности либо копия, заверенная импортёром – для импортируемых товаров.                                                                    | Đạt<br>Соответствует             |  |
|     |                                                                                    | -Không cung cấp đủ chứng chỉ như trên.<br>-Не предоставлены сертификаты, указанные выше.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |
| 7.3 | Giấy chứng<br>nhận thử<br>nghiệm vật liệu<br>Сертификат<br>испытаний<br>материалов | -Giấy chứng nhận thử nghiệm vật liệu của nhà máy (Mill Test Certificate – MTC) theo tiêu chuẩn EN 10204 loại 3.1, do nhà sản xuất cấp: Bản gốc hoặc bản sao có đóng dấu của nhà nhập khẩu.<br>-Заводской сертификат испытаний материала (Mill Test Certificate – MTC) в соответствии со стандартом EN 10204, тип 3.1, выданный производителем: оригинал либо копия, заверенная печатью импортёра.                                                                                                                                                                               | Đạt<br>Соответствует             |  |
|     |                                                                                    | -Không cung cấp đủ chứng chỉ như trên.<br>-Не предоставлены сертификаты, указанные выше.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |



|     |                                                     |                                                                                                                               |                                  |  |
|-----|-----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|--|
| 7.4 | Chứng nhận<br>bảo hành<br>Гарантийный<br>сертификат | -Giấy chứng nhận bảo hành do Nhà cung cấp phát hành:<br>Bản gốc<br>-Гарантийный сертификат, выданный поставщиком:<br>оригинал | Đạt<br>Соответствует             |  |
|     |                                                     | -Không cung cấp đủ chứng chỉ như trên.<br>-Не предоставлены сертификаты, указанные выше.                                      | Không đạt<br>Не<br>соответствует |  |

#### **ĐÁNH GIÁ/ОЦЕНКА:**

**1. Chào hàng được đánh giá ĐẠT YCKT khi tất cả các tiêu chí được đánh giá ĐẠT hoặc CHẤP NHẬN.**

Предложение оценивается как “СООТВ.” техническим требованиям, если все критерии оцениваются как соответствующие или принятые.

**2. Chào hàng đánh giá KHÔNG ĐẠT YCKT khi có ít nhất một tiêu chí được đánh giá KHÔNG ĐẠT**

Предложение оценивается как “НЕ СООТВ.” техническим требованиям, если имеется хотя бы один критерий, который оценивается как соответствующий.

